

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **3126** /SXD-PTĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **07** tháng 8 năm 2025

V/v thông báo nhà ở hình thành trong
tương lai đủ điều kiện được bán
đối với 2.093 căn hộ ở tại Tháp 5,
Tháp 6, Tháp 7, Tháp 8, Tháp 9,
Tháp 10-11, Tháp 12 thuộc dự án
Khu chung cư cao tầng CC1 và
Khu chung cư cao tầng CC5,
phường An Phú, Thành phố Thủ Đức
Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường
Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh
(địa chỉ: 2W Ung Văn Khiêm, phường Thạnh Mỹ Tây,
Thành phố Hồ Chí Minh)

Sở Xây dựng nhận được Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 (đính kèm hồ sơ) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh về thông báo đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai đối với 2.093 căn hộ ở tại Tháp 5, Tháp 6, Tháp 7, Tháp 8, Tháp 9, Tháp 10-11, Tháp 12 thuộc dự án Khu chung cư cao tầng CC1 và Khu chung cư cao tầng CC5, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh) (theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số H29.18.250324-0123 ngày 24/7/2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc Sở Xây dựng). Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

I. Thông tin về dự án

- Tên dự án : Khu chung cư cao tầng CC1 và Khu chung cư cao tầng CC5.
- Địa chỉ : thuộc Khu dân cư Nam Rạch Chiếc, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh).
- Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh.
- Địa chỉ trụ sở của chủ đầu tư: 2W Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh).
- Tổng diện tích khu đất: 42.903,8 m².
- Quy mô nhà ở : 3.175 căn hộ ở (gồm: Tháp 1-2 (534 căn hộ); Tháp 3 (274 căn); Tháp 4 (274 căn); Tháp 5 (274 căn); Tháp 6 (267 căn); Tháp 7 (274 căn); Tháp 8 (258 căn); Tháp 9 (262 căn); Tháp 10-11 (498 căn); Tháp 12 (260 căn) (theo Công văn số 323/HĐXD-QLDA ngày 23/6/2020 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng).

- Tiến độ thực hiện dự án: đến ngày 25 tháng 01 năm 2026 (theo Quyết định 335/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

- Nội dung đề nghị của chủ đầu tư: đề nghị xác nhận 2.093 căn hộ ở tại Tháp 5, Tháp 6, Tháp 7, Tháp 8, Tháp 9, Tháp 10-11, Tháp 12 trong tổng số 3.175 căn hộ ở thuộc dự án Khu chung cư cao tầng CC1 và Khu chung cư cao tầng CC5, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh) đủ điều kiện được bán nhà ở hình thành trong tương lai (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh).

II. Pháp lý của dự án

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh cung cấp hồ sơ đính kèm theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 gồm các văn bản (bản chính hoặc bản sao được chứng thực đúng với bản chính hoặc bản sao có đối chiếu với bản chính) như sau:

1. Thông tin pháp lý về hồ sơ thủ tục đầu tư của dự án

- Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chấp thuận đầu tư dự án hạ tầng kỹ thuật toàn khu 33,2 ha và đầu tư xây dựng giai đoạn 1-Khu chung cư cao tầng CC2 và Khu nhà ở thấp tầng OTM2 thuộc Khu dân cư Nam Rạch Chiếc tại phường An Phú, Quận 2 do Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc làm chủ đầu tư.

- Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chấp thuận đầu tư dự án đầu tư xây dựng giai đoạn 2-Khu chung cư cao tầng CC1 và Khu chung cư cao tầng CC5 thuộc Khu dân cư Nam Rạch Chiếc tại phường An Phú, Quận 2 do Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc làm chủ đầu tư.

- Quyết định số 4068/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chấp thuận cho chuyển nhượng một phần dự án Khu dân cư Nam Rạch Chiếc tại phường An Phú, Quận 2 do Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc làm chủ đầu tư (theo đó chấp thuận cho chuyển nhượng một phần dự án Khu dân cư Nam Rạch Chiếc tại phường An Phú, Quận 2 với diện tích đất là 42.903,8 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 380114, số vào sổ cấp GCN: CT20977 và số BK 380115, số vào sổ cấp GCN: CT20975 ngày 05/4/2013) từ Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh).

- Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Khu chung cư cao tầng CC1 và Khu chung cư cao tầng CC5 tại phường An Phú, Quận 2 (nay là Thành phố Thủ Đức) (cấp lần đầu: ngày 16/6/2017; Điều chỉnh lần thứ 01: ngày 25/01/2022); trong đó có nội dung: "Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất xanh".

2. Thông tin pháp lý về hồ sơ quy hoạch, thiết kế, xây dựng của dự án

- Công văn số 200/SGTVT-GTT ngày 08/6/2009 của Sở Giao thông vận tải về xác định mép bờ cao rạch Giồng Ông Tố, rạch Mương Kinh tại vị trí dự án Khu 90 ha Nam Rạch Chiếc thuộc phường An Phú, Quận 2.

- Công văn số 4794/SGTVT-XD ngày 16/8/2010 của Sở Giao thông vận tải về góp ý nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 Khu dân cư Nam Rạch Chiếc 90,31836 ha, Quận 2.

- Công văn số 553/SGTVT-CTN ngày 25/01/2011 của Sở Giao thông vận tải về đánh giá hiện trạng và định hướng tiêu thoát nước cho các dự án: Sài Gòn Sport City, Khu liên hiệp Thể dục thể thao Quốc gia Rạch Chiếc, sân Golf-Thể dục thể thao-Nhà ở Rạch Chiếc, Khu 90 ha Nam Rạch Chiếc, phường An Phú, Quận 2.

- Công văn số 548/UBND-ĐTMT ngày 08/02/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện quy hoạch và định hướng tiêu thoát nước cho các dự án đầu tư tại phường An Phú, Quận 2.

- Công văn số 3105/SGTVT-CTN ngày 30/5/2011 của Sở Giao thông vận tải về định hướng hệ thống thoát nước trong dự án 30 ha tái định cư và dự án 30 ha do Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc làm chủ đầu tư thuộc khu 90 ha Nam Rạch Chiếc, Quận 2.

- Công văn số 509/TC-QC ngày 25/11/2011 của Cục Tác Chiến (thuộc Bộ Tổng tham mưu) về chấp thuận độ cao tính không công trình.

- Quyết định số 15396/QĐ-UBND ngày 28/11/2011 của Ủy ban nhân dân Quận 2 về phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư Nam Rạch Chiếc diện tích 60,21 ha, phường An Phú, Quận 2 (phần quy hoạch kiến trúc và giao thông).

- Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Ủy ban nhân dân Quận 2 về duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư Nam Rạch Chiếc (diện tích 60,21 ha) (điều chỉnh Khu chung cư cao tầng 1, 5 – ký hiệu CC1, CC5) thuộc Khu dân cư Nam Rạch Chiếc (diện tích 90,31 ha), tại phường An Phú, Quận 2.

- Quyết định số 86/2019/PLDA ngày 06/8/2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu chung cư cao tầng 1, 5 - ký hiệu CC1, CC5 (Gem Riverside) thuộc Khu dân cư Nam Rạch Chiếc tại phường An Phú, Quận 2.

- Công văn số 323/HĐXD-QLDA ngày 23/6/2020 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng (thuộc Bộ Xây dựng) về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở Dự án Khu nhà ở chung cư cao tầng 1, 5 - ký hiệu CC1+CC5 (Gem Riverside) thuộc dự án Khu dân cư Nam Rạch Chiếc tại phường An Phú, Quận 2.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1401/TD-PCCC-P4 ngày 29/6/2020 của Cục Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn (thuộc Bộ Công an) chứng nhận công trình Khu chung cư cao tầng

1, 5 - ký hiệu CC1+CC5 thuộc Khu dân cư Nam Rạch Chiếc, phường An Phú, Quận 2.

- Công văn số 610/HĐXD-QLTK ngày 12/11/2020 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng (thuộc Bộ Xây dựng) về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình Khu chung cư cao tầng 1, 5 - ký hiệu CC1+CC5 (Gem Riverside) thuộc dự án Khu dân cư Nam Rạch Chiếc tại phường An Phú, Quận 2.

- Quyết định số 65/VEN-20 ngày 17/11/2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh về việc phê duyệt bản vẽ thiết kế kỹ thuật Khu chung cư cao tầng 1, 5 - ký hiệu CC1, CC5 (Gem Riverside) thuộc Khu dân cư Nam Rạch Chiếc tại phường An Phú, Quận 2.

- Quyết định số 2010/QĐ-BTNMT ngày 26/8/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Khu chung cư cao tầng CC1 và Khu chung cư cao tầng CC5 tại phường An Phú, Quận 2 (nay là Thành phố Thủ Đức)”.

- Quyết định số 50/VEN-20 ngày 30/8/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh về việc phê duyệt bản vẽ thiết kế thi công Khu chung cư cao tầng 1, 5 - ký hiệu CC1, CC5 (Gem Riverside) thuộc Khu dân cư Nam Rạch Chiếc tại phường An Phú, Quận 2.

- Giấy phép xây dựng số 37/GPXD ngày 12/9/2024 của Sở Xây dựng cấp cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh được phép xây dựng công trình: Khu chung cư cao tầng CC1 và Khu chung cư cao tầng CC5 thuộc Khu dân cư Nam Rạch Chiếc, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức.

- Thông báo khởi công xây dựng công trình xây dựng số 69/2024/TBKC/DA ngày 23/9/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh.

- Biên bản số 08/NTHTGD ngày 23/7/2025 về nghiệm thu hoàn thành giai đoạn thi công phần móng toàn hầm công trình Khu chung cư cao tầng CC1 và Khu chung cư cao tầng CC5 thuộc Khu dân cư Nam Rạch Chiếc, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công văn số 330/KTCN-CD3 ngày 30/7/2025 của Phòng Kiểm tra chuyên ngành (thuộc Sở Xây dựng) có ý kiến đối với hiện trạng công trình, theo đó ghi nhận: “*Công trình đã thi công xong toàn bộ phần móng trong dự án Khu chung cư cao tầng CC1 và CC5 thuộc Khu dân cư Nam Rạch Chiếc, phường Bình Trưng (trước đây là phường An Phú, Thành phố Thủ Đức)*”.

3. Thông tin về đất đai của dự án

- Quyết định số 3686/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt giá đất đối với Khu nhà ở chung cư cao tầng 1, 5 – ký hiệu CC1, CC5, tại phường An Phú, Quận 2 (nay là Thành phố Thủ Đức) khi thay đổi chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc do Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh làm chủ đầu tư.

- Thông báo nộp tiền số 126/TB-CTTPHCM ngày 04/01/2024 của Cục Thuế Thành phố về tiền thuê đất, thuê mặt nước trả tiền một lần cho cả thời hạn thuê.

- Thông báo số 2505/TB-CCTTPTĐ ngày 23/01/2024 của Chi Cục Thuế Thành phố Thủ Đức về việc xác nhận thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 380114 (Số vào sổ cấp GCN: CT20977; Thửa đất số: 60, 43 – Tờ bản đồ số: 62, 56, BĐC phường An Phú, Quận 2 (theo tài liệu năm 2003); Diện tích 27.213,3 m²; Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị (xây dựng khu chung cư); Thời gian sử dụng: 50 năm, kể từ ngày 11/5/2009 đến ngày 11/5/2059) được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc vào ngày 05/4/2013; trong đó tại phần Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận có nội dung:

+ Ngày 08/01/2018, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố xác nhận nội dung: *“Chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh ... (theo Quyết định số 4068/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chấp thuận chuyển nhượng một phần dự án Khu dân cư Nam Rạch Chiếc, phường An phú, Quận 2: cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh được chuyển nhượng từ Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc”*.

+ Ngày 26/7/2018, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố xác nhận nội dung: *“Người sử dụng đất đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh”*.

+ Ngày 21/4/2025, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố xác nhận nội dung: *“Đã xóa đăng ký thế chấp”*.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 380115 (Số vào sổ cấp GCN: CT20975; Thửa đất số: 60 – Tờ bản đồ số: 62, BĐC phường An Phú, Quận 2 (theo tài liệu năm 2003); Diện tích 15.690,5 m²; Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị (xây dựng khu chung cư); Thời gian sử dụng: 50 năm, kể từ ngày 11/5/2009 đến ngày 11/5/2059) được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc vào ngày 05/4/2013; trong đó tại phần Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận có nội dung:

+ Ngày 08/01/2018, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố xác nhận nội dung: *“Chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh ... (theo Quyết định số 4068/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chấp thuận chuyển nhượng một phần dự án Khu dân cư Nam Rạch Chiếc, phường An phú, Quận 2: cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh được chuyển nhượng từ Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc”*.

+ Ngày 26/7/2018, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố xác nhận nội dung: *“Người sử dụng đất đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh”*.

+ Ngày 21/4/2025, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố xác nhận nội dung: *“Đã xóa đăng ký thế chấp”*.

4. Thông tin về tình trạng thế chấp và bảo lãnh của Ngân hàng thương mại

- Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh “cam kết không thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 382114, số vào sổ: CT 20977 ngày 05/04/2013 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 382115, số vào sổ: CT 20975 ngày 05/04/2013 của Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố cấp cho Công ty TNHH Nam Rạch Chiếc và được cập nhật tên Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh ngày 26/7/2018”.

- Thông báo số 207/TB-MB-HCM ngày 05/5/2025 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt phương án cấp tín dụng dự án Khu chung cư cao tầng CC1 và CC5 thuộc Khu dân cư Nam Rạch Chiếc, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; trong đó có nội dung: “*Phương án phát hành bảo lãnh trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai; Giá trị tối đa: 1.000 tỷ đồng; Mục đích: phát hành bảo lãnh cho người mua nhà ở hình thành trong tương lai để đảm bảo khoản tiền ứng trước của Người mua nhà khi Công ty không bàn giao nhà ở đúng theo cam kết đã quy định trong Hợp đồng/Phụ lục Hợp đồng mua bán căn hộ kèm theo của dự án nêu trên; Bên được bảo lãnh: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh; Bên nhận bảo lãnh: Người mua nhà ở hình thành trong tương lai; Thời gian bảo lãnh: Thư bảo lãnh có hiệu lực từ ngày phát hành Thư bảo lãnh đến thời điểm sau 30 ngày kể từ ngày bàn giao/ngày giao, nhận nhà cuối cùng cho Người mua nhà theo Hợp đồng mua bán/thuê mua,...*”.

5. Thông tin về các nội dung khác có liên quan

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần; Mã số doanh nghiệp: 0303104343; Đăng ký lần đầu: ngày 23/11/2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 29: ngày 28/3/2023.

- Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh “Cam kết chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực về các thông tin của Dự án được cung cấp cho Quý cơ quan và các cam kết dưới đây:

“ + *Bảo đảm nhà ở hình thành trong tương lai tại Dự án đã đáp ứng đủ điều kiện để được bán, cho thuê mua theo quy định tại Điều 24 của Luật Kinh doanh bất động sản;*

+*Dự án không bị kê biên để đảm bảo thi hành án; Dự án không thuộc trường hợp cấm giao dịch; Dự án không thuộc trường hợp đang trong thời gian bị đình chỉ, tạm đình chỉ giao dịch theo quy định của pháp luật;*

+ *Cam kết ký hợp đồng mua bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai tuân thủ quy định và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản”.*

- Văn bản số 123/2025/DXG-PLDA ngày 18/6/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh cam kết nội dung: “*Hiện dự án Khu chung cư cao tầng 1,5 kỷ hiệu CC1, CC5 đang thực hiện thủ tục đề nghị xác nhận nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện bán hàng, cho thuê, cho thuê mua cho 2.093 căn hộ ở (Tháp*

5, Tháp 6, Tháp 7, Tháp 8, Tháp 9, Tháp 10-11, Tháp 12) tại Sở Xây dựng. Cam kết tính đến thời điểm này Tập đoàn chưa huy động vốn, chưa thực hiện bán, chưa cho thuê, chưa cho thuê mua 2.093 căn hộ ở thuộc dự án Khu chung cư cao tầng 1,5 ký hiệu CC1, CC5 nói trên”.

- Công văn số 479/UBND ngày 10/6/2025 của Ủy ban nhân dân phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác nhận các thông tin pháp lý dự án Khu chung cư cao tầng CC1, CC5 thuộc Khu dân cư Nam Rạch Chiếc, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức do Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh làm chủ đầu tư; theo đó Ủy ban nhân dân phường An Phú xác nhận nội dung: “Chưa nhận được đơn, văn bản đề nghị liên quan đến dự án Khu nhà ở cao tầng CC1, CC5 do Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh làm chủ đầu tư: Đồng thời, theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 14 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023...”.

III. Thông tin về nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán

Theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh đề nghị thông báo đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai đối với 2.093 căn hộ ở (Tháp 5, Tháp 6, Tháp 7, Tháp 8, Tháp 9, Tháp 10-11, Tháp 12 thuộc dự án Khu chung cư cao tầng CC1 và Khu chung cư cao tầng CC5, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức (nay là phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh).

IV. Điều kiện của nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đã đáp ứng để được bán

Căn cứ hồ sơ đề nghị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh tại Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025; tiến độ xây dựng công trình được ghi nhận tại Công văn số 330/KTCN-CĐ3 ngày 30/7/2025 của Phòng Kiểm tra chuyên ngành (thuộc Sở Xây dựng) và quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản, Sở Xây dựng thông báo 2.093 căn hộ ở tại Tháp 5, Tháp 6, Tháp 7, Tháp 8, Tháp 9, Tháp 10-11, Tháp 12 thuộc dự án Khu chung cư cao tầng CC1 và Khu chung cư cao tầng CC5, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh) đủ điều kiện của nhà ở hình thành trong tương lai được đưa vào kinh doanh theo quy định tại Điều 24 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 (đính kèm Phụ lục chi tiết của 2.093 căn hộ).

V. Trách nhiệm, yêu cầu đối với chủ đầu tư dự án

1. Chịu trách nhiệm về các thông tin về dự án, chủ đầu tư, nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đầy đủ, chính xác, trung thực đối với hồ sơ pháp lý đính kèm và nội dung đã cam kết của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh tại Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 và Văn bản số 123/2025/DXG-PLDA ngày 18/6/2025.

2. Chịu trách nhiệm về đảm bảo nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đã đáp ứng đủ điều kiện để bán theo quy định tại Điều 24 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023.

3. Ký Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai tuân thủ quy định và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản. Hợp đồng mua bán nhà thực hiện theo quy định tại Điều 44, 45, 46 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và theo Hợp đồng mẫu được quy định tại Điều 12 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ và quy định khác có liên quan.

4. Chỉ được thu tiền đặt cọc không quá 5% giá bán nhà ở từ bên đặt cọc để mua khi nhà ở đã có đủ các điều kiện đưa vào kinh doanh theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023. Sử dụng tiền đã thu từ bên mua để đầu tư xây dựng dự án đúng mục đích sử dụng theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết; tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

5. Việc thanh toán trong mua bán nhà ở hình thành trong tương lai được thực hiện nhiều lần, lần đầu không quá 30% giá trị hợp đồng bao gồm cả tiền đặt cọc, những lần tiếp theo phải phù hợp với tiến độ xây dựng nhưng tổng số không quá 70% giá trị hợp đồng khi chưa bàn giao nhà ở cho bên mua, đảm bảo theo quy định tại Điều 25 của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023; phải sử dụng tiền ứng trước của khách hàng theo đúng mục đích đã cam kết. Nếu bên mua chưa được cấp Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì chủ đầu tư không được thu quá 95% giá trị hợp đồng; giá trị còn lại của hợp đồng được thanh toán khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai cho bên mua.

VI. Đề nghị của Sở Xây dựng

1. Trước khi đưa bất động sản, dự án bất động sản vào kinh doanh, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh phải công khai đầy đủ, trung thực và chính xác thông tin dự án theo quy định tại Điều 6 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và Điều 4 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ. Thực hiện chế độ báo cáo thông tin, dữ liệu về bất động sản trước khi đưa vào kinh doanh và thông tin, dữ liệu về giao dịch bất động sản theo quy định tại khoản 4 Điều 15 và khoản 1, 2, 3 Điều 17 Nghị định số 94/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ, gửi Sở Xây dựng để cập nhật, tổng hợp, theo dõi và quản lý theo thẩm quyền.

2. Trường hợp sau khi Sở Xây dựng có văn bản thông báo về nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đủ điều kiện được bán nhưng Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh không bán mà thực hiện thế chấp nhà ở này hoặc đăng ký biện pháp bảo đảm khác (như thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp tài sản gắn liền với đất hoặc hình thức thế chấp/đăng ký biện pháp bảo đảm khác) thì việc bán nhà ở này sau khi thế chấp/đăng ký biện pháp bảo đảm khác chỉ được thực hiện khi có đủ điều kiện và có Văn bản thông báo của Sở Xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 183 Luật Nhà ở năm 2023.

3. Trước khi bán nhà ở hình thành trong tương lai, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh phải ký kết thỏa thuận cấp bảo lãnh với Ngân hàng thương mại trong nước/Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (Bên bảo lãnh) về việc Bên bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh (Bên được bảo lãnh) đối với bên mua nhà ở (Bên nhận bảo lãnh) khi Công ty không bàn giao nhà ở theo cam kết trong hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai.

Căn cứ thỏa thuận cấp bảo lãnh đã ký, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh có trách nhiệm làm việc với Bên bảo lãnh để có được văn bản cam kết của Bên bảo lãnh khẳng định sẽ phát hành thư bảo lãnh cho tất cả bên mua nhà ở thuộc dự án được chấp thuận cấp bảo lãnh của chủ đầu tư. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh có trách nhiệm gửi bản sao văn bản cam kết này cho bên mua khi ký kết hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai. Trường hợp bên mua nhà ở từ chối việc bảo lãnh cho nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư đối với mình thì phải được thỏa thuận bằng văn bản tại thời điểm ký kết hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh có trách nhiệm gửi hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai cho Bên bảo lãnh để đề nghị Bên bảo lãnh phát hành thư bảo lãnh về việc Bên bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Công ty đối với bên mua nhà ở khi Công ty không bàn giao nhà ở theo cam kết trong Hợp đồng cho bên mua theo quy định tại Điều 26 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và quy định pháp luật về bảo lãnh ngân hàng.

4. Công ty chỉ được thực hiện việc bán nhà ở thuộc dự án nêu trên cho tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định pháp luật về nhà ở và kinh doanh bất động sản sau khi dự án được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận công bố thuộc danh mục các dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn nằm trong khu vực mà tổ chức, cá nhân nước ngoài được phép sở hữu nhà ở.

5. Triển khai thực hiện dự án theo mục tiêu đầu tư, nội dung dự án, tiến độ và các nội dung khác được quy định tại các văn bản pháp lý của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Thực hiện đầy đủ yêu cầu đối với dự án bất động sản và trách nhiệm của chủ đầu tư dự án bất động sản, trách nhiệm của bên bán nhà ở theo quy định tại Điều 11, 17, 19 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023, theo pháp luật về nhà ở, đất đai, đầu tư, quy hoạch, xây dựng và các quy định pháp luật khác kèm quy định hướng dẫn thực hiện có liên quan.

Sở Xây dựng thông báo đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh biết và tổ chức thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - UBND phường Bình Trưng (để biết);
 - VP đăng ký đất đai Thành phố;
 - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam-Chi nhánh TP.HCM;
 - Ngân hàng TMCP Quân đội-Chi nhánh TP.HCM;
 - Ban Giám đốc Sở: GD, PGD Mẫn (để báo cáo);
 - Tổ CNTT - VPS (đăng Website);
 - Lưu: VT, PTĐT (ĐT: TTB) *Ph*
- (hs: H29.18.250324-0123)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Mẫn



SỞ XÂY DỰNG



Phụ lục

DANH SÁCH 2.093 CĂN HỘ Ở TẠI THÁP 5, THÁP 6, THÁP 7, THÁP 8, THÁP 9, THÁP 10-11, THÁP 12 THUỘC DỰ ÁN KHU CHUNG CƯ CAO TẦNG CC1 VÀ KHU CHUNG CƯ CAO TẦNG CC5 THUỘC KHU DÂN CƯ NAM RẠCH CHIỀC, PHƯỜNG AN PHÚ, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (NAY LÀ PHƯỜNG BÌNH TRƯNG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH)

(Đính kèm theo Công văn số **3126**./SXD-PTĐT ngày **07** tháng **8** năm 2025 của Sở Xây dựng)

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	TPV005001001	TW5-1-01	Tháp 5	TW5-01	1+2	D02-1	căn hộ dạng thông tầng
2	TPV005001002	TW5-1-02	Tháp 5	TW5-02	1+2	D03-1	căn hộ dạng thông tầng
3	TPV005001003	TW5-1-03	Tháp 5	TW5-03	1+2	D04-1	căn hộ dạng thông tầng
4	TPV005001004	TW5-1-04	Tháp 5	TW5-04	1+2	D05-1	căn hộ dạng thông tầng
5	TPV005001005	TW5-1-05	Tháp 5	TW5-05	1+2	D06-1	căn hộ dạng thông tầng
6	TPV005001006	TW5-1-06	Tháp 5	TW5-06	1+2	D07-1	căn hộ dạng thông tầng
7	TPV005001007	TW5-1-07	Tháp 5	TW5-07	1+2	D01	căn hộ dạng thông tầng
8	TPV005003001	TW5-3-01	Tháp 5	TW5-01	3	A1-1	
9	TPV005003002	TW5-3-02	Tháp 5	TW5-02	3	C1-1	
10	TPV005003003	TW5-3-03	Tháp 5	TW5-03	3	B4-1	
11	TPV005003004	TW5-3-04	Tháp 5	TW5-04	3	B5-1	
12	TPV005003005	TW5-3-05	Tháp 5	TW5-05	3	B6-1	
13	TPV005003006	TW5-3-06	Tháp 5	TW5-06	3	A2-1	
14	TPV005003007	TW5-3-07	Tháp 5	TW5-07	3	B1-1	
15	TPV005003008	TW5-3-08	Tháp 5	TW5-08	3	B2-1	
16	TPV005003009	TW5-3-09	Tháp 5	TW5-09	3	B3-1	
17	TPV005004001	TW5-4-01	Tháp 5	TW5-01	4	A1-1	
18	TPV005004002	TW5-4-02	Tháp 5	TW5-02	4	C1-1	

Đkt

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
19	TPV005004003	TW5-4-03	Tháp 5	TW5-03	4	B4-1	
20	TPV005004004	TW5-4-04	Tháp 5	TW5-04	4	B5-1	
21	TPV005004005	TW5-4-05	Tháp 5	TW5-05	4	B6-1	
22	TPV005004006	TW5-4-06	Tháp 5	TW5-06	4	A2-1	
23	TPV005004007	TW5-4-07	Tháp 5	TW5-07	4	B1-1	
24	TPV005004008	TW5-4-08	Tháp 5	TW5-08	4	B2-1	
25	TPV005004009	TW5-4-09	Tháp 5	TW5-09	4	B3-1	
26	TPV005005001	TW5-5-01	Tháp 5	TW5-01	5	A1-1	
27	TPV005005002	TW5-5-02	Tháp 5	TW5-02	5	C1-1	
28	TPV005005003	TW5-5-03	Tháp 5	TW5-03	5	B4-1	
29	TPV005005004	TW5-5-04	Tháp 5	TW5-04	5	B5-1	
30	TPV005005005	TW5-5-05	Tháp 5	TW5-05	5	B6-1	
31	TPV005005006	TW5-5-06	Tháp 5	TW5-06	5	A2-1	
32	TPV005005007	TW5-5-07	Tháp 5	TW5-07	5	B1-1	
33	TPV005005008	TW5-5-08	Tháp 5	TW5-08	5	B2-1	
34	TPV005005009	TW5-5-09	Tháp 5	TW5-09	5	B3-1	
35	TPV005006001	TW5-6-01	Tháp 5	TW5-01	6	A1-1	
36	TPV005006002	TW5-6-02	Tháp 5	TW5-02	6	C1-1	
37	TPV005006003	TW5-6-03	Tháp 5	TW5-03	6	B4-1	
38	TPV005006004	TW5-6-04	Tháp 5	TW5-04	6	B5-1	
39	TPV005006005	TW5-6-05	Tháp 5	TW5-05	6	B6-1	
40	TPV005006006	TW5-6-06	Tháp 5	TW5-06	6	A2-1	
41	TPV005006007	TW5-6-07	Tháp 5	TW5-07	6	B1-1	
42	TPV005006008	TW5-6-08	Tháp 5	TW5-08	6	B2-1	
43	TPV005006009	TW5-6-09	Tháp 5	TW5-09	6	B3-1	
44	TPV005007001	TW5-7-01	Tháp 5	TW5-01	7	A1-1	
45	TPV005007002	TW5-7-02	Tháp 5	TW5-02	7	C1-1	
46	TPV005007003	TW5-7-03	Tháp 5	TW5-03	7	B4-1	
47	TPV005007004	TW5-7-04	Tháp 5	TW5-04	7	B5-1	
48	TPV005007005	TW5-7-05	Tháp 5	TW5-05	7	B6-1	
49	TPV005007006	TW5-7-06	Tháp 5	TW5-06	7	A2-1	
50	TPV005007007	TW5-7-07	Tháp 5	TW5-07	7	B1-1	
51	TPV005007008	TW5-7-08	Tháp 5	TW5-08	7	B2-1	
52	TPV005007009	TW5-7-09	Tháp 5	TW5-09	7	B3-1	
53	TPV005008001	TW5-8-01	Tháp 5	TW5-01	8	A1-1	
54	TPV005008002	TW5-8-02	Tháp 5	TW5-02	8	C1-1	
55	TPV005008003	TW5-8-03	Tháp 5	TW5-03	8	B4-1	
56	TPV005008004	TW5-8-04	Tháp 5	TW5-04	8	B5-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
57	TPV005008005	TW5-8-05	Tháp 5	TW5-05	8	B6-1	
58	TPV005008006	TW5-8-06	Tháp 5	TW5-06	8	A2-1	
59	TPV005008007	TW5-8-07	Tháp 5	TW5-07	8	B1-1	
60	TPV005008008	TW5-8-08	Tháp 5	TW5-08	8	B2-1	
61	TPV005008009	TW5-8-09	Tháp 5	TW5-09	8	B3-1	
62	TPV005009001	TW5-9-01	Tháp 5	TW5-01	9	A1-1	
63	TPV005009002	TW5-9-02	Tháp 5	TW5-02	9	C1-1	
64	TPV005009003	TW5-9-03	Tháp 5	TW5-03	9	B4-1	
65	TPV005009004	TW5-9-04	Tháp 5	TW5-04	9	B5-1	
66	TPV005009005	TW5-9-05	Tháp 5	TW5-05	9	B6-1	
67	TPV005009006	TW5-9-06	Tháp 5	TW5-06	9	A2-1	
68	TPV005009007	TW5-9-07	Tháp 5	TW5-07	9	B1-1	
69	TPV005009008	TW5-9-08	Tháp 5	TW5-08	9	B2-1	
70	TPV005009009	TW5-9-09	Tháp 5	TW5-09	9	B3-1	
71	TPV005010001	TW5-10-01	Tháp 5	TW5-01	10	A1-1	
72	TPV005010002	TW5-10-02	Tháp 5	TW5-02	10	C1-1	
73	TPV005010003	TW5-10-03	Tháp 5	TW5-03	10	B4-1	
74	TPV005010004	TW5-10-04	Tháp 5	TW5-04	10	B5-1	
75	TPV005010005	TW5-10-05	Tháp 5	TW5-05	10	B6-1	
76	TPV005010006	TW5-10-06	Tháp 5	TW5-06	10	A2-1	
77	TPV005010007	TW5-10-07	Tháp 5	TW5-07	10	B1-1	
78	TPV005010008	TW5-10-08	Tháp 5	TW5-08	10	B2-1	
79	TPV005010009	TW5-10-09	Tháp 5	TW5-09	10	B3-1	
80	TPV005011001	TW5-11-01	Tháp 5	TW5-01	11	A1-1	
81	TPV005011002	TW5-11-02	Tháp 5	TW5-02	11	C1-1	
82	TPV005011003	TW5-11-03	Tháp 5	TW5-03	11	B4-1	
83	TPV005011004	TW5-11-04	Tháp 5	TW5-04	11	B5-1	
84	TPV005011005	TW5-11-05	Tháp 5	TW5-05	11	B6-1	
85	TPV005011006	TW5-11-06	Tháp 5	TW5-06	11	A2-1	
86	TPV005011007	TW5-11-07	Tháp 5	TW5-07	11	B1-1	
87	TPV005011008	TW5-11-08	Tháp 5	TW5-08	11	B2-1	
88	TPV005011009	TW5-11-09	Tháp 5	TW5-09	11	B3-1	
89	TPV005012001	TW5-12-01	Tháp 5	TW5-01	12	A1-1	
90	TPV005012002	TW5-12-02	Tháp 5	TW5-02	12	C1-1	
91	TPV005012003	TW5-12-03	Tháp 5	TW5-03	12	B4-1	
92	TPV005012004	TW5-12-04	Tháp 5	TW5-04	12	B5-1	
93	TPV005012005	TW5-12-05	Tháp 5	TW5-05	12	B6-1	
94	TPV005012006	TW5-12-06	Tháp 5	TW5-06	12	A2-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
95	TPV005012007	TW5-12-07	Tháp 5	TW5-07	12	B1-1	
96	TPV005012008	TW5-12-08	Tháp 5	TW5-08	12	B2-1	
97	TPV005012009	TW5-12-09	Tháp 5	TW5-09	12	B3-1	
98	TPV00512A001	TW5-12A-01	Tháp 5	TW5-01	12A	A1-1	
99	TPV00512A002	TW5-12A-02	Tháp 5	TW5-02	12A	C1-1	
100	TPV00512A003	TW5-12A-03	Tháp 5	TW5-03	12A	B4-1	
101	TPV00512A004	TW5-12A-04	Tháp 5	TW5-04	12A	B5-1	
102	TPV00512A005	TW5-12A-05	Tháp 5	TW5-05	12A	B6-1	
103	TPV00512A006	TW5-12A-06	Tháp 5	TW5-06	12A	A2-1	
104	TPV00512A007	TW5-12A-07	Tháp 5	TW5-07	12A	B1-1	
105	TPV00512A008	TW5-12A-08	Tháp 5	TW5-08	12A	B2-1	
106	TPV00512A009	TW5-12A-09	Tháp 5	TW5-09	12A	B3-1	
107	TPV005014001	TW5-14-01	Tháp 5	TW5-01	14	A1-1	
108	TPV005014002	TW5-14-02	Tháp 5	TW5-02	14	C1-1	
109	TPV005014003	TW5-14-03	Tháp 5	TW5-03	14	B4-1	
110	TPV005014004	TW5-14-04	Tháp 5	TW5-04	14	B5-1	
111	TPV005014005	TW5-14-05	Tháp 5	TW5-05	14	B6-1	
112	TPV005014006	TW5-14-06	Tháp 5	TW5-06	14	A2-1	
113	TPV005014007	TW5-14-07	Tháp 5	TW5-07	14	B1-1	
114	TPV005014008	TW5-14-08	Tháp 5	TW5-08	14	B2-1	
115	TPV005014009	TW5-14-09	Tháp 5	TW5-09	14	B3-1	
116	TPV005015001	TW5-15-01	Tháp 5	TW5-01	15	A1-1	
117	TPV005015002	TW5-15-02	Tháp 5	TW5-02	15	C1-1	
118	TPV005015003	TW5-15-03	Tháp 5	TW5-03	15	B4-1	
119	TPV005015004	TW5-15-04	Tháp 5	TW5-04	15	B5-1	
120	TPV005015005	TW5-15-05	Tháp 5	TW5-05	15	B6-1	
121	TPV005015006	TW5-15-06	Tháp 5	TW5-06	15	A2-1	
122	TPV005015007	TW5-15-07	Tháp 5	TW5-07	15	B1-1	
123	TPV005015008	TW5-15-08	Tháp 5	TW5-08	15	B2-1	
124	TPV005015009	TW5-15-09	Tháp 5	TW5-09	15	B3-1	
125	TPV005016001	TW5-16-01	Tháp 5	TW5-01	16	A1-1	
126	TPV005016002	TW5-16-02	Tháp 5	TW5-02	16	C1-1	
127	TPV005016003	TW5-16-03	Tháp 5	TW5-03	16	B4-1	
128	TPV005016004	TW5-16-04	Tháp 5	TW5-04	16	B5-1	
129	TPV005016005	TW5-16-05	Tháp 5	TW5-05	16	B6-1	
130	TPV005016006	TW5-16-06	Tháp 5	TW5-06	16	A2-1	
131	TPV005016007	TW5-16-07	Tháp 5	TW5-07	16	B1-1	
132	TPV005016008	TW5-16-08	Tháp 5	TW5-08	16	B2-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
133	TPV005016009	TW5-16-09	Tháp 5	TW5-09	16	B3-1	
134	TPV005017001	TW5-17-01	Tháp 5	TW5-01	17	A1-1	
135	TPV005017002	TW5-17-02	Tháp 5	TW5-02	17	C1-1	
136	TPV005017003	TW5-17-03	Tháp 5	TW5-03	17	B4-1	
137	TPV005017004	TW5-17-04	Tháp 5	TW5-04	17	B5-1	
138	TPV005017005	TW5-17-05	Tháp 5	TW5-05	17	B6-1	
139	TPV005017006	TW5-17-06	Tháp 5	TW5-06	17	A2-1	
140	TPV005017007	TW5-17-07	Tháp 5	TW5-07	17	B1-1	
141	TPV005017008	TW5-17-08	Tháp 5	TW5-08	17	B2-1	
142	TPV005017009	TW5-17-09	Tháp 5	TW5-09	17	B3-1	
143	TPV005018001	TW5-18-01	Tháp 5	TW5-01	18	A1-1	
144	TPV005018002	TW5-18-02	Tháp 5	TW5-02	18	C1-1	
145	TPV005018003	TW5-18-03	Tháp 5	TW5-03	18	B4-1	
146	TPV005018004	TW5-18-04	Tháp 5	TW5-04	18	B5-1	
147	TPV005018005	TW5-18-05	Tháp 5	TW5-05	18	B6-1	
148	TPV005018006	TW5-18-06	Tháp 5	TW5-06	18	A2-1	
149	TPV005018007	TW5-18-07	Tháp 5	TW5-07	18	B1-1	
150	TPV005018008	TW5-18-08	Tháp 5	TW5-08	18	B2-1	
151	TPV005018009	TW5-18-09	Tháp 5	TW5-09	18	B3-1	
152	TPV005019001	TW5-19-01	Tháp 5	TW5-01	19	A1-1	
153	TPV005019002	TW5-19-02	Tháp 5	TW5-02	19	C1-1	
154	TPV005019003	TW5-19-03	Tháp 5	TW5-03	19	B4-1	
155	TPV005019004	TW5-19-04	Tháp 5	TW5-04	19	B5-1	
156	TPV005019005	TW5-19-05	Tháp 5	TW5-05	19	B6-1	
157	TPV005019006	TW5-19-06	Tháp 5	TW5-06	19	A2-1	
158	TPV005019007	TW5-19-07	Tháp 5	TW5-07	19	B1-1	
159	TPV005019008	TW5-19-08	Tháp 5	TW5-08	19	B2-1	
160	TPV005019009	TW5-19-09	Tháp 5	TW5-09	19	B3-1	
161	TPV005020001	TW5-20-01	Tháp 5	TW5-01	20	A1-1	
162	TPV005020002	TW5-20-02	Tháp 5	TW5-02	20	C1-1	
163	TPV005020003	TW5-20-03	Tháp 5	TW5-03	20	B4-1	
164	TPV005020004	TW5-20-04	Tháp 5	TW5-04	20	B5-1	
165	TPV005020006	TW5-20-06	Tháp 5	TW5-06	20	A2a-1	
166	TPV005020007	TW5-20-07	Tháp 5	TW5-07	20	B1-1	
167	TPV005020008	TW5-20-08	Tháp 5	TW5-08	20	B2-1	
168	TPV005020009	TW5-20-09	Tháp 5	TW5-09	20	B3-1	
169	TPV005021001	TW5-21-01	Tháp 5	TW5-01	21	A1-1	
170	TPV005021002	TW5-21-02	Tháp 5	TW5-02	21	C1-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
171	TPV005021003	TW5-21-03	Tháp 5	TW5-03	21	B4-1	
172	TPV005021004	TW5-21-04	Tháp 5	TW5-04	21	B5-1	
173	TPV005021006	TW5-21-06	Tháp 5	TW5-06	21	A2a-1	
174	TPV005021007	TW5-21-07	Tháp 5	TW5-07	21	B1-1	
175	TPV005021008	TW5-21-08	Tháp 5	TW5-08	21	B2-1	
176	TPV005021009	TW5-21-09	Tháp 5	TW5-09	21	B3-1	
177	TPV005022001	TW5-22-01	Tháp 5	TW5-01	22	A1-1	
178	TPV005022002	TW5-22-02	Tháp 5	TW5-02	22	C1-1	
179	TPV005022003	TW5-22-03	Tháp 5	TW5-03	22	B4-1	
180	TPV005022004	TW5-22-04	Tháp 5	TW5-04	22	B5-1	
181	TPV005022005	TW5-22-05	Tháp 5	TW5-05	22	B6-1	
182	TPV005022006	TW5-22-06	Tháp 5	TW5-06	22	A2-1	
183	TPV005022007	TW5-22-07	Tháp 5	TW5-07	22	B1-1	
184	TPV005022008	TW5-22-08	Tháp 5	TW5-08	22	B2-1	
185	TPV005022009	TW5-22-09	Tháp 5	TW5-09	22	B3-1	
186	TPV005023001	TW5-23-01	Tháp 5	TW5-01	23	A1-1	
187	TPV005023002	TW5-23-02	Tháp 5	TW5-02	23	C1-1	
188	TPV005023003	TW5-23-03	Tháp 5	TW5-03	23	B4-1	
189	TPV005023004	TW5-23-04	Tháp 5	TW5-04	23	B5-1	
190	TPV005023005	TW5-23-05	Tháp 5	TW5-05	23	B6-1	
191	TPV005023006	TW5-23-06	Tháp 5	TW5-06	23	A2-1	
192	TPV005023007	TW5-23-07	Tháp 5	TW5-07	23	B1-1	
193	TPV005023008	TW5-23-08	Tháp 5	TW5-08	23	B2-1	
194	TPV005023009	TW5-23-09	Tháp 5	TW5-09	23	B3-1	
195	TPV005024001	TW5-24-01	Tháp 5	TW5-01	24	A1-1	
196	TPV005024002	TW5-24-02	Tháp 5	TW5-02	24	C1-1	
197	TPV005024003	TW5-24-03	Tháp 5	TW5-03	24	B4-1	
198	TPV005024004	TW5-24-04	Tháp 5	TW5-04	24	B5-1	
199	TPV005024005	TW5-24-05	Tháp 5	TW5-05	24	B6-1	
200	TPV005024006	TW5-24-06	Tháp 5	TW5-06	24	A2-1	
201	TPV005024007	TW5-24-07	Tháp 5	TW5-07	24	B1-1	
202	TPV005024008	TW5-24-08	Tháp 5	TW5-08	24	B2-1	
203	TPV005024009	TW5-24-09	Tháp 5	TW5-09	24	B3-1	
204	TPV005025001	TW5-25-01	Tháp 5	TW5-01	25	A1-1	
205	TPV005025002	TW5-25-02	Tháp 5	TW5-02	25	C1-1	
206	TPV005025003	TW5-25-03	Tháp 5	TW5-03	25	B4-1	
207	TPV005025004	TW5-25-04	Tháp 5	TW5-04	25	B5-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
208	TPV005025005	TW5-25-05	Tháp 5	TW5-05	25	B6-1	
209	TPV005025006	TW5-25-06	Tháp 5	TW5-06	25	A2-1	
210	TPV005025007	TW5-25-07	Tháp 5	TW5-07	25	B1-1	
211	TPV005025008	TW5-25-08	Tháp 5	TW5-08	25	B2-1	
212	TPV005025009	TW5-25-09	Tháp 5	TW5-09	25	B3-1	
213	TPV005026001	TW5-26-01	Tháp 5	TW5-01	26	A1-1	
214	TPV005026002	TW5-26-02	Tháp 5	TW5-02	26	C1-1	
215	TPV005026003	TW5-26-03	Tháp 5	TW5-03	26	B4-1	
216	TPV005026004	TW5-26-04	Tháp 5	TW5-04	26	B5-1	
217	TPV005026005	TW5-26-05	Tháp 5	TW5-05	26	B6-1	
218	TPV005026006	TW5-26-06	Tháp 5	TW5-06	26	A2-1	
219	TPV005026007	TW5-26-07	Tháp 5	TW5-07	26	B1-1	
220	TPV005026008	TW5-26-08	Tháp 5	TW5-08	26	B2-1	
221	TPV005026009	TW5-26-09	Tháp 5	TW5-09	26	B3-1	
222	TPV005027001	TW5-27-01	Tháp 5	TW5-01	27	A1-1	
223	TPV005027002	TW5-27-02	Tháp 5	TW5-02	27	C1-1	
224	TPV005027003	TW5-27-03	Tháp 5	TW5-03	27	B4-1	
225	TPV005027004	TW5-27-04	Tháp 5	TW5-04	27	B5-1	
226	TPV005027005	TW5-27-05	Tháp 5	TW5-05	27	B6-1	
227	TPV005027006	TW5-27-06	Tháp 5	TW5-06	27	A2-1	
228	TPV005027007	TW5-27-07	Tháp 5	TW5-07	27	B1-1	
229	TPV005027008	TW5-27-08	Tháp 5	TW5-08	27	B2-1	
230	TPV005027009	TW5-27-09	Tháp 5	TW5-09	27	B3-1	
231	TPV005028001	TW5-28-01	Tháp 5	TW5-01	28	A1-1	
232	TPV005028002	TW5-28-02	Tháp 5	TW5-02	28	C1-1	
233	TPV005028003	TW5-28-03	Tháp 5	TW5-03	28	B4-1	
234	TPV005028004	TW5-28-04	Tháp 5	TW5-04	28	B5-1	
235	TPV005028005	TW5-28-05	Tháp 5	TW5-05	28	B6-1	
236	TPV005028006	TW5-28-06	Tháp 5	TW5-06	28	A2-1	
237	TPV005028007	TW5-28-07	Tháp 5	TW5-07	28	B1-1	
238	TPV005028008	TW5-28-08	Tháp 5	TW5-08	28	B2-1	
239	TPV005028009	TW5-28-09	Tháp 5	TW5-09	28	B3-1	
240	TPV005029001	TW5-29-01	Tháp 5	TW5-01	29	A1-1	
241	TPV005029002	TW5-29-02	Tháp 5	TW5-02	29	C1-1	
242	TPV005029003	TW5-29-03	Tháp 5	TW5-03	29	B4-1	
243	TPV005029004	TW5-29-04	Tháp 5	TW5-04	29	B5-1	
244	TPV005029005	TW5-29-05	Tháp 5	TW5-05	29	B6-1	

X.H.G
S
CAY
PHO

Pho

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
245	TPV005029006	TW5-29-06	Tháp 5	TW5-06	29	A2-1	
246	TPV005029007	TW5-29-07	Tháp 5	TW5-07	29	B1-1	
247	TPV005029008	TW5-29-08	Tháp 5	TW5-08	29	B2-1	
248	TPV005029009	TW5-29-09	Tháp 5	TW5-09	29	B3-1	
249	TPV005030001	TW5-30-01	Tháp 5	TW5-01	30	A1-1	
250	TPV005030002	TW5-30-02	Tháp 5	TW5-02	30	C1-1	
251	TPV005030003	TW5-30-03	Tháp 5	TW5-03	30	B4-1	
252	TPV005030004	TW5-30-04	Tháp 5	TW5-04	30	B5-1	
253	TPV005030005	TW5-30-05	Tháp 5	TW5-05	30	B6-1	
254	TPV005030006	TW5-30-06	Tháp 5	TW5-06	30	A2-1	
255	TPV005030007	TW5-30-07	Tháp 5	TW5-07	30	B1-1	
256	TPV005030008	TW5-30-08	Tháp 5	TW5-08	30	B2-1	
257	TPV005030009	TW5-30-09	Tháp 5	TW5-09	30	B3-1	
258	TPV005031001	TW5-31-01	Tháp 5	TW5-01	31	A1-1	
259	TPV005031002	TW5-31-02	Tháp 5	TW5-02	31	C1-1	
260	TPV005031003	TW5-31-03	Tháp 5	TW5-03	31	B4-1	
261	TPV005031004	TW5-31-04	Tháp 5	TW5-04	31	B5-1	
262	TPV005031005	TW5-31-05	Tháp 5	TW5-05	31	B6-1	
263	TPV005031006	TW5-31-06	Tháp 5	TW5-06	31	A2-1	
264	TPV005031007	TW5-31-07	Tháp 5	TW5-07	31	B1-1	
265	TPV005031008	TW5-31-08	Tháp 5	TW5-08	31	B2-1	
266	TPV005031009	TW5-31-09	Tháp 5	TW5-09	31	B3-1	
267	TPV005032001	TW5-32-01	Tháp 5	TW5-01	32÷33	P06-1	căn hộ dạng thông tầng
268	TPV005032002	TW5-32-02	Tháp 5	TW5-02	32÷33	P04-1	căn hộ dạng thông tầng
269	TPV005032003	TW5-32-03	Tháp 5	TW5-03	32÷33	P07-1	căn hộ dạng thông tầng
270	TPV005032004	TW5-32-04	Tháp 5	TW5-04	32÷33	P05-1	căn hộ dạng thông tầng
271	TPV005032005	TW5-32-05	Tháp 5	TW5-05	32÷33	P06-1	căn hộ dạng thông tầng

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
272	TPV005032006	TW5-32-06	Tháp 5	TW5-06	32÷33	P02-1	căn hộ dạng thông tầng
273	TPV005032007	TW5-32-07	Tháp 5	TW5-07	32÷33	P03-1	căn hộ dạng thông tầng
274	TPV005032008	TW5-32-08	Tháp 5	TW5-08	32÷33	P01-1	căn hộ dạng thông tầng
275	TPV006003001	TW6-3-01	Tháp 6	TW6-01	3	A1-1	
276	TPV006003002	TW6-3-02	Tháp 6	TW6-02	3	C1-1	
277	TPV006003003	TW6-3-03	Tháp 6	TW6-03	3	B4-1	
278	TPV006003004	TW6-3-04	Tháp 6	TW6-04	3	B5-1	
279	TPV006003005	TW6-3-05	Tháp 6	TW6-05	3	B6-1	
280	TPV006003006	TW6-3-06	Tháp 6	TW6-06	3	A2-1	
281	TPV006003007	TW6-3-07	Tháp 6	TW6-07	3	B1-1	
282	TPV006003008	TW6-3-08	Tháp 6	TW6-08	3	B2-1	
283	TPV006003009	TW6-3-09	Tháp 6	TW6-09	3	B3-1	
284	TPV006004001	TW6-4-01	Tháp 6	TW6-01	4	A1-1	
285	TPV006004002	TW6-4-02	Tháp 6	TW6-02	4	C1-1	
286	TPV006004003	TW6-4-03	Tháp 6	TW6-03	4	B4-1	
287	TPV006004004	TW6-4-04	Tháp 6	TW6-04	4	B5-1	
288	TPV006004005	TW6-4-05	Tháp 6	TW6-05	4	B6-1	
289	TPV006004006	TW6-4-06	Tháp 6	TW6-06	4	A2-1	
290	TPV006004007	TW6-4-07	Tháp 6	TW6-07	4	B1-1	
291	TPV006004008	TW6-4-08	Tháp 6	TW6-08	4	B2-1	
292	TPV006004009	TW6-4-09	Tháp 6	TW6-09	4	B3-1	
293	TPV006005001	TW6-5-01	Tháp 6	TW6-01	5	A1-1	
294	TPV006005002	TW6-5-02	Tháp 6	TW6-02	5	C1-1	
295	TPV006005003	TW6-5-03	Tháp 6	TW6-03	5	B4-1	
296	TPV006005004	TW6-5-04	Tháp 6	TW6-04	5	B5-1	
297	TPV006005005	TW6-5-05	Tháp 6	TW6-05	5	B6-1	
298	TPV006005006	TW6-5-06	Tháp 6	TW6-06	5	A2-1	
299	TPV006005007	TW6-5-07	Tháp 6	TW6-07	5	B1-1	
300	TPV006005008	TW6-5-08	Tháp 6	TW6-08	5	B2-1	
301	TPV006005009	TW6-5-09	Tháp 6	TW6-09	5	B3-1	
302	TPV006006001	TW6-6-01	Tháp 6	TW6-01	6	A1-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
303	TPV006006002	TW6-6-02	Tháp 6	TW6-02	6	C1-1	
304	TPV006006003	TW6-6-03	Tháp 6	TW6-03	6	B4-1	
305	TPV006006004	TW6-6-04	Tháp 6	TW6-04	6	B5-1	
306	TPV006006005	TW6-6-05	Tháp 6	TW6-05	6	B6-1	
307	TPV006006006	TW6-6-06	Tháp 6	TW6-06	6	A2-1	
308	TPV006006007	TW6-6-07	Tháp 6	TW6-07	6	B1-1	
309	TPV006006008	TW6-6-08	Tháp 6	TW6-08	6	B2-1	
310	TPV006006009	TW6-6-09	Tháp 6	TW6-09	6	B3-1	
311	TPV006007001	TW6-7-01	Tháp 6	TW6-01	7	A1-1	
312	TPV006007002	TW6-7-02	Tháp 6	TW6-02	7	C1-1	
313	TPV006007003	TW6-7-03	Tháp 6	TW6-03	7	B4-1	
314	TPV006007004	TW6-7-04	Tháp 6	TW6-04	7	B5-1	
315	TPV006007005	TW6-7-05	Tháp 6	TW6-05	7	B6-1	
316	TPV006007006	TW6-7-06	Tháp 6	TW6-06	7	A2-1	
317	TPV006007007	TW6-7-07	Tháp 6	TW6-07	7	B1-1	
318	TPV006007008	TW6-7-08	Tháp 6	TW6-08	7	B2-1	
319	TPV006007009	TW6-7-09	Tháp 6	TW6-09	7	B3-1	
320	TPV006008001	TW6-8-01	Tháp 6	TW6-01	8	A1-1	
321	TPV006008002	TW6-8-02	Tháp 6	TW6-02	8	C1-1	
322	TPV006008003	TW6-8-03	Tháp 6	TW6-03	8	B4-1	
323	TPV006008004	TW6-8-04	Tháp 6	TW6-04	8	B5-1	
324	TPV006008005	TW6-8-05	Tháp 6	TW6-05	8	B6-1	
325	TPV006008006	TW6-8-06	Tháp 6	TW6-06	8	A2-1	
326	TPV006008007	TW6-8-07	Tháp 6	TW6-07	8	B1-1	
327	TPV006008008	TW6-8-08	Tháp 6	TW6-08	8	B2-1	
328	TPV006008009	TW6-8-09	Tháp 6	TW6-09	8	B3-1	
329	TPV006009001	TW6-9-01	Tháp 6	TW6-01	9	A1-1	
330	TPV006009002	TW6-9-02	Tháp 6	TW6-02	9	C1-1	
331	TPV006009003	TW6-9-03	Tháp 6	TW6-03	9	B4-1	
332	TPV006009004	TW6-9-04	Tháp 6	TW6-04	9	B5-1	
333	TPV006009005	TW6-9-05	Tháp 6	TW6-05	9	B6-1	
334	TPV006009006	TW6-9-06	Tháp 6	TW6-06	9	A2-1	
335	TPV006009007	TW6-9-07	Tháp 6	TW6-07	9	B1-1	
336	TPV006009008	TW6-9-08	Tháp 6	TW6-08	9	B2-1	
337	TPV006009009	TW6-9-09	Tháp 6	TW6-09	9	B3-1	
338	TPV006010001	TW6-10-01	Tháp 6	TW6-01	10	A1-1	
339	TPV006010002	TW6-10-02	Tháp 6	TW6-02	10	C1-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
340	TPV006010003	TW6-10-03	Tháp 6	TW6-03	10	B4-1	
341	TPV006010004	TW6-10-04	Tháp 6	TW6-04	10	B5-1	
342	TPV006010005	TW6-10-05	Tháp 6	TW6-05	10	B6-1	
343	TPV006010006	TW6-10-06	Tháp 6	TW6-06	10	A2-1	
344	TPV006010007	TW6-10-07	Tháp 6	TW6-07	10	B1-1	
345	TPV006010008	TW6-10-08	Tháp 6	TW6-08	10	B2-1	
346	TPV006010009	TW6-10-09	Tháp 6	TW6-09	10	B3-1	
347	TPV006011001	TW6-11-01	Tháp 6	TW6-01	11	A1-1	
348	TPV006011002	TW6-11-02	Tháp 6	TW6-02	11	C1-1	
349	TPV006011003	TW6-11-03	Tháp 6	TW6-03	11	B4-1	
350	TPV006011004	TW6-11-04	Tháp 6	TW6-04	11	B5-1	
351	TPV006011005	TW6-11-05	Tháp 6	TW6-05	11	B6-1	
352	TPV006011006	TW6-11-06	Tháp 6	TW6-06	11	A2-1	
353	TPV006011007	TW6-11-07	Tháp 6	TW6-07	11	B1-1	
354	TPV006011008	TW6-11-08	Tháp 6	TW6-08	11	B2-1	
355	TPV006011009	TW6-11-09	Tháp 6	TW6-09	11	B3-1	
356	TPV006012001	TW6-12-01	Tháp 6	TW6-01	12	A1-1	
357	TPV006012002	TW6-12-02	Tháp 6	TW6-02	12	C1-1	
358	TPV006012003	TW6-12-03	Tháp 6	TW6-03	12	B4-1	
359	TPV006012004	TW6-12-04	Tháp 6	TW6-04	12	B5-1	
360	TPV006012005	TW6-12-05	Tháp 6	TW6-05	12	B6-1	
361	TPV006012006	TW6-12-06	Tháp 6	TW6-06	12	A2-1	
362	TPV006012007	TW6-12-07	Tháp 6	TW6-07	12	B1-1	
363	TPV006012008	TW6-12-08	Tháp 6	TW6-08	12	B2-1	
364	TPV006012009	TW6-12-09	Tháp 6	TW6-09	12	B3-1	
365	TPV00612A001	TW6-12A-01	Tháp 6	TW6-01	12A	A1-1	
366	TPV00612A002	TW6-12A-02	Tháp 6	TW6-02	12A	C1-1	
367	TPV00612A003	TW6-12A-03	Tháp 6	TW6-03	12A	B4-1	
368	TPV00612A004	TW6-12A-04	Tháp 6	TW6-04	12A	B5-1	
369	TPV00612A005	TW6-12A-05	Tháp 6	TW6-05	12A	B6-1	
370	TPV00612A006	TW6-12A-06	Tháp 6	TW6-06	12A	A2-1	
371	TPV00612A007	TW6-12A-07	Tháp 6	TW6-07	12A	B1-1	
372	TPV00612A008	TW6-12A-08	Tháp 6	TW6-08	12A	B2-1	
373	TPV00612A009	TW6-12A-09	Tháp 6	TW6-09	12A	B3-1	
374	TPV006014001	TW6-14-01	Tháp 6	TW6-01	14	A1-1	
375	TPV006014002	TW6-14-02	Tháp 6	TW6-02	14	C1-1	
376	TPV006014003	TW6-14-03	Tháp 6	TW6-03	14	B4-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
377	TPV006014004	TW6-14-04	Tháp 6	TW6-04	14	B5-1	
378	TPV006014005	TW6-14-05	Tháp 6	TW6-05	14	B6-1	
379	TPV006014006	TW6-14-06	Tháp 6	TW6-06	14	A2-1	
380	TPV006014007	TW6-14-07	Tháp 6	TW6-07	14	B1-1	
381	TPV006014008	TW6-14-08	Tháp 6	TW6-08	14	B2-1	
382	TPV006014009	TW6-14-09	Tháp 6	TW6-09	14	B3-1	
383	TPV006015001	TW6-15-01	Tháp 6	TW6-01	15	A1-1	
384	TPV006015002	TW6-15-02	Tháp 6	TW6-02	15	C1-1	
385	TPV006015003	TW6-15-03	Tháp 6	TW6-03	15	B4-1	
386	TPV006015004	TW6-15-04	Tháp 6	TW6-04	15	B5-1	
387	TPV006015005	TW6-15-05	Tháp 6	TW6-05	15	B6-1	
388	TPV006015006	TW6-15-06	Tháp 6	TW6-06	15	A2-1	
389	TPV006015007	TW6-15-07	Tháp 6	TW6-07	15	B1-1	
390	TPV006015008	TW6-15-08	Tháp 6	TW6-08	15	B2-1	
391	TPV006015009	TW6-15-09	Tháp 6	TW6-09	15	B3-1	
392	TPV006016001	TW6-16-01	Tháp 6	TW6-01	16	A1-1	
393	TPV006016002	TW6-16-02	Tháp 6	TW6-02	16	C1-1	
394	TPV006016003	TW6-16-03	Tháp 6	TW6-03	16	B4-1	
395	TPV006016004	TW6-16-04	Tháp 6	TW6-04	16	B5-1	
396	TPV006016005	TW6-16-05	Tháp 6	TW6-05	16	B6-1	
397	TPV006016006	TW6-16-06	Tháp 6	TW6-06	16	A2-1	
398	TPV006016007	TW6-16-07	Tháp 6	TW6-07	16	B1-1	
399	TPV006016008	TW6-16-08	Tháp 6	TW6-08	16	B2-1	
400	TPV006016009	TW6-16-09	Tháp 6	TW6-09	16	B3-1	
401	TPV006017001	TW6-17-01	Tháp 6	TW6-01	17	A1-1	
402	TPV006017002	TW6-17-02	Tháp 6	TW6-02	17	C1-1	
403	TPV006017003	TW6-17-03	Tháp 6	TW6-03	17	B4-1	
404	TPV006017004	TW6-17-04	Tháp 6	TW6-04	17	B5-1	
405	TPV006017005	TW6-17-05	Tháp 6	TW6-05	17	B6-1	
406	TPV006017006	TW6-17-06	Tháp 6	TW6-06	17	A2-1	
407	TPV006017007	TW6-17-07	Tháp 6	TW6-07	17	B1-1	
408	TPV006017008	TW6-17-08	Tháp 6	TW6-08	17	B2-1	
409	TPV006017009	TW6-17-09	Tháp 6	TW6-09	17	B3-1	
410	TPV006018001	TW6-18-01	Tháp 6	TW6-01	18	A1-1	
411	TPV006018002	TW6-18-02	Tháp 6	TW6-02	18	C1-1	
412	TPV006018003	TW6-18-03	Tháp 6	TW6-03	18	B4-1	
413	TPV006018004	TW6-18-04	Tháp 6	TW6-04	18	B5-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
414	TPV006018005	TW6-18-05	Tháp 6	TW6-05	18	B6-1	
415	TPV006018006	TW6-18-06	Tháp 6	TW6-06	18	A2-1	
416	TPV006018007	TW6-18-07	Tháp 6	TW6-07	18	B1-1	
417	TPV006018008	TW6-18-08	Tháp 6	TW6-08	18	B2-1	
418	TPV006018009	TW6-18-09	Tháp 6	TW6-09	18	B3-1	
419	TPV006019001	TW6-19-01	Tháp 6	TW6-01	19	A1-1	
420	TPV006019002	TW6-19-02	Tháp 6	TW6-02	19	C1-1	
421	TPV006019003	TW6-19-03	Tháp 6	TW6-03	19	B4-1	
422	TPV006019004	TW6-19-04	Tháp 6	TW6-04	19	B5-1	
423	TPV006019005	TW6-19-05	Tháp 6	TW6-05	19	B6-1	
424	TPV006019006	TW6-19-06	Tháp 6	TW6-06	19	A2-1	
425	TPV006019007	TW6-19-07	Tháp 6	TW6-07	19	B1-1	
426	TPV006019008	TW6-19-08	Tháp 6	TW6-08	19	B2-1	
427	TPV006019009	TW6-19-09	Tháp 6	TW6-09	19	B3-1	
428	TPV006020001	TW6-20-01	Tháp 6	TW6-01	20	A1-1	
429	TPV006020002	TW6-20-02	Tháp 6	TW6-02	20	C1-1	
430	TPV006020003	TW6-20-03	Tháp 6	TW6-03	20	B4-1	
431	TPV006020004	TW6-20-04	Tháp 6	TW6-04	20	B5-1	
432	TPV006020006	TW6-20-06	Tháp 6	TW6-06	20	A2a-1	
433	TPV006020007	TW6-20-07	Tháp 6	TW6-07	20	B1-1	
434	TPV006020008	TW6-20-08	Tháp 6	TW6-08	20	B2-1	
435	TPV006020009	TW6-20-09	Tháp 6	TW6-09	20	B3-1	
436	TPV006021001	TW6-21-01	Tháp 6	TW6-01	21	A1-1	
437	TPV006021002	TW6-21-02	Tháp 6	TW6-02	21	C1-1	
438	TPV006021003	TW6-21-03	Tháp 6	TW6-03	21	B4-1	
439	TPV006021004	TW6-21-04	Tháp 6	TW6-04	21	B5-1	
440	TPV006021006	TW6-21-06	Tháp 6	TW6-06	21	A2a-1	
441	TPV006021007	TW6-21-07	Tháp 6	TW6-07	21	B1-1	
442	TPV006021008	TW6-21-08	Tháp 6	TW6-08	21	B2-1	
443	TPV006021009	TW6-21-09	Tháp 6	TW6-09	21	B3-1	
444	TPV006022001	TW6-22-01	Tháp 6	TW6-01	22	A1-1	
445	TPV006022002	TW6-22-02	Tháp 6	TW6-02	22	C1-1	
446	TPV006022003	TW6-22-03	Tháp 6	TW6-03	22	B4-1	
447	TPV006022004	TW6-22-04	Tháp 6	TW6-04	22	B5-1	
448	TPV006022005	TW6-22-05	Tháp 6	TW6-05	22	B6-1	
449	TPV006022006	TW6-22-06	Tháp 6	TW6-06	22	A2-1	
450	TPV006022007	TW6-22-07	Tháp 6	TW6-07	22	B1-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
451	TPV006022008	TW6-22-08	Tháp 6	TW6-08	22	B2-1	
452	TPV006022009	TW6-22-09	Tháp 6	TW6-09	22	B3-1	
453	TPV006023001	TW6-23-01	Tháp 6	TW6-01	23	A1-1	
454	TPV006023002	TW6-23-02	Tháp 6	TW6-02	23	C1-1	
455	TPV006023003	TW6-23-03	Tháp 6	TW6-03	23	B4-1	
456	TPV006023004	TW6-23-04	Tháp 6	TW6-04	23	B5-1	
457	TPV006023005	TW6-23-05	Tháp 6	TW6-05	23	B6-1	
458	TPV006023006	TW6-23-06	Tháp 6	TW6-06	23	A2-1	
459	TPV006023007	TW6-23-07	Tháp 6	TW6-07	23	B1-1	
460	TPV006023008	TW6-23-08	Tháp 6	TW6-08	23	B2-1	
461	TPV006023009	TW6-23-09	Tháp 6	TW6-09	23	B3-1	
462	TPV006024001	TW6-24-01	Tháp 6	TW6-01	24	A1-1	
463	TPV006024002	TW6-24-02	Tháp 6	TW6-02	24	C1-1	
464	TPV006024003	TW6-24-03	Tháp 6	TW6-03	24	B4-1	
465	TPV006024004	TW6-24-04	Tháp 6	TW6-04	24	B5-1	
466	TPV006024005	TW6-24-05	Tháp 6	TW6-05	24	B6-1	
467	TPV006024006	TW6-24-06	Tháp 6	TW6-06	24	A2-1	
468	TPV006024007	TW6-24-07	Tháp 6	TW6-07	24	B1-1	
469	TPV006024008	TW6-24-08	Tháp 6	TW6-08	24	B2-1	
470	TPV006024009	TW6-24-09	Tháp 6	TW6-09	24	B3-1	
471	TPV006025001	TW6-25-01	Tháp 6	TW6-01	25	A1-1	
472	TPV006025002	TW6-25-02	Tháp 6	TW6-02	25	C1-1	
473	TPV006025003	TW6-25-03	Tháp 6	TW6-03	25	B4-1	
474	TPV006025004	TW6-25-04	Tháp 6	TW6-04	25	B5-1	
475	TPV006025005	TW6-25-05	Tháp 6	TW6-05	25	B6-1	
476	TPV006025006	TW6-25-06	Tháp 6	TW6-06	25	A2-1	
477	TPV006025007	TW6-25-07	Tháp 6	TW6-07	25	B1-1	
478	TPV006025008	TW6-25-08	Tháp 6	TW6-08	25	B2-1	
479	TPV006025009	TW6-25-09	Tháp 6	TW6-09	25	B3-1	
480	TPV006026001	TW6-26-01	Tháp 6	TW6-01	26	A1-1	
481	TPV006026002	TW6-26-02	Tháp 6	TW6-02	26	C1-1	
482	TPV006026003	TW6-26-03	Tháp 6	TW6-03	26	B4-1	
483	TPV006026004	TW6-26-04	Tháp 6	TW6-04	26	B5-1	
484	TPV006026005	TW6-26-05	Tháp 6	TW6-05	26	B6-1	
485	TPV006026006	TW6-26-06	Tháp 6	TW6-06	26	A2-1	
486	TPV006026007	TW6-26-07	Tháp 6	TW6-07	26	B1-1	
487	TPV006026008	TW6-26-08	Tháp 6	TW6-08	26	B2-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
488	TPV006026009	TW6-26-09	Tháp 6	TW6-09	26	B3-1	
489	TPV006027001	TW6-27-01	Tháp 6	TW6-01	27	A1-1	
490	TPV006027002	TW6-27-02	Tháp 6	TW6-02	27	C1-1	
491	TPV006027003	TW6-27-03	Tháp 6	TW6-03	27	B4-1	
492	TPV006027004	TW6-27-04	Tháp 6	TW6-04	27	B5-1	
493	TPV006027005	TW6-27-05	Tháp 6	TW6-05	27	B6-1	
494	TPV006027006	TW6-27-06	Tháp 6	TW6-06	27	A2-1	
495	TPV006027007	TW6-27-07	Tháp 6	TW6-07	27	B1-1	
496	TPV006027008	TW6-27-08	Tháp 6	TW6-08	27	B2-1	
497	TPV006027009	TW6-27-09	Tháp 6	TW6-09	27	B3-1	
498	TPV006028001	TW6-28-01	Tháp 6	TW6-01	28	A1-1	
499	TPV006028002	TW6-28-02	Tháp 6	TW6-02	28	C1-1	
500	TPV006028003	TW6-28-03	Tháp 6	TW6-03	28	B4-1	
501	TPV006028004	TW6-28-04	Tháp 6	TW6-04	28	B5-1	
502	TPV006028005	TW6-28-05	Tháp 6	TW6-05	28	B6-1	
503	TPV006028006	TW6-28-06	Tháp 6	TW6-06	28	A2-1	
504	TPV006028007	TW6-28-07	Tháp 6	TW6-07	28	B1-1	
505	TPV006028008	TW6-28-08	Tháp 6	TW6-08	28	B2-1	
506	TPV006028009	TW6-28-09	Tháp 6	TW6-09	28	B3-1	
507	TPV006029001	TW6-29-01	Tháp 6	TW6-01	29	A1-1	
508	TPV006029002	TW6-29-02	Tháp 6	TW6-02	29	C1-1	
509	TPV006029003	TW6-29-03	Tháp 6	TW6-03	29	B4-1	
510	TPV006029004	TW6-29-04	Tháp 6	TW6-04	29	B5-1	
511	TPV006029005	TW6-29-05	Tháp 6	TW6-05	29	B6-1	
512	TPV006029006	TW6-29-06	Tháp 6	TW6-06	29	A2-1	
513	TPV006029007	TW6-29-07	Tháp 6	TW6-07	29	B1-1	
514	TPV006029008	TW6-29-08	Tháp 6	TW6-08	29	B2-1	
515	TPV006029009	TW6-29-09	Tháp 6	TW6-09	29	B3-1	
516	TPV006030001	TW6-30-01	Tháp 6	TW6-01	30	A1-1	
517	TPV006030002	TW6-30-02	Tháp 6	TW6-02	30	C1-1	
518	TPV006030003	TW6-30-03	Tháp 6	TW6-03	30	B4-1	
519	TPV006030004	TW6-30-04	Tháp 6	TW6-04	30	B5-1	
520	TPV006030005	TW6-30-05	Tháp 6	TW6-05	30	B6-1	
521	TPV006030006	TW6-30-06	Tháp 6	TW6-06	30	A2-1	
522	TPV006030007	TW6-30-07	Tháp 6	TW6-07	30	B1-1	
523	TPV006030008	TW6-30-08	Tháp 6	TW6-08	30	B2-1	
524	TPV006030009	TW6-30-09	Tháp 6	TW6-09	30	B3-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
525	TPV006031001	TW6-31-01	Tháp 6	TW6-01	31	A1-1	
526	TPV006031002	TW6-31-02	Tháp 6	TW6-02	31	C1-1	
527	TPV006031003	TW6-31-03	Tháp 6	TW6-03	31	B4-1	
528	TPV006031004	TW6-31-04	Tháp 6	TW6-04	31	B5-1	
529	TPV006031005	TW6-31-05	Tháp 6	TW6-05	31	B6-1	
530	TPV006031006	TW6-31-06	Tháp 6	TW6-06	31	A2-1	
531	TPV006031007	TW6-31-07	Tháp 6	TW6-07	31	B1-1	
532	TPV006031008	TW6-31-08	Tháp 6	TW6-08	31	B2-1	
533	TPV006031009	TW6-31-09	Tháp 6	TW6-09	31	B3-1	
534	TPV006032001	TW6-32-01	Tháp 6	TW6-01	32÷33	P06-1	căn hộ dạng thông tầng
535	TPV006032002	TW6-32-02	Tháp 6	TW6-02	32÷33	P04-1	căn hộ dạng thông tầng
536	TPV006032003	TW6-32-03	Tháp 6	TW6-03	32÷33	P07-1	căn hộ dạng thông tầng
537	TPV006032004	TW6-32-04	Tháp 6	TW6-04	32÷33	P05-1	căn hộ dạng thông tầng
538	TPV006032005	TW6-32-05	Tháp 6	TW6-05	32÷33	P06-1	căn hộ dạng thông tầng
539	TPV006032006	TW6-32-06	Tháp 6	TW6-06	32÷33	P02-1	căn hộ dạng thông tầng
540	TPV006032007	TW6-32-07	Tháp 6	TW6-07	32÷33	P03-1	căn hộ dạng thông tầng
541	TPV006032008	TW6-32-08	Tháp 6	TW6-08	32÷33	P01-1	căn hộ dạng thông tầng
542	TPV007001001	TW7-1-01	Tháp 7	TW7-01	1+2	D02-1	căn hộ dạng thông tầng

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
543	TPV007001002	TW7-1-02	Tháp 7	TW7-02	1+2	D03-1	căn hộ dạng thông tầng
544	TPV007001003	TW7-1-03	Tháp 7	TW7-03	1+2	D04-1	căn hộ dạng thông tầng
545	TPV007001004	TW7-1-04	Tháp 7	TW7-04	1+2	D05-1	căn hộ dạng thông tầng
546	TPV007001005	TW7-1-05	Tháp 7	TW7-05	1+2	D06-1	căn hộ dạng thông tầng
547	TPV007001006	TW7-1-06	Tháp 7	TW7-06	1+2	D07-1	căn hộ dạng thông tầng
548	TPV007001007	TW7-1-07	Tháp 7	TW7-07	1+2	D01	căn hộ dạng thông tầng
549	TPV007003001	TW7-3-01	Tháp 7	TW7-01	3	A1-1	
550	TPV007003002	TW7-3-02	Tháp 7	TW7-02	3	C1-1	
551	TPV007003003	TW7-3-03	Tháp 7	TW7-03	3	B4-1	
552	TPV007003004	TW7-3-04	Tháp 7	TW7-04	3	B5-1	
553	TPV007003005	TW7-3-05	Tháp 7	TW7-05	3	B6-1	
554	TPV007003006	TW7-3-06	Tháp 7	TW7-06	3	A2-1	
555	TPV007003007	TW7-3-07	Tháp 7	TW7-07	3	B1-1	
556	TPV007003008	TW7-3-08	Tháp 7	TW7-08	3	B2-1	
557	TPV007003009	TW7-3-09	Tháp 7	TW7-09	3	B3-1	
558	TPV007004001	TW7-4-01	Tháp 7	TW7-01	4	A1-1	
559	TPV007004002	TW7-4-02	Tháp 7	TW7-02	4	C1-1	
560	TPV007004003	TW7-4-03	Tháp 7	TW7-03	4	B4-1	
561	TPV007004004	TW7-4-04	Tháp 7	TW7-04	4	B5-1	
562	TPV007004005	TW7-4-05	Tháp 7	TW7-05	4	B6-1	
563	TPV007004006	TW7-4-06	Tháp 7	TW7-06	4	A2-1	
564	TPV007004007	TW7-4-07	Tháp 7	TW7-07	4	B1-1	
565	TPV007004008	TW7-4-08	Tháp 7	TW7-08	4	B2-1	
566	TPV007004009	TW7-4-09	Tháp 7	TW7-09	4	B3-1	
567	TPV007005001	TW7-5-01	Tháp 7	TW7-01	5	A1-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
568	TPV007005002	TW7-5-02	Tháp 7	TW7-02	5	C1-1	
569	TPV007005003	TW7-5-03	Tháp 7	TW7-03	5	B4-1	
570	TPV007005004	TW7-5-04	Tháp 7	TW7-04	5	B5-1	
571	TPV007005005	TW7-5-05	Tháp 7	TW7-05	5	B6-1	
572	TPV007005006	TW7-5-06	Tháp 7	TW7-06	5	A2-1	
573	TPV007005007	TW7-5-07	Tháp 7	TW7-07	5	B1-1	
574	TPV007005008	TW7-5-08	Tháp 7	TW7-08	5	B2-1	
575	TPV007005009	TW7-5-09	Tháp 7	TW7-09	5	B3-1	
576	TPV007006001	TW7-6-01	Tháp 7	TW7-01	6	A1-1	
577	TPV007006002	TW7-6-02	Tháp 7	TW7-02	6	C1-1	
578	TPV007006003	TW7-6-03	Tháp 7	TW7-03	6	B4-1	
579	TPV007006004	TW7-6-04	Tháp 7	TW7-04	6	B5-1	
580	TPV007006005	TW7-6-05	Tháp 7	TW7-05	6	B6-1	
581	TPV007006006	TW7-6-06	Tháp 7	TW7-06	6	A2-1	
582	TPV007006007	TW7-6-07	Tháp 7	TW7-07	6	B1-1	
583	TPV007006008	TW7-6-08	Tháp 7	TW7-08	6	B2-1	
584	TPV007006009	TW7-6-09	Tháp 7	TW7-09	6	B3-1	
585	TPV007007001	TW7-7-01	Tháp 7	TW7-01	7	A1-1	
586	TPV007007002	TW7-7-02	Tháp 7	TW7-02	7	C1-1	
587	TPV007007003	TW7-7-03	Tháp 7	TW7-03	7	B4-1	
588	TPV007007004	TW7-7-04	Tháp 7	TW7-04	7	B5-1	
589	TPV007007005	TW7-7-05	Tháp 7	TW7-05	7	B6-1	
590	TPV007007006	TW7-7-06	Tháp 7	TW7-06	7	A2-1	
591	TPV007007007	TW7-7-07	Tháp 7	TW7-07	7	B1-1	
592	TPV007007008	TW7-7-08	Tháp 7	TW7-08	7	B2-1	
593	TPV007007009	TW7-7-09	Tháp 7	TW7-09	7	B3-1	
594	TPV007008001	TW7-8-01	Tháp 7	TW7-01	8	A1-1	
595	TPV007008002	TW7-8-02	Tháp 7	TW7-02	8	C1-1	
596	TPV007008003	TW7-8-03	Tháp 7	TW7-03	8	B4-1	
597	TPV007008004	TW7-8-04	Tháp 7	TW7-04	8	B5-1	
598	TPV007008005	TW7-8-05	Tháp 7	TW7-05	8	B6-1	
599	TPV007008006	TW7-8-06	Tháp 7	TW7-06	8	A2-1	
600	TPV007008007	TW7-8-07	Tháp 7	TW7-07	8	B1-1	
601	TPV007008008	TW7-8-08	Tháp 7	TW7-08	8	B2-1	
602	TPV007008009	TW7-8-09	Tháp 7	TW7-09	8	B3-1	
603	TPV007009001	TW7-9-01	Tháp 7	TW7-01	9	A1-1	
604	TPV007009002	TW7-9-02	Tháp 7	TW7-02	9	C1-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
605	TPV007009003	TW7-9-03	Tháp 7	TW7-03	9	B4-1	
606	TPV007009004	TW7-9-04	Tháp 7	TW7-04	9	B5-1	
607	TPV007009005	TW7-9-05	Tháp 7	TW7-05	9	B6-1	
608	TPV007009006	TW7-9-06	Tháp 7	TW7-06	9	A2-1	
609	TPV007009007	TW7-9-07	Tháp 7	TW7-07	9	B1-1	
610	TPV007009008	TW7-9-08	Tháp 7	TW7-08	9	B2-1	
611	TPV007009009	TW7-9-09	Tháp 7	TW7-09	9	B3-1	
612	TPV007010001	TW7-10-01	Tháp 7	TW7-01	10	A1-1	
613	TPV007010002	TW7-10-02	Tháp 7	TW7-02	10	C1-1	
614	TPV007010003	TW7-10-03	Tháp 7	TW7-03	10	B4-1	
615	TPV007010004	TW7-10-04	Tháp 7	TW7-04	10	B5-1	
616	TPV007010005	TW7-10-05	Tháp 7	TW7-05	10	B6-1	
617	TPV007010006	TW7-10-06	Tháp 7	TW7-06	10	A2-1	
618	TPV007010007	TW7-10-07	Tháp 7	TW7-07	10	B1-1	
619	TPV007010008	TW7-10-08	Tháp 7	TW7-08	10	B2-1	
620	TPV007010009	TW7-10-09	Tháp 7	TW7-09	10	B3-1	
621	TPV007011001	TW7-11-01	Tháp 7	TW7-01	11	A1-1	
622	TPV007011002	TW7-11-02	Tháp 7	TW7-02	11	C1-1	
623	TPV007011003	TW7-11-03	Tháp 7	TW7-03	11	B4-1	
624	TPV007011004	TW7-11-04	Tháp 7	TW7-04	11	B5-1	
625	TPV007011005	TW7-11-05	Tháp 7	TW7-05	11	B6-1	
626	TPV007011006	TW7-11-06	Tháp 7	TW7-06	11	A2-1	
627	TPV007011007	TW7-11-07	Tháp 7	TW7-07	11	B1-1	
628	TPV007011008	TW7-11-08	Tháp 7	TW7-08	11	B2-1	
629	TPV007011009	TW7-11-09	Tháp 7	TW7-09	11	B3-1	
630	TPV007012001	TW7-12-01	Tháp 7	TW7-01	12	A1-1	
631	TPV007012002	TW7-12-02	Tháp 7	TW7-02	12	C1-1	
632	TPV007012003	TW7-12-03	Tháp 7	TW7-03	12	B4-1	
633	TPV007012004	TW7-12-04	Tháp 7	TW7-04	12	B5-1	
634	TPV007012005	TW7-12-05	Tháp 7	TW7-05	12	B6-1	
635	TPV007012006	TW7-12-06	Tháp 7	TW7-06	12	A2-1	
636	TPV007012007	TW7-12-07	Tháp 7	TW7-07	12	B1-1	
637	TPV007012008	TW7-12-08	Tháp 7	TW7-08	12	B2-1	
638	TPV007012009	TW7-12-09	Tháp 7	TW7-09	12	B3-1	
639	TPV00712A001	TW7-12A-01	Tháp 7	TW7-01	12A	A1-1	
640	TPV00712A002	TW7-12A-02	Tháp 7	TW7-02	12A	C1-1	
641	TPV00712A003	TW7-12A-03	Tháp 7	TW7-03	12A	B4-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
642	TPV00712A004	TW7-12A-04	Tháp 7	TW7-04	12A	B5-1	
643	TPV00712A005	TW7-12A-05	Tháp 7	TW7-05	12A	B6-1	
644	TPV00712A006	TW7-12A-06	Tháp 7	TW7-06	12A	A2-1	
645	TPV00712A007	TW7-12A-07	Tháp 7	TW7-07	12A	B1-1	
646	TPV00712A008	TW7-12A-08	Tháp 7	TW7-08	12A	B2-1	
647	TPV00712A009	TW7-12A-09	Tháp 7	TW7-09	12A	B3-1	
648	TPV007014001	TW7-14-01	Tháp 7	TW7-01	14	A1-1	
649	TPV007014002	TW7-14-02	Tháp 7	TW7-02	14	C1-1	
650	TPV007014003	TW7-14-03	Tháp 7	TW7-03	14	B4-1	
651	TPV007014004	TW7-14-04	Tháp 7	TW7-04	14	B5-1	
652	TPV007014005	TW7-14-05	Tháp 7	TW7-05	14	B6-1	
653	TPV007014006	TW7-14-06	Tháp 7	TW7-06	14	A2-1	
654	TPV007014007	TW7-14-07	Tháp 7	TW7-07	14	B1-1	
655	TPV007014008	TW7-14-08	Tháp 7	TW7-08	14	B2-1	
656	TPV007014009	TW7-14-09	Tháp 7	TW7-09	14	B3-1	
657	TPV007015001	TW7-15-01	Tháp 7	TW7-01	15	A1-1	
658	TPV007015002	TW7-15-02	Tháp 7	TW7-02	15	C1-1	
659	TPV007015003	TW7-15-03	Tháp 7	TW7-03	15	B4-1	
660	TPV007015004	TW7-15-04	Tháp 7	TW7-04	15	B5-1	
661	TPV007015005	TW7-15-05	Tháp 7	TW7-05	15	B6-1	
662	TPV007015006	TW7-15-06	Tháp 7	TW7-06	15	A2-1	
663	TPV007015007	TW7-15-07	Tháp 7	TW7-07	15	B1-1	
664	TPV007015008	TW7-15-08	Tháp 7	TW7-08	15	B2-1	
665	TPV007015009	TW7-15-09	Tháp 7	TW7-09	15	B3-1	
666	TPV007016001	TW7-16-01	Tháp 7	TW7-01	16	A1-1	
667	TPV007016002	TW7-16-02	Tháp 7	TW7-02	16	C1-1	
668	TPV007016003	TW7-16-03	Tháp 7	TW7-03	16	B4-1	
669	TPV007016004	TW7-16-04	Tháp 7	TW7-04	16	B5-1	
670	TPV007016005	TW7-16-05	Tháp 7	TW7-05	16	B6-1	
671	TPV007016006	TW7-16-06	Tháp 7	TW7-06	16	A2-1	
672	TPV007016007	TW7-16-07	Tháp 7	TW7-07	16	B1-1	
673	TPV007016008	TW7-16-08	Tháp 7	TW7-08	16	B2-1	
674	TPV007016009	TW7-16-09	Tháp 7	TW7-09	16	B3-1	
675	TPV007017001	TW7-17-01	Tháp 7	TW7-01	17	A1-1	
676	TPV007017002	TW7-17-02	Tháp 7	TW7-02	17	C1-1	
677	TPV007017003	TW7-17-03	Tháp 7	TW7-03	17	B4-1	
678	TPV007017004	TW7-17-04	Tháp 7	TW7-04	17	B5-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
679	TPV007017005	TW7-17-05	Tháp 7	TW7-05	17	B6-1	
680	TPV007017006	TW7-17-06	Tháp 7	TW7-06	17	A2-1	
681	TPV007017007	TW7-17-07	Tháp 7	TW7-07	17	B1-1	
682	TPV007017008	TW7-17-08	Tháp 7	TW7-08	17	B2-1	
683	TPV007017009	TW7-17-09	Tháp 7	TW7-09	17	B3-1	
684	TPV007018001	TW7-18-01	Tháp 7	TW7-01	18	A1-1	
685	TPV007018002	TW7-18-02	Tháp 7	TW7-02	18	C1-1	
686	TPV007018003	TW7-18-03	Tháp 7	TW7-03	18	B4-1	
687	TPV007018004	TW7-18-04	Tháp 7	TW7-04	18	B5-1	
688	TPV007018005	TW7-18-05	Tháp 7	TW7-05	18	B6-1	
689	TPV007018006	TW7-18-06	Tháp 7	TW7-06	18	A2-1	
690	TPV007018007	TW7-18-07	Tháp 7	TW7-07	18	B1-1	
691	TPV007018008	TW7-18-08	Tháp 7	TW7-08	18	B2-1	
692	TPV007018009	TW7-18-09	Tháp 7	TW7-09	18	B3-1	
693	TPV007019001	TW7-19-01	Tháp 7	TW7-01	19	A1-1	
694	TPV007019002	TW7-19-02	Tháp 7	TW7-02	19	C1-1	
695	TPV007019003	TW7-19-03	Tháp 7	TW7-03	19	B4-1	
696	TPV007019004	TW7-19-04	Tháp 7	TW7-04	19	B5-1	
697	TPV007019005	TW7-19-05	Tháp 7	TW7-05	19	B6-1	
698	TPV007019006	TW7-19-06	Tháp 7	TW7-06	19	A2-1	
699	TPV007019007	TW7-19-07	Tháp 7	TW7-07	19	B1-1	
700	TPV007019008	TW7-19-08	Tháp 7	TW7-08	19	B2-1	
701	TPV007019009	TW7-19-09	Tháp 7	TW7-09	19	B3-1	
702	TPV007020001	TW7-20-01	Tháp 7	TW7-01	20	A1-1	
703	TPV007020002	TW7-20-02	Tháp 7	TW7-02	20	C1-1	
704	TPV007020003	TW7-20-03	Tháp 7	TW7-03	20	B4-1	
705	TPV007020004	TW7-20-04	Tháp 7	TW7-04	20	B5-1	
706	TPV007020006	TW7-20-06	Tháp 7	TW7-06	20	A2a-1	
707	TPV007020007	TW7-20-07	Tháp 7	TW7-07	20	B1-1	
708	TPV007020008	TW7-20-08	Tháp 7	TW7-08	20	B2-1	
709	TPV007020009	TW7-20-09	Tháp 7	TW7-09	20	B3-1	
710	TPV007021001	TW7-21-01	Tháp 7	TW7-01	21	A1-1	
711	TPV007021002	TW7-21-02	Tháp 7	TW7-02	21	C1-1	
712	TPV007021003	TW7-21-03	Tháp 7	TW7-03	21	B4-1	
713	TPV007021004	TW7-21-04	Tháp 7	TW7-04	21	B5-1	
714	TPV007021006	TW7-21-06	Tháp 7	TW7-06	21	A2a-1	
715	TPV007021007	TW7-21-07	Tháp 7	TW7-07	21	B1-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
716	TPV007021008	TW7-21-08	Tháp 7	TW7-08	21	B2-1	
717	TPV007021009	TW7-21-09	Tháp 7	TW7-09	21	B3-1	
718	TPV007022001	TW7-22-01	Tháp 7	TW7-01	22	A1-1	
719	TPV007022002	TW7-22-02	Tháp 7	TW7-02	22	C1-1	
720	TPV007022003	TW7-22-03	Tháp 7	TW7-03	22	B4-1	
721	TPV007022004	TW7-22-04	Tháp 7	TW7-04	22	B5-1	
722	TPV007022005	TW7-22-05	Tháp 7	TW7-05	22	B6-1	
723	TPV007022006	TW7-22-06	Tháp 7	TW7-06	22	A2-1	
724	TPV007022007	TW7-22-07	Tháp 7	TW7-07	22	B1-1	
725	TPV007022008	TW7-22-08	Tháp 7	TW7-08	22	B2-1	
726	TPV007022009	TW7-22-09	Tháp 7	TW7-09	22	B3-1	
727	TPV007023001	TW7-23-01	Tháp 7	TW7-01	23	A1-1	
728	TPV007023002	TW7-23-02	Tháp 7	TW7-02	23	C1-1	
729	TPV007023003	TW7-23-03	Tháp 7	TW7-03	23	B4-1	
730	TPV007023004	TW7-23-04	Tháp 7	TW7-04	23	B5-1	
731	TPV007023005	TW7-23-05	Tháp 7	TW7-05	23	B6-1	
732	TPV007023006	TW7-23-06	Tháp 7	TW7-06	23	A2-1	
733	TPV007023007	TW7-23-07	Tháp 7	TW7-07	23	B1-1	
734	TPV007023008	TW7-23-08	Tháp 7	TW7-08	23	B2-1	
735	TPV007023009	TW7-23-09	Tháp 7	TW7-09	23	B3-1	
736	TPV007024001	TW7-24-01	Tháp 7	TW7-01	24	A1-1	
737	TPV007024002	TW7-24-02	Tháp 7	TW7-02	24	C1-1	
738	TPV007024003	TW7-24-03	Tháp 7	TW7-03	24	B4-1	
739	TPV007024004	TW7-24-04	Tháp 7	TW7-04	24	B5-1	
740	TPV007024005	TW7-24-05	Tháp 7	TW7-05	24	B6-1	
741	TPV007024006	TW7-24-06	Tháp 7	TW7-06	24	A2-1	
742	TPV007024007	TW7-24-07	Tháp 7	TW7-07	24	B1-1	
743	TPV007024008	TW7-24-08	Tháp 7	TW7-08	24	B2-1	
744	TPV007024009	TW7-24-09	Tháp 7	TW7-09	24	B3-1	
745	TPV007025001	TW7-25-01	Tháp 7	TW7-01	25	A1-1	
746	TPV007025002	TW7-25-02	Tháp 7	TW7-02	25	C1-1	
747	TPV007025003	TW7-25-03	Tháp 7	TW7-03	25	B4-1	
748	TPV007025004	TW7-25-04	Tháp 7	TW7-04	25	B5-1	
749	TPV007025005	TW7-25-05	Tháp 7	TW7-05	25	B6-1	
750	TPV007025006	TW7-25-06	Tháp 7	TW7-06	25	A2-1	
751	TPV007025007	TW7-25-07	Tháp 7	TW7-07	25	B1-1	
752	TPV007025008	TW7-25-08	Tháp 7	TW7-08	25	B2-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
753	TPV007025009	TW7-25-09	Tháp 7	TW7-09	25	B3-1	
754	TPV007026001	TW7-26-01	Tháp 7	TW7-01	26	A1-1	
755	TPV007026002	TW7-26-02	Tháp 7	TW7-02	26	C1-1	
756	TPV007026003	TW7-26-03	Tháp 7	TW7-03	26	B4-1	
757	TPV007026004	TW7-26-04	Tháp 7	TW7-04	26	B5-1	
758	TPV007026005	TW7-26-05	Tháp 7	TW7-05	26	B6-1	
759	TPV007026006	TW7-26-06	Tháp 7	TW7-06	26	A2-1	
760	TPV007026007	TW7-26-07	Tháp 7	TW7-07	26	B1-1	
761	TPV007026008	TW7-26-08	Tháp 7	TW7-08	26	B2-1	
762	TPV007026009	TW7-26-09	Tháp 7	TW7-09	26	B3-1	
763	TPV007027001	TW7-27-01	Tháp 7	TW7-01	27	A1-1	
764	TPV007027002	TW7-27-02	Tháp 7	TW7-02	27	C1-1	
765	TPV007027003	TW7-27-03	Tháp 7	TW7-03	27	B4-1	
766	TPV007027004	TW7-27-04	Tháp 7	TW7-04	27	B5-1	
767	TPV007027005	TW7-27-05	Tháp 7	TW7-05	27	B6-1	
768	TPV007027006	TW7-27-06	Tháp 7	TW7-06	27	A2-1	
769	TPV007027007	TW7-27-07	Tháp 7	TW7-07	27	B1-1	
770	TPV007027008	TW7-27-08	Tháp 7	TW7-08	27	B2-1	
771	TPV007027009	TW7-27-09	Tháp 7	TW7-09	27	B3-1	
772	TPV007028001	TW7-28-01	Tháp 7	TW7-01	28	A1-1	
773	TPV007028002	TW7-28-02	Tháp 7	TW7-02	28	C1-1	
774	TPV007028003	TW7-28-03	Tháp 7	TW7-03	28	B4-1	
775	TPV007028004	TW7-28-04	Tháp 7	TW7-04	28	B5-1	
776	TPV007028005	TW7-28-05	Tháp 7	TW7-05	28	B6-1	
777	TPV007028006	TW7-28-06	Tháp 7	TW7-06	28	A2-1	
778	TPV007028007	TW7-28-07	Tháp 7	TW7-07	28	B1-1	
779	TPV007028008	TW7-28-08	Tháp 7	TW7-08	28	B2-1	
780	TPV007028009	TW7-28-09	Tháp 7	TW7-09	28	B3-1	
781	TPV007029001	TW7-29-01	Tháp 7	TW7-01	29	A1-1	
782	TPV007029002	TW7-29-02	Tháp 7	TW7-02	29	C1-1	
783	TPV007029003	TW7-29-03	Tháp 7	TW7-03	29	B4-1	
784	TPV007029004	TW7-29-04	Tháp 7	TW7-04	29	B5-1	
785	TPV007029005	TW7-29-05	Tháp 7	TW7-05	29	B6-1	
786	TPV007029006	TW7-29-06	Tháp 7	TW7-06	29	A2-1	
787	TPV007029007	TW7-29-07	Tháp 7	TW7-07	29	B1-1	
788	TPV007029008	TW7-29-08	Tháp 7	TW7-08	29	B2-1	
789	TPV007029009	TW7-29-09	Tháp 7	TW7-09	29	B3-1	



Phúc

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
790	TPV007030001	TW7-30-01	Tháp 7	TW7-01	30	A1-1	
791	TPV007030002	TW7-30-02	Tháp 7	TW7-02	30	C1-1	
792	TPV007030003	TW7-30-03	Tháp 7	TW7-03	30	B4-1	
793	TPV007030004	TW7-30-04	Tháp 7	TW7-04	30	B5-1	
794	TPV007030005	TW7-30-05	Tháp 7	TW7-05	30	B6-1	
795	TPV007030006	TW7-30-06	Tháp 7	TW7-06	30	A2-1	
796	TPV007030007	TW7-30-07	Tháp 7	TW7-07	30	B1-1	
797	TPV007030008	TW7-30-08	Tháp 7	TW7-08	30	B2-1	
798	TPV007030009	TW7-30-09	Tháp 7	TW7-09	30	B3-1	
799	TPV007031001	TW7-31-01	Tháp 7	TW7-01	31	A1-1	
800	TPV007031002	TW7-31-02	Tháp 7	TW7-02	31	C1-1	
801	TPV007031003	TW7-31-03	Tháp 7	TW7-03	31	B4-1	
802	TPV007031004	TW7-31-04	Tháp 7	TW7-04	31	B5-1	
803	TPV007031005	TW7-31-05	Tháp 7	TW7-05	31	B6-1	
804	TPV007031006	TW7-31-06	Tháp 7	TW7-06	31	A2-1	
805	TPV007031007	TW7-31-07	Tháp 7	TW7-07	31	B1-1	
806	TPV007031008	TW7-31-08	Tháp 7	TW7-08	31	B2-1	
807	TPV007031009	TW7-31-09	Tháp 7	TW7-09	31	B3-1	
808	TPV007032001	TW7-32-01	Tháp 7	TW7-01	32÷3 3	P06-1	căn hộ dạng thông tầng
809	TPV007032002	TW7-32-02	Tháp 7	TW7-02	32÷3 3	P04-1	căn hộ dạng thông tầng
810	TPV007032003	TW7-32-03	Tháp 7	TW7-03	32÷3 3	P07-1	căn hộ dạng thông tầng
811	TPV007032004	TW7-32-04	Tháp 7	TW7-04	32÷3 3	P05-1	căn hộ dạng thông tầng
812	TPV007032005	TW7-32-05	Tháp 7	TW7-05	32÷3 3	P06-1	căn hộ dạng thông tầng
813	TPV007032006	TW7-32-06	Tháp 7	TW7-06	32÷3 3	P02-1	căn hộ dạng thông tầng

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
814	TPV007032007	TW7-32-07	Tháp 7	TW7-07	32÷3 3	P03-1	căn hộ dạng thông tầng
815	TPV007032008	TW7-32-08	Tháp 7	TW7-08	32÷3 3	P01-1	căn hộ dạng thông tầng
816	TPV008003001	TW8-3-01	Tháp 8	TW8-01	3	B3-2	
817	TPV008003002	TW8-3-02	Tháp 8	TW8-02	3	B2-2	
818	TPV008003003	TW8-3-03	Tháp 8	TW8-03	3	B1-2	
819	TPV008003004	TW8-3-04	Tháp 8	TW8-04	3	A2-2	
820	TPV008003005	TW8-3-05	Tháp 8	TW8-05	3	B6-2	
821	TPV008003006	TW8-3-06	Tháp 8	TW8-06	3	B5-2	
822	TPV008003007	TW8-3-07	Tháp 8	TW8-07	3	B4-2	
823	TPV008003008	TW8-3-08	Tháp 8	TW8-08	3	C1-2	
824	TPV008003009	TW8-3-09	Tháp 8	TW8-09	3	A1-2	
825	TPV008004001	TW8-4-01	Tháp 8	TW8-01	4	B3-2	
826	TPV008004002	TW8-4-02	Tháp 8	TW8-02	4	B2-2	
827	TPV008004003	TW8-4-03	Tháp 8	TW8-03	4	B1-2	
828	TPV008004004	TW8-4-04	Tháp 8	TW8-04	4	A2-2	
829	TPV008004005	TW8-4-05	Tháp 8	TW8-05	4	B6-2	
830	TPV008004006	TW8-4-06	Tháp 8	TW8-06	4	B5-2	
831	TPV008004007	TW8-4-07	Tháp 8	TW8-07	4	B4-2	
832	TPV008004008	TW8-4-08	Tháp 8	TW8-08	4	C1-2	
833	TPV008004009	TW8-4-09	Tháp 8	TW8-09	4	A1-2	
834	TPV008005001	TW8-5-01	Tháp 8	TW8-01	5	B3-2	
835	TPV008005002	TW8-5-02	Tháp 8	TW8-02	5	B2-2	
836	TPV008005003	TW8-5-03	Tháp 8	TW8-03	5	B1-2	
837	TPV008005004	TW8-5-04	Tháp 8	TW8-04	5	A2-2	
838	TPV008005005	TW8-5-05	Tháp 8	TW8-05	5	B6-2	
839	TPV008005006	TW8-5-06	Tháp 8	TW8-06	5	B5-2	
840	TPV008005007	TW8-5-07	Tháp 8	TW8-07	5	B4-2	
841	TPV008005008	TW8-5-08	Tháp 8	TW8-08	5	C1-2	
842	TPV008005009	TW8-5-09	Tháp 8	TW8-09	5	A1-2	
843	TPV008006001	TW8-6-01	Tháp 8	TW8-01	6	B3-2	
844	TPV008006002	TW8-6-02	Tháp 8	TW8-02	6	B2-2	
845	TPV008006003	TW8-6-03	Tháp 8	TW8-03	6	B1-2	
846	TPV008006004	TW8-6-04	Tháp 8	TW8-04	6	A2-2	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
847	TPV008006005	TW8-6-05	Tháp 8	TW8-05	6	B6-2	
848	TPV008006006	TW8-6-06	Tháp 8	TW8-06	6	B5-2	
849	TPV008006007	TW8-6-07	Tháp 8	TW8-07	6	B4-2	
850	TPV008006008	TW8-6-08	Tháp 8	TW8-08	6	C1-2	
851	TPV008006009	TW8-6-09	Tháp 8	TW8-09	6	A1-2	
852	TPV008007001	TW8-7-01	Tháp 8	TW8-01	7	B3-2	
853	TPV008007002	TW8-7-02	Tháp 8	TW8-02	7	B2-2	
854	TPV008007003	TW8-7-03	Tháp 8	TW8-03	7	B1-2	
855	TPV008007004	TW8-7-04	Tháp 8	TW8-04	7	A2-2	
856	TPV008007005	TW8-7-05	Tháp 8	TW8-05	7	B6-2	
857	TPV008007006	TW8-7-06	Tháp 8	TW8-06	7	B5-2	
858	TPV008007007	TW8-7-07	Tháp 8	TW8-07	7	B4-2	
859	TPV008007008	TW8-7-08	Tháp 8	TW8-08	7	C1-2	
860	TPV008007009	TW8-7-09	Tháp 8	TW8-09	7	A1-2	
861	TPV008008001	TW8-8-01	Tháp 8	TW8-01	8	B3-2	
862	TPV008008002	TW8-8-02	Tháp 8	TW8-02	8	B2-2	
863	TPV008008003	TW8-8-03	Tháp 8	TW8-03	8	B1-2	
864	TPV008008004	TW8-8-04	Tháp 8	TW8-04	8	A2-2	
865	TPV008008005	TW8-8-05	Tháp 8	TW8-05	8	B6-2	
866	TPV008008006	TW8-8-06	Tháp 8	TW8-06	8	B5-2	
867	TPV008008007	TW8-8-07	Tháp 8	TW8-07	8	B4-2	
868	TPV008008008	TW8-8-08	Tháp 8	TW8-08	8	C1-2	
869	TPV008008009	TW8-8-09	Tháp 8	TW8-09	8	A1-2	
870	TPV008009001	TW8-9-01	Tháp 8	TW8-01	9	B3-2	
871	TPV008009002	TW8-9-02	Tháp 8	TW8-02	9	B2-2	
872	TPV008009003	TW8-9-03	Tháp 8	TW8-03	9	B1-2	
873	TPV008009004	TW8-9-04	Tháp 8	TW8-04	9	A2-2	
874	TPV008009005	TW8-9-05	Tháp 8	TW8-05	9	B6-2	
875	TPV008009006	TW8-9-06	Tháp 8	TW8-06	9	B5-2	
876	TPV008009007	TW8-9-07	Tháp 8	TW8-07	9	B4-2	
877	TPV008009008	TW8-9-08	Tháp 8	TW8-08	9	C1-2	
878	TPV008009009	TW8-9-09	Tháp 8	TW8-09	9	A1-2	
879	TPV008010001	TW8-10-01	Tháp 8	TW8-01	10	B3-2	
880	TPV008010002	TW8-10-02	Tháp 8	TW8-02	10	B2-2	
881	TPV008010003	TW8-10-03	Tháp 8	TW8-03	10	B1-2	
882	TPV008010004	TW8-10-04	Tháp 8	TW8-04	10	A2-2	
883	TPV008010005	TW8-10-05	Tháp 8	TW8-05	10	B6-2	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
884	TPV008010006	TW8-10-06	Tháp 8	TW8-06	10	B5-2	
885	TPV008010007	TW8-10-07	Tháp 8	TW8-07	10	B4-2	
886	TPV008010008	TW8-10-08	Tháp 8	TW8-08	10	C1-2	
887	TPV008010009	TW8-10-09	Tháp 8	TW8-09	10	A1-2	
888	TPV008011001	TW8-11-01	Tháp 8	TW8-01	11	B3-2	
889	TPV008011002	TW8-11-02	Tháp 8	TW8-02	11	B2-2	
890	TPV008011003	TW8-11-03	Tháp 8	TW8-03	11	B1-2	
891	TPV008011004	TW8-11-04	Tháp 8	TW8-04	11	A2-2	
892	TPV008011005	TW8-11-05	Tháp 8	TW8-05	11	B6-2	
893	TPV008011006	TW8-11-06	Tháp 8	TW8-06	11	B5-2	
894	TPV008011007	TW8-11-07	Tháp 8	TW8-07	11	B4-2	
895	TPV008011008	TW8-11-08	Tháp 8	TW8-08	11	C1-2	
896	TPV008011009	TW8-11-09	Tháp 8	TW8-09	11	A1-2	
897	TPV008012001	TW8-12-01	Tháp 8	TW8-01	12	B3-2	
898	TPV008012002	TW8-12-02	Tháp 8	TW8-02	12	B2-2	
899	TPV008012003	TW8-12-03	Tháp 8	TW8-03	12	B1-2	
900	TPV008012004	TW8-12-04	Tháp 8	TW8-04	12	A2-2	
901	TPV008012005	TW8-12-05	Tháp 8	TW8-05	12	B6-2	
902	TPV008012006	TW8-12-06	Tháp 8	TW8-06	12	B5-2	
903	TPV008012007	TW8-12-07	Tháp 8	TW8-07	12	B4-2	
904	TPV008012008	TW8-12-08	Tháp 8	TW8-08	12	C1-2	
905	TPV008012009	TW8-12-09	Tháp 8	TW8-09	12	A1-2	
906	TPV00812A001	TW8-12A-01	Tháp 8	TW8-01	12A	B3-2	
907	TPV00812A002	TW8-12A-02	Tháp 8	TW8-02	12A	B2-2	
908	TPV00812A003	TW8-12A-03	Tháp 8	TW8-03	12A	B1-2	
909	TPV00812A004	TW8-12A-04	Tháp 8	TW8-04	12A	A2-2	
910	TPV00812A005	TW8-12A-05	Tháp 8	TW8-05	12A	B6-2	
911	TPV00812A006	TW8-12A-06	Tháp 8	TW8-06	12A	B5-2	
912	TPV00812A007	TW8-12A-07	Tháp 8	TW8-07	12A	B4-2	
913	TPV00812A008	TW8-12A-08	Tháp 8	TW8-08	12A	C1-2	
914	TPV00812A009	TW8-12A-09	Tháp 8	TW8-09	12A	A1-2	
915	TPV008014001	TW8-14-01	Tháp 8	TW8-01	14	B3-2	
916	TPV008014002	TW8-14-02	Tháp 8	TW8-02	14	B2-2	
917	TPV008014003	TW8-14-03	Tháp 8	TW8-03	14	B1-2	
918	TPV008014004	TW8-14-04	Tháp 8	TW8-04	14	A2-2	
919	TPV008014005	TW8-14-05	Tháp 8	TW8-05	14	B6-2	
920	TPV008014006	TW8-14-06	Tháp 8	TW8-06	14	B5-2	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
921	TPV008014007	TW8-14-07	Tháp 8	TW8-07	14	B4-2	
922	TPV008014008	TW8-14-08	Tháp 8	TW8-08	14	C1-2	
923	TPV008014009	TW8-14-09	Tháp 8	TW8-09	14	A1-2	
924	TPV008015001	TW8-15-01	Tháp 8	TW8-01	15	B3-2	
925	TPV008015002	TW8-15-02	Tháp 8	TW8-02	15	B2-2	
926	TPV008015003	TW8-15-03	Tháp 8	TW8-03	15	B1-2	
927	TPV008015004	TW8-15-04	Tháp 8	TW8-04	15	A2-2	
928	TPV008015005	TW8-15-05	Tháp 8	TW8-05	15	B6-2	
929	TPV008015006	TW8-15-06	Tháp 8	TW8-06	15	B5-2	
930	TPV008015007	TW8-15-07	Tháp 8	TW8-07	15	B4-2	
931	TPV008015008	TW8-15-08	Tháp 8	TW8-08	15	C1-2	
932	TPV008015009	TW8-15-09	Tháp 8	TW8-09	15	A1-2	
933	TPV008016001	TW8-16-01	Tháp 8	TW8-01	16	B3-2	
934	TPV008016002	TW8-16-02	Tháp 8	TW8-02	16	B2-2	
935	TPV008016003	TW8-16-03	Tháp 8	TW8-03	16	B1-2	
936	TPV008016004	TW8-16-04	Tháp 8	TW8-04	16	A2-2	
937	TPV008016005	TW8-16-05	Tháp 8	TW8-05	16	B6-2	
938	TPV008016006	TW8-16-06	Tháp 8	TW8-06	16	B5-2	
939	TPV008016007	TW8-16-07	Tháp 8	TW8-07	16	B4-2	
940	TPV008016008	TW8-16-08	Tháp 8	TW8-08	16	C1-2	
941	TPV008016009	TW8-16-09	Tháp 8	TW8-09	16	A1-2	
942	TPV008017001	TW8-17-01	Tháp 8	TW8-01	17	B3-2	
943	TPV008017002	TW8-17-02	Tháp 8	TW8-02	17	B2-2	
944	TPV008017003	TW8-17-03	Tháp 8	TW8-03	17	B1-2	
945	TPV008017004	TW8-17-04	Tháp 8	TW8-04	17	A2-2	
946	TPV008017005	TW8-17-05	Tháp 8	TW8-05	17	B6-2	
947	TPV008017006	TW8-17-06	Tháp 8	TW8-06	17	B5-2	
948	TPV008017007	TW8-17-07	Tháp 8	TW8-07	17	B4-2	
949	TPV008017008	TW8-17-08	Tháp 8	TW8-08	17	C1-2	
950	TPV008017009	TW8-17-09	Tháp 8	TW8-09	17	A1-2	
951	TPV008018001	TW8-18-01	Tháp 8	TW8-01	18	B3-2	
952	TPV008018002	TW8-18-02	Tháp 8	TW8-02	18	B2-2	
953	TPV008018003	TW8-18-03	Tháp 8	TW8-03	18	B1-2	
954	TPV008018004	TW8-18-04	Tháp 8	TW8-04	18	A2-2	
955	TPV008018005	TW8-18-05	Tháp 8	TW8-05	18	B6-2	
956	TPV008018006	TW8-18-06	Tháp 8	TW8-06	18	B5-2	
957	TPV008018007	TW8-18-07	Tháp 8	TW8-07	18	B4-2	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
958	TPV008018008	TW8-18-08	Tháp 8	TW8-08	18	C1-2	
959	TPV008018009	TW8-18-09	Tháp 8	TW8-09	18	A1-2	
960	TPV008019001	TW8-19-01	Tháp 8	TW8-01	19	B3-2	
961	TPV008019002	TW8-19-02	Tháp 8	TW8-02	19	B2-2	
962	TPV008019003	TW8-19-03	Tháp 8	TW8-03	19	B1-2	
963	TPV008019004	TW8-19-04	Tháp 8	TW8-04	19	A2-2	
964	TPV008019005	TW8-19-05	Tháp 8	TW8-05	19	B6-2	
965	TPV008019006	TW8-19-06	Tháp 8	TW8-06	19	B5-2	
966	TPV008019007	TW8-19-07	Tháp 8	TW8-07	19	B4-2	
967	TPV008019008	TW8-19-08	Tháp 8	TW8-08	19	C1-2	
968	TPV008019009	TW8-19-09	Tháp 8	TW8-09	19	A1-2	
969	TPV008020001	TW8-20-01	Tháp 8	TW8-01	20	B3-2	
970	TPV008020002	TW8-20-02	Tháp 8	TW8-02	20	B2-2	
971	TPV008020003	TW8-20-03	Tháp 8	TW8-03	20	B1-2	
972	TPV008020004	TW8-20-04	Tháp 8	TW8-04	20	A2a-2	
973	TPV008020006	TW8-20-06	Tháp 8	TW8-06	20	B5-2	
974	TPV008020007	TW8-20-07	Tháp 8	TW8-07	20	B4-2	
975	TPV008020008	TW8-20-08	Tháp 8	TW8-08	20	C1-2	
976	TPV008020009	TW8-20-09	Tháp 8	TW8-09	20	A1-2	
977	TPV008021001	TW8-21-01	Tháp 8	TW8-01	21	B3-2	
978	TPV008021002	TW8-21-02	Tháp 8	TW8-02	21	B2-2	
979	TPV008021003	TW8-21-03	Tháp 8	TW8-03	21	B1-2	
980	TPV008021004	TW8-21-04	Tháp 8	TW8-04	21	A2a-2	
981	TPV008021006	TW8-21-06	Tháp 8	TW8-06	21	B5-2	
982	TPV008021007	TW8-21-07	Tháp 8	TW8-07	21	B4-2	
983	TPV008021008	TW8-21-08	Tháp 8	TW8-08	21	C1-2	
984	TPV008021009	TW8-21-09	Tháp 8	TW8-09	21	A1-2	
985	TPV008022001	TW8-22-01	Tháp 8	TW8-01	22	B3-2	
986	TPV008022002	TW8-22-02	Tháp 8	TW8-02	22	B2-2	
987	TPV008022003	TW8-22-03	Tháp 8	TW8-03	22	B1-2	
988	TPV008022004	TW8-22-04	Tháp 8	TW8-04	22	A2-2	
989	TPV008022005	TW8-22-05	Tháp 8	TW8-05	22	B6-2	
990	TPV008022006	TW8-22-06	Tháp 8	TW8-06	22	B5-2	
991	TPV008022007	TW8-22-07	Tháp 8	TW8-07	22	B4-2	
992	TPV008022008	TW8-22-08	Tháp 8	TW8-08	22	C1-2	
993	TPV008022009	TW8-22-09	Tháp 8	TW8-09	22	A1-2	
994	TPV008023001	TW8-23-01	Tháp 8	TW8-01	23	B3-2	



Đok

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
995	TPV008023002	TW8-23-02	Tháp 8	TW8-02	23	B2-2	
996	TPV008023003	TW8-23-03	Tháp 8	TW8-03	23	B1-2	
997	TPV008023004	TW8-23-04	Tháp 8	TW8-04	23	A2-2	
998	TPV008023005	TW8-23-05	Tháp 8	TW8-05	23	B6-2	
999	TPV008023006	TW8-23-06	Tháp 8	TW8-06	23	B5-2	
1000	TPV008023007	TW8-23-07	Tháp 8	TW8-07	23	B4-2	
1001	TPV008023008	TW8-23-08	Tháp 8	TW8-08	23	C1-2	
1002	TPV008023009	TW8-23-09	Tháp 8	TW8-09	23	A1-2	
1003	TPV008024001	TW8-24-01	Tháp 8	TW8-01	24	B3-2	
1004	TPV008024002	TW8-24-02	Tháp 8	TW8-02	24	B2-2	
1005	TPV008024003	TW8-24-03	Tháp 8	TW8-03	24	B1-2	
1006	TPV008024004	TW8-24-04	Tháp 8	TW8-04	24	A2-2	
1007	TPV008024005	TW8-24-05	Tháp 8	TW8-05	24	B6-2	
1008	TPV008024006	TW8-24-06	Tháp 8	TW8-06	24	B5-2	
1009	TPV008024007	TW8-24-07	Tháp 8	TW8-07	24	B4-2	
1010	TPV008024008	TW8-24-08	Tháp 8	TW8-08	24	C1-2	
1011	TPV008024009	TW8-24-09	Tháp 8	TW8-09	24	A1-2	
1012	TPV008025001	TW8-25-01	Tháp 8	TW8-01	25	B3-2	
1013	TPV008025002	TW8-25-02	Tháp 8	TW8-02	25	B2-2	
1014	TPV008025003	TW8-25-03	Tháp 8	TW8-03	25	B1-2	
1015	TPV008025004	TW8-25-04	Tháp 8	TW8-04	25	A2-2	
1016	TPV008025005	TW8-25-05	Tháp 8	TW8-05	25	B6-2	
1017	TPV008025006	TW8-25-06	Tháp 8	TW8-06	25	B5-2	
1018	TPV008025007	TW8-25-07	Tháp 8	TW8-07	25	B4-2	
1019	TPV008025008	TW8-25-08	Tháp 8	TW8-08	25	C1-2	
1020	TPV008025009	TW8-25-09	Tháp 8	TW8-09	25	A1-2	
1021	TPV008026001	TW8-26-01	Tháp 8	TW8-01	26	B3-2	
1022	TPV008026002	TW8-26-02	Tháp 8	TW8-02	26	B2-2	
1023	TPV008026003	TW8-26-03	Tháp 8	TW8-03	26	B1-2	
1024	TPV008026004	TW8-26-04	Tháp 8	TW8-04	26	A2-2	
1025	TPV008026005	TW8-26-05	Tháp 8	TW8-05	26	B6-2	
1026	TPV008026006	TW8-26-06	Tháp 8	TW8-06	26	B5-2	
1027	TPV008026007	TW8-26-07	Tháp 8	TW8-07	26	B4-2	
1028	TPV008026008	TW8-26-08	Tháp 8	TW8-08	26	C1-2	
1029	TPV008026009	TW8-26-09	Tháp 8	TW8-09	26	A1-2	
1030	TPV008027001	TW8-27-01	Tháp 8	TW8-01	27	B3-2	
1031	TPV008027002	TW8-27-02	Tháp 8	TW8-02	27	B2-2	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1032	TPV008027003	TW8-27-03	Tháp 8	TW8-03	27	B1-2	
1033	TPV008027004	TW8-27-04	Tháp 8	TW8-04	27	A2-2	
1034	TPV008027005	TW8-27-05	Tháp 8	TW8-05	27	B6-2	
1035	TPV008027006	TW8-27-06	Tháp 8	TW8-06	27	B5-2	
1036	TPV008027007	TW8-27-07	Tháp 8	TW8-07	27	B4-2	
1037	TPV008027008	TW8-27-08	Tháp 8	TW8-08	27	C1-2	
1038	TPV008027009	TW8-27-09	Tháp 8	TW8-09	27	A1-2	
1039	TPV008028001	TW8-28-01	Tháp 8	TW8-01	28	B3-2	
1040	TPV008028002	TW8-28-02	Tháp 8	TW8-02	28	B2-2	
1041	TPV008028003	TW8-28-03	Tháp 8	TW8-03	28	B1-2	
1042	TPV008028004	TW8-28-04	Tháp 8	TW8-04	28	A2-2	
1043	TPV008028005	TW8-28-05	Tháp 8	TW8-05	28	B6-2	
1044	TPV008028006	TW8-28-06	Tháp 8	TW8-06	28	B5-2	
1045	TPV008028007	TW8-28-07	Tháp 8	TW8-07	28	B4-2	
1046	TPV008028008	TW8-28-08	Tháp 8	TW8-08	28	C1-2	
1047	TPV008028009	TW8-28-09	Tháp 8	TW8-09	28	A1-2	
1048	TPV008029001	TW8-29-01	Tháp 8	TW8-01	29	B3-2	
1049	TPV008029002	TW8-29-02	Tháp 8	TW8-02	29	B2-2	
1050	TPV008029003	TW8-29-03	Tháp 8	TW8-03	29	B1-2	
1051	TPV008029004	TW8-29-04	Tháp 8	TW8-04	29	A2-2	
1052	TPV008029005	TW8-29-05	Tháp 8	TW8-05	29	B6-2	
1053	TPV008029006	TW8-29-06	Tháp 8	TW8-06	29	B5-2	
1054	TPV008029007	TW8-29-07	Tháp 8	TW8-07	29	B4-2	
1055	TPV008029008	TW8-29-08	Tháp 8	TW8-08	29	C1-2	
1056	TPV008029009	TW8-29-09	Tháp 8	TW8-09	29	A1-2	
1057	TPV008030001	TW8-30-01	Tháp 8	TW8-01	30	B3-2	
1058	TPV008030002	TW8-30-02	Tháp 8	TW8-02	30	B2-2	
1059	TPV008030003	TW8-30-03	Tháp 8	TW8-03	30	B1-2	
1060	TPV008030004	TW8-30-04	Tháp 8	TW8-04	30	A2-2	
1061	TPV008030005	TW8-30-05	Tháp 8	TW8-05	30	B6-2	
1062	TPV008030006	TW8-30-06	Tháp 8	TW8-06	30	B5-2	
1063	TPV008030007	TW8-30-07	Tháp 8	TW8-07	30	B4-2	
1064	TPV008030008	TW8-30-08	Tháp 8	TW8-08	30	C1-2	
1065	TPV008030009	TW8-30-09	Tháp 8	TW8-09	30	A1-2	
1066	TPV008031001	TW8-31-01	Tháp 8	TW8-01	31÷32	P01-2	căn hộ dạng thông tầng

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1067	TPV008031002	TW8-31-02	Tháp 8	TW8-02	31÷32	P03-2	căn hộ dạng thông tầng
1068	TPV008031003	TW8-31-03	Tháp 8	TW8-03	31÷32	P02-2	căn hộ dạng thông tầng
1069	TPV008031004	TW8-31-04	Tháp 8	TW8-04	31÷32	P06-2	căn hộ dạng thông tầng
1070	TPV008031005	TW8-31-05	Tháp 8	TW8-05	31÷32	P05-2	căn hộ dạng thông tầng
1071	TPV008031006	TW8-31-06	Tháp 8	TW8-06	31÷32	P07-2	căn hộ dạng thông tầng
1072	TPV008031007	TW8-31-07	Tháp 8	TW8-07	31÷32	P04-2	căn hộ dạng thông tầng
1073	TPV008031008	TW8-31-08	Tháp 8	TW8-08	31÷32	P06-2	căn hộ dạng thông tầng
1074	TPV009001001	TW9-1-01	Tháp 9	TW9-01	1+2	D06-2	căn hộ dạng thông tầng
1075	TPV009001002	TW9-1-02	Tháp 9	TW9-02	1+2	D05-2	căn hộ dạng thông tầng
1076	TPV009001003	TW9-1-03	Tháp 9	TW9-03	1+2	D04-2	căn hộ dạng thông tầng
1077	TPV009001004	TW9-1-04	Tháp 9	TW9-04	1+2	D03-2	căn hộ dạng thông tầng
1078	TPV009003001	TW9-3-01	Tháp 9	TW9-01	3	B3-2	
1079	TPV009003002	TW9-3-02	Tháp 9	TW9-02	3	B2-2	
1080	TPV009003003	TW9-3-03	Tháp 9	TW9-03	3	B1-2	
1081	TPV009003004	TW9-3-04	Tháp 9	TW9-04	3	A2-2	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1082	TPV009003005	TW9-3-05	Tháp 9	TW9-05	3	B6-2	
1083	TPV009003006	TW9-3-06	Tháp 9	TW9-06	3	B5-2	
1084	TPV009003007	TW9-3-07	Tháp 9	TW9-07	3	B4-2	
1085	TPV009003008	TW9-3-08	Tháp 9	TW9-08	3	C1-2	
1086	TPV009003009	TW9-3-09	Tháp 9	TW9-09	3	A1-2	
1087	TPV009004001	TW9-4-01	Tháp 9	TW9-01	4	B3-2	
1088	TPV009004002	TW9-4-02	Tháp 9	TW9-02	4	B2-2	
1089	TPV009004003	TW9-4-03	Tháp 9	TW9-03	4	B1-2	
1090	TPV009004004	TW9-4-04	Tháp 9	TW9-04	4	A2-2	
1091	TPV009004005	TW9-4-05	Tháp 9	TW9-05	4	B6-2	
1092	TPV009004006	TW9-4-06	Tháp 9	TW9-06	4	B5-2	
1093	TPV009004007	TW9-4-07	Tháp 9	TW9-07	4	B4-2	
1094	TPV009004008	TW9-4-08	Tháp 9	TW9-08	4	C1-2	
1095	TPV009004009	TW9-4-09	Tháp 9	TW9-09	4	A1-2	
1096	TPV009005001	TW9-5-01	Tháp 9	TW9-01	5	B3-2	
1097	TPV009005002	TW9-5-02	Tháp 9	TW9-02	5	B2-2	
1098	TPV009005003	TW9-5-03	Tháp 9	TW9-03	5	B1-2	
1099	TPV009005004	TW9-5-04	Tháp 9	TW9-04	5	A2-2	
1100	TPV009005005	TW9-5-05	Tháp 9	TW9-05	5	B6-2	
1101	TPV009005006	TW9-5-06	Tháp 9	TW9-06	5	B5-2	
1102	TPV009005007	TW9-5-07	Tháp 9	TW9-07	5	B4-2	
1103	TPV009005008	TW9-5-08	Tháp 9	TW9-08	5	C1-2	
1104	TPV009005009	TW9-5-09	Tháp 9	TW9-09	5	A1-2	
1105	TPV009006001	TW9-6-01	Tháp 9	TW9-01	6	B3-2	
1106	TPV009006002	TW9-6-02	Tháp 9	TW9-02	6	B2-2	
1107	TPV009006003	TW9-6-03	Tháp 9	TW9-03	6	B1-2	
1108	TPV009006004	TW9-6-04	Tháp 9	TW9-04	6	A2-2	
1109	TPV009006005	TW9-6-05	Tháp 9	TW9-05	6	B6-2	
1110	TPV009006006	TW9-6-06	Tháp 9	TW9-06	6	B5-2	
1111	TPV009006007	TW9-6-07	Tháp 9	TW9-07	6	B4-2	
1112	TPV009006008	TW9-6-08	Tháp 9	TW9-08	6	C1-2	
1113	TPV009006009	TW9-6-09	Tháp 9	TW9-09	6	A1-2	
1114	TPV009007001	TW9-7-01	Tháp 9	TW9-01	7	B3-2	
1115	TPV009007002	TW9-7-02	Tháp 9	TW9-02	7	B2-2	
1116	TPV009007003	TW9-7-03	Tháp 9	TW9-03	7	B1-2	
1117	TPV009007004	TW9-7-04	Tháp 9	TW9-04	7	A2-2	
1118	TPV009007005	TW9-7-05	Tháp 9	TW9-05	7	B6-2	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1119	TPV009007006	TW9-7-06	Tháp 9	TW9-06	7	B5-2	
1120	TPV009007007	TW9-7-07	Tháp 9	TW9-07	7	B4-2	
1121	TPV009007008	TW9-7-08	Tháp 9	TW9-08	7	C1-2	
1122	TPV009007009	TW9-7-09	Tháp 9	TW9-09	7	A1-2	
1123	TPV009008001	TW9-8-01	Tháp 9	TW9-01	8	B3-2	
1124	TPV009008002	TW9-8-02	Tháp 9	TW9-02	8	B2-2	
1125	TPV009008003	TW9-8-03	Tháp 9	TW9-03	8	B1-2	
1126	TPV009008004	TW9-8-04	Tháp 9	TW9-04	8	A2-2	
1127	TPV009008005	TW9-8-05	Tháp 9	TW9-05	8	B6-2	
1128	TPV009008006	TW9-8-06	Tháp 9	TW9-06	8	B5-2	
1129	TPV009008007	TW9-8-07	Tháp 9	TW9-07	8	B4-2	
1130	TPV009008008	TW9-8-08	Tháp 9	TW9-08	8	C1-2	
1131	TPV009008009	TW9-8-09	Tháp 9	TW9-09	8	A1-2	
1132	TPV009009001	TW9-9-01	Tháp 9	TW9-01	9	B3-2	
1133	TPV009009002	TW9-9-02	Tháp 9	TW9-02	9	B2-2	
1134	TPV009009003	TW9-9-03	Tháp 9	TW9-03	9	B1-2	
1135	TPV009009004	TW9-9-04	Tháp 9	TW9-04	9	A2-2	
1136	TPV009009005	TW9-9-05	Tháp 9	TW9-05	9	B6-2	
1137	TPV009009006	TW9-9-06	Tháp 9	TW9-06	9	B5-2	
1138	TPV009009007	TW9-9-07	Tháp 9	TW9-07	9	B4-2	
1139	TPV009009008	TW9-9-08	Tháp 9	TW9-08	9	C1-2	
1140	TPV009009009	TW9-9-09	Tháp 9	TW9-09	9	A1-2	
1141	TPV009010001	TW9-10-01	Tháp 9	TW9-01	10	B3-2	
1142	TPV009010002	TW9-10-02	Tháp 9	TW9-02	10	B2-2	
1143	TPV009010003	TW9-10-03	Tháp 9	TW9-03	10	B1-2	
1144	TPV009010004	TW9-10-04	Tháp 9	TW9-04	10	A2-2	
1145	TPV009010005	TW9-10-05	Tháp 9	TW9-05	10	B6-2	
1146	TPV009010006	TW9-10-06	Tháp 9	TW9-06	10	B5-2	
1147	TPV009010007	TW9-10-07	Tháp 9	TW9-07	10	B4-2	
1148	TPV009010008	TW9-10-08	Tháp 9	TW9-08	10	C1-2	
1149	TPV009010009	TW9-10-09	Tháp 9	TW9-09	10	A1-2	
1150	TPV009011001	TW9-11-01	Tháp 9	TW9-01	11	B3-2	
1151	TPV009011002	TW9-11-02	Tháp 9	TW9-02	11	B2-2	
1152	TPV009011003	TW9-11-03	Tháp 9	TW9-03	11	B1-2	
1153	TPV009011004	TW9-11-04	Tháp 9	TW9-04	11	A2-2	
1154	TPV009011005	TW9-11-05	Tháp 9	TW9-05	11	B6-2	
1155	TPV009011006	TW9-11-06	Tháp 9	TW9-06	11	B5-2	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1156	TPV009011007	TW9-11-07	Tháp 9	TW9-07	11	B4-2	
1157	TPV009011008	TW9-11-08	Tháp 9	TW9-08	11	C1-2	
1158	TPV009011009	TW9-11-09	Tháp 9	TW9-09	11	A1-2	
1159	TPV009012001	TW9-12-01	Tháp 9	TW9-01	12	B3-2	
1160	TPV009012002	TW9-12-02	Tháp 9	TW9-02	12	B2-2	
1161	TPV009012003	TW9-12-03	Tháp 9	TW9-03	12	B1-2	
1162	TPV009012004	TW9-12-04	Tháp 9	TW9-04	12	A2-2	
1163	TPV009012005	TW9-12-05	Tháp 9	TW9-05	12	B6-2	
1164	TPV009012006	TW9-12-06	Tháp 9	TW9-06	12	B5-2	
1165	TPV009012007	TW9-12-07	Tháp 9	TW9-07	12	B4-2	
1166	TPV009012008	TW9-12-08	Tháp 9	TW9-08	12	C1-2	
1167	TPV009012009	TW9-12-09	Tháp 9	TW9-09	12	A1-2	
1168	TPV00912A001	TW9-12A-01	Tháp 9	TW9-01	12A	B3-2	
1169	TPV00912A002	TW9-12A-02	Tháp 9	TW9-02	12A	B2-2	
1170	TPV00912A003	TW9-12A-03	Tháp 9	TW9-03	12A	B1-2	
1171	TPV00912A004	TW9-12A-04	Tháp 9	TW9-04	12A	A2-2	
1172	TPV00912A005	TW9-12A-05	Tháp 9	TW9-05	12A	B6-2	
1173	TPV00912A006	TW9-12A-06	Tháp 9	TW9-06	12A	B5-2	
1174	TPV00912A007	TW9-12A-07	Tháp 9	TW9-07	12A	B4-2	
1175	TPV00912A008	TW9-12A-08	Tháp 9	TW9-08	12A	C1-2	
1176	TPV00912A009	TW9-12A-09	Tháp 9	TW9-09	12A	A1-2	
1177	TPV009014001	TW9-14-01	Tháp 9	TW9-01	14	B3-2	
1178	TPV009014002	TW9-14-02	Tháp 9	TW9-02	14	B2-2	
1179	TPV009014003	TW9-14-03	Tháp 9	TW9-03	14	B1-2	
1180	TPV009014004	TW9-14-04	Tháp 9	TW9-04	14	A2-2	
1181	TPV009014005	TW9-14-05	Tháp 9	TW9-05	14	B6-2	
1182	TPV009014006	TW9-14-06	Tháp 9	TW9-06	14	B5-2	
1183	TPV009014007	TW9-14-07	Tháp 9	TW9-07	14	B4-2	
1184	TPV009014008	TW9-14-08	Tháp 9	TW9-08	14	C1-2	
1185	TPV009014009	TW9-14-09	Tháp 9	TW9-09	14	A1-2	
1186	TPV009015001	TW9-15-01	Tháp 9	TW9-01	15	B3-2	
1187	TPV009015002	TW9-15-02	Tháp 9	TW9-02	15	B2-2	
1188	TPV009015003	TW9-15-03	Tháp 9	TW9-03	15	B1-2	
1189	TPV009015004	TW9-15-04	Tháp 9	TW9-04	15	A2-2	
1190	TPV009015005	TW9-15-05	Tháp 9	TW9-05	15	B6-2	
1191	TPV009015006	TW9-15-06	Tháp 9	TW9-06	15	B5-2	
1192	TPV009015007	TW9-15-07	Tháp 9	TW9-07	15	B4-2	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1193	TPV009015008	TW9-15-08	Tháp 9	TW9-08	15	C1-2	
1194	TPV009015009	TW9-15-09	Tháp 9	TW9-09	15	A1-2	
1195	TPV009016001	TW9-16-01	Tháp 9	TW9-01	16	B3-2	
1196	TPV009016002	TW9-16-02	Tháp 9	TW9-02	16	B2-2	
1197	TPV009016003	TW9-16-03	Tháp 9	TW9-03	16	B1-2	
1198	TPV009016004	TW9-16-04	Tháp 9	TW9-04	16	A2-2	
1199	TPV009016005	TW9-16-05	Tháp 9	TW9-05	16	B6-2	
1200	TPV009016006	TW9-16-06	Tháp 9	TW9-06	16	B5-2	
1201	TPV009016007	TW9-16-07	Tháp 9	TW9-07	16	B4-2	
1202	TPV009016008	TW9-16-08	Tháp 9	TW9-08	16	C1-2	
1203	TPV009016009	TW9-16-09	Tháp 9	TW9-09	16	A1-2	
1204	TPV009017001	TW9-17-01	Tháp 9	TW9-01	17	B3-2	
1205	TPV009017002	TW9-17-02	Tháp 9	TW9-02	17	B2-2	
1206	TPV009017003	TW9-17-03	Tháp 9	TW9-03	17	B1-2	
1207	TPV009017004	TW9-17-04	Tháp 9	TW9-04	17	A2-2	
1208	TPV009017005	TW9-17-05	Tháp 9	TW9-05	17	B6-2	
1209	TPV009017006	TW9-17-06	Tháp 9	TW9-06	17	B5-2	
1210	TPV009017007	TW9-17-07	Tháp 9	TW9-07	17	B4-2	
1211	TPV009017008	TW9-17-08	Tháp 9	TW9-08	17	C1-2	
1212	TPV009017009	TW9-17-09	Tháp 9	TW9-09	17	A1-2	
1213	TPV009018001	TW9-18-01	Tháp 9	TW9-01	18	B3-2	
1214	TPV009018002	TW9-18-02	Tháp 9	TW9-02	18	B2-2	
1215	TPV009018003	TW9-18-03	Tháp 9	TW9-03	18	B1-2	
1216	TPV009018004	TW9-18-04	Tháp 9	TW9-04	18	A2-2	
1217	TPV009018005	TW9-18-05	Tháp 9	TW9-05	18	B6-2	
1218	TPV009018006	TW9-18-06	Tháp 9	TW9-06	18	B5-2	
1219	TPV009018007	TW9-18-07	Tháp 9	TW9-07	18	B4-2	
1220	TPV009018008	TW9-18-08	Tháp 9	TW9-08	18	C1-2	
1221	TPV009018009	TW9-18-09	Tháp 9	TW9-09	18	A1-2	
1222	TPV009019001	TW9-19-01	Tháp 9	TW9-01	19	B3-2	
1223	TPV009019002	TW9-19-02	Tháp 9	TW9-02	19	B2-2	
1224	TPV009019003	TW9-19-03	Tháp 9	TW9-03	19	B1-2	
1225	TPV009019004	TW9-19-04	Tháp 9	TW9-04	19	A2-2	
1226	TPV009019005	TW9-19-05	Tháp 9	TW9-05	19	B6-2	
1227	TPV009019006	TW9-19-06	Tháp 9	TW9-06	19	B5-2	
1228	TPV009019007	TW9-19-07	Tháp 9	TW9-07	19	B4-2	
1229	TPV009019008	TW9-19-08	Tháp 9	TW9-08	19	C1-2	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1230	TPV009019009	TW9-19-09	Tháp 9	TW9-09	19	A1-2	
1231	TPV009020001	TW9-20-01	Tháp 9	TW9-01	20	B3-2	
1232	TPV009020002	TW9-20-02	Tháp 9	TW9-02	20	B2-2	
1233	TPV009020003	TW9-20-03	Tháp 9	TW9-03	20	B1-2	
1234	TPV009020004	TW9-20-04	Tháp 9	TW9-04	20	A2a-2	
1235	TPV009020006	TW9-20-06	Tháp 9	TW9-06	20	B5-2	
1236	TPV009020007	TW9-20-07	Tháp 9	TW9-07	20	B4-2	
1237	TPV009020008	TW9-20-08	Tháp 9	TW9-08	20	C1-2	
1238	TPV009020009	TW9-20-09	Tháp 9	TW9-09	20	A1-2	
1239	TPV009021001	TW9-21-01	Tháp 9	TW9-01	21	B3-2	
1240	TPV009021002	TW9-21-02	Tháp 9	TW9-02	21	B2-2	
1241	TPV009021003	TW9-21-03	Tháp 9	TW9-03	21	B1-2	
1242	TPV009021004	TW9-21-04	Tháp 9	TW9-04	21	A2a-2	
1243	TPV009021006	TW9-21-06	Tháp 9	TW9-06	21	B5-2	
1244	TPV009021007	TW9-21-07	Tháp 9	TW9-07	21	B4-2	
1245	TPV009021008	TW9-21-08	Tháp 9	TW9-08	21	C1-2	
1246	TPV009021009	TW9-21-09	Tháp 9	TW9-09	21	A1-2	
1247	TPV009022001	TW9-22-01	Tháp 9	TW9-01	22	B3-2	
1248	TPV009022002	TW9-22-02	Tháp 9	TW9-02	22	B2-2	
1249	TPV009022003	TW9-22-03	Tháp 9	TW9-03	22	B1-2	
1250	TPV009022004	TW9-22-04	Tháp 9	TW9-04	22	A2a-2	
1251	TPV009022005	TW9-22-05	Tháp 9	TW9-05	22	B6-2	
1252	TPV009022006	TW9-22-06	Tháp 9	TW9-06	22	B5-2	
1253	TPV009022007	TW9-22-07	Tháp 9	TW9-07	22	B4-2	
1254	TPV009022008	TW9-22-08	Tháp 9	TW9-08	22	C1-2	
1255	TPV009022009	TW9-22-09	Tháp 9	TW9-09	22	A1-2	
1256	TPV009023001	TW9-23-01	Tháp 9	TW9-01	23	B3-2	
1257	TPV009023002	TW9-23-02	Tháp 9	TW9-02	23	B2-2	
1258	TPV009023003	TW9-23-03	Tháp 9	TW9-03	23	B1-2	
1259	TPV009023004	TW9-23-04	Tháp 9	TW9-04	23	A2-2	
1260	TPV009023005	TW9-23-05	Tháp 9	TW9-05	23	B6-2	
1261	TPV009023006	TW9-23-06	Tháp 9	TW9-06	23	B5-2	
1262	TPV009023007	TW9-23-07	Tháp 9	TW9-07	23	B4-2	
1263	TPV009023008	TW9-23-08	Tháp 9	TW9-08	23	C1-2	
1264	TPV009023009	TW9-23-09	Tháp 9	TW9-09	23	A1-2	
1265	TPV009024001	TW9-24-01	Tháp 9	TW9-01	24	B3-2	
1266	TPV009024002	TW9-24-02	Tháp 9	TW9-02	24	B2-2	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1267	TPV009024003	TW9-24-03	Tháp 9	TW9-03	24	B1-2	
1268	TPV009024004	TW9-24-04	Tháp 9	TW9-04	24	A2-2	
1269	TPV009024005	TW9-24-05	Tháp 9	TW9-05	24	B6-2	
1270	TPV009024006	TW9-24-06	Tháp 9	TW9-06	24	B5-2	
1271	TPV009024007	TW9-24-07	Tháp 9	TW9-07	24	B4-2	
1272	TPV009024008	TW9-24-08	Tháp 9	TW9-08	24	C1-2	
1273	TPV009024009	TW9-24-09	Tháp 9	TW9-09	24	A1-2	
1274	TPV009025001	TW9-25-01	Tháp 9	TW9-01	25	B3-2	
1275	TPV009025002	TW9-25-02	Tháp 9	TW9-02	25	B2-2	
1276	TPV009025003	TW9-25-03	Tháp 9	TW9-03	25	B1-2	
1277	TPV009025004	TW9-25-04	Tháp 9	TW9-04	25	A2-2	
1278	TPV009025005	TW9-25-05	Tháp 9	TW9-05	25	B6-2	
1279	TPV009025006	TW9-25-06	Tháp 9	TW9-06	25	B5-2	
1280	TPV009025007	TW9-25-07	Tháp 9	TW9-07	25	B4-2	
1281	TPV009025008	TW9-25-08	Tháp 9	TW9-08	25	C1-2	
1282	TPV009025009	TW9-25-09	Tháp 9	TW9-09	25	A1-2	
1283	TPV009026001	TW9-26-01	Tháp 9	TW9-01	26	B3-2	
1284	TPV009026002	TW9-26-02	Tháp 9	TW9-02	26	B2-2	
1285	TPV009026003	TW9-26-03	Tháp 9	TW9-03	26	B1-2	
1286	TPV009026004	TW9-26-04	Tháp 9	TW9-04	26	A2-2	
1287	TPV009026005	TW9-26-05	Tháp 9	TW9-05	26	B6-2	
1288	TPV009026006	TW9-26-06	Tháp 9	TW9-06	26	B5-2	
1289	TPV009026007	TW9-26-07	Tháp 9	TW9-07	26	B4-2	
1290	TPV009026008	TW9-26-08	Tháp 9	TW9-08	26	C1-2	
1291	TPV009026009	TW9-26-09	Tháp 9	TW9-09	26	A1-2	
1292	TPV009027001	TW9-27-01	Tháp 9	TW9-01	27	B3-2	
1293	TPV009027002	TW9-27-02	Tháp 9	TW9-02	27	B2-2	
1294	TPV009027003	TW9-27-03	Tháp 9	TW9-03	27	B1-2	
1295	TPV009027004	TW9-27-04	Tháp 9	TW9-04	27	A2-2	
1296	TPV009027005	TW9-27-05	Tháp 9	TW9-05	27	B6-2	
1297	TPV009027006	TW9-27-06	Tháp 9	TW9-06	27	B5-2	
1298	TPV009027007	TW9-27-07	Tháp 9	TW9-07	27	B4-2	
1299	TPV009027008	TW9-27-08	Tháp 9	TW9-08	27	C1-2	
1300	TPV009027009	TW9-27-09	Tháp 9	TW9-09	27	A1-2	
1301	TPV009028001	TW9-28-01	Tháp 9	TW9-01	28	B3-2	
1302	TPV009028002	TW9-28-02	Tháp 9	TW9-02	28	B2-2	
1303	TPV009028003	TW9-28-03	Tháp 9	TW9-03	28	B1-2	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1304	TPV009028004	TW9-28-04	Tháp 9	TW9-04	28	A2-2	
1305	TPV009028005	TW9-28-05	Tháp 9	TW9-05	28	B6-2	
1306	TPV009028006	TW9-28-06	Tháp 9	TW9-06	28	B5-2	
1307	TPV009028007	TW9-28-07	Tháp 9	TW9-07	28	B4-2	
1308	TPV009028008	TW9-28-08	Tháp 9	TW9-08	28	C1-2	
1309	TPV009028009	TW9-28-09	Tháp 9	TW9-09	28	A1-2	
1310	TPV009029001	TW9-29-01	Tháp 9	TW9-01	29	B3-2	
1311	TPV009029002	TW9-29-02	Tháp 9	TW9-02	29	B2-2	
1312	TPV009029003	TW9-29-03	Tháp 9	TW9-03	29	B1-2	
1313	TPV009029004	TW9-29-04	Tháp 9	TW9-04	29	A2-2	
1314	TPV009029005	TW9-29-05	Tháp 9	TW9-05	29	B6-2	
1315	TPV009029006	TW9-29-06	Tháp 9	TW9-06	29	B5-2	
1316	TPV009029007	TW9-29-07	Tháp 9	TW9-07	29	B4-2	
1317	TPV009029008	TW9-29-08	Tháp 9	TW9-08	29	C1-2	
1318	TPV009029009	TW9-29-09	Tháp 9	TW9-09	29	A1-2	
1319	TPV009030001	TW9-30-01	Tháp 9	TW9-01	30	B3-2	
1320	TPV009030002	TW9-30-02	Tháp 9	TW9-02	30	B2-2	
1321	TPV009030003	TW9-30-03	Tháp 9	TW9-03	30	B1-2	
1322	TPV009030004	TW9-30-04	Tháp 9	TW9-04	30	A2-2	
1323	TPV009030005	TW9-30-05	Tháp 9	TW9-05	30	B6-2	
1324	TPV009030006	TW9-30-06	Tháp 9	TW9-06	30	B5-2	
1325	TPV009030007	TW9-30-07	Tháp 9	TW9-07	30	B4-2	
1326	TPV009030008	TW9-30-08	Tháp 9	TW9-08	30	C1-2	
1327	TPV009030009	TW9-30-09	Tháp 9	TW9-09	30	A1-2	
1328	TPV009031001	TW9-31-01	Tháp 9	TW9-01	31÷32	P01-2	căn hộ dạng thông tầng
1329	TPV009031002	TW9-31-02	Tháp 9	TW9-02	31÷32	P03-2	căn hộ dạng thông tầng
1330	TPV009031003	TW9-31-03	Tháp 9	TW9-03	31÷32	P02-2	căn hộ dạng thông tầng
1331	TPV009031004	TW9-31-04	Tháp 9	TW9-04	31÷32	P06-2	căn hộ dạng thông tầng

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1332	TPV009031005	TW9-31-05	Tháp 9	TW9-05	31÷32	P05-2	căn hộ dạng thông tầng
1333	TPV009031006	TW9-31-06	Tháp 9	TW9-06	31÷32	P07-2	căn hộ dạng thông tầng
1334	TPV009031007	TW9-31-07	Tháp 9	TW9-07	31÷32	P04-2	căn hộ dạng thông tầng
1335	TPV009031008	TW9-31-08	Tháp 9	TW9-08	31÷32	P06-2	căn hộ dạng thông tầng
1336	TPV010004001	TW10-4-01	Tháp 10	TW10-01	4	A1-1	
1337	TPV010004002	TW10-4-02	Tháp 10	TW10-02	4	C1-1	
1338	TPV010004003	TW10-4-03	Tháp 10	TW10-03	4	B4-1	
1339	TPV010004004	TW10-4-04	Tháp 10	TW10-04	4	B5-1	
1340	TPV010004005	TW10-4-05	Tháp 10	TW10-05	4	B6-1	
1341	TPV010004006	TW10-4-06	Tháp 10	TW10-06	4	A2-1	
1342	TPV010004007	TW10-4-07	Tháp 10	TW10-07	4	B1-1	
1343	TPV010004008	TW10-4-08	Tháp 10	TW10-08	4	B2-1	
1344	TPV010004009	TW10-4-09	Tháp 10	TW10-09	4	B3-1	
1345	TPV010005001	TW10-5-01	Tháp 10	TW10-01	5	A1-1	
1346	TPV010005002	TW10-5-02	Tháp 10	TW10-02	5	C1-1	
1347	TPV010005003	TW10-5-03	Tháp 10	TW10-03	5	B4-1	
1348	TPV010005004	TW10-5-04	Tháp 10	TW10-04	5	B5-1	
1349	TPV010005005	TW10-5-05	Tháp 10	TW10-05	5	B6-1	
1350	TPV010005006	TW10-5-06	Tháp 10	TW10-06	5	A2-1	
1351	TPV010005007	TW10-5-07	Tháp 10	TW10-07	5	B1-1	
1352	TPV010005008	TW10-5-08	Tháp 10	TW10-08	5	B2-1	
1353	TPV010005009	TW10-5-09	Tháp 10	TW10-09	5	B3-1	
1354	TPV010006001	TW10-6-01	Tháp 10	TW10-01	6	A1-1	
1355	TPV010006002	TW10-6-02	Tháp 10	TW10-02	6	C1-1	
1356	TPV010006003	TW10-6-03	Tháp 10	TW10-03	6	B4-1	
1357	TPV010006004	TW10-6-04	Tháp 10	TW10-04	6	B5-1	
1358	TPV010006005	TW10-6-05	Tháp 10	TW10-05	6	B6-1	
1359	TPV010006006	TW10-6-06	Tháp 10	TW10-06	6	A2-1	
1360	TPV010006007	TW10-6-07	Tháp 10	TW10-07	6	B1-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1361	TPV010006008	TW10-6-08	Tháp 10	TW10-08	6	B2-1	
1362	TPV010006009	TW10-6-09	Tháp 10	TW10-09	6	B3-1	
1363	TPV010007001	TW10-7-01	Tháp 10	TW10-01	7	A1-1	
1364	TPV010007002	TW10-7-02	Tháp 10	TW10-02	7	C1-1	
1365	TPV010007003	TW10-7-03	Tháp 10	TW10-03	7	B4-1	
1366	TPV010007004	TW10-7-04	Tháp 10	TW10-04	7	B5-1	
1367	TPV010007005	TW10-7-05	Tháp 10	TW10-05	7	B6-1	
1368	TPV010007006	TW10-7-06	Tháp 10	TW10-06	7	A2-1	
1369	TPV010007007	TW10-7-07	Tháp 10	TW10-07	7	B1-1	
1370	TPV010007008	TW10-7-08	Tháp 10	TW10-08	7	B2-1	
1371	TPV010007009	TW10-7-09	Tháp 10	TW10-09	7	B3-1	
1372	TPV010008001	TW10-8-01	Tháp 10	TW10-01	8	A1-1	
1373	TPV010008002	TW10-8-02	Tháp 10	TW10-02	8	C1-1	
1374	TPV010008003	TW10-8-03	Tháp 10	TW10-03	8	B4-1	
1375	TPV010008004	TW10-8-04	Tháp 10	TW10-04	8	B5-1	
1376	TPV010008005	TW10-8-05	Tháp 10	TW10-05	8	B6-1	
1377	TPV010008006	TW10-8-06	Tháp 10	TW10-06	8	A2-1	
1378	TPV010008007	TW10-8-07	Tháp 10	TW10-07	8	B1-1	
1379	TPV010008008	TW10-8-08	Tháp 10	TW10-08	8	B2-1	
1380	TPV010008009	TW10-8-09	Tháp 10	TW10-09	8	B3-1	
1381	TPV010009001	TW10-9-01	Tháp 10	TW10-01	9	A1-1	
1382	TPV010009002	TW10-9-02	Tháp 10	TW10-02	9	C1-1	
1383	TPV010009003	TW10-9-03	Tháp 10	TW10-03	9	B4-1	
1384	TPV010009004	TW10-9-04	Tháp 10	TW10-04	9	B5-1	
1385	TPV010009005	TW10-9-05	Tháp 10	TW10-05	9	B6-1	
1386	TPV010009006	TW10-9-06	Tháp 10	TW10-06	9	A2-1	
1387	TPV010009007	TW10-9-07	Tháp 10	TW10-07	9	B1-1	
1388	TPV010009008	TW10-9-08	Tháp 10	TW10-08	9	B2-1	
1389	TPV010009009	TW10-9-09	Tháp 10	TW10-09	9	B3-1	
1390	TPV010010001	TW10-10-01	Tháp 10	TW10-01	10	A1-1	
1391	TPV010010002	TW10-10-02	Tháp 10	TW10-02	10	C1-1	
1392	TPV010010003	TW10-10-03	Tháp 10	TW10-03	10	B4-1	
1393	TPV010010004	TW10-10-04	Tháp 10	TW10-04	10	B5-1	
1394	TPV010010005	TW10-10-05	Tháp 10	TW10-05	10	B6-1	
1395	TPV010010006	TW10-10-06	Tháp 10	TW10-06	10	A2-1	
1396	TPV010010007	TW10-10-07	Tháp 10	TW10-07	10	B1-1	
1397	TPV010010008	TW10-10-08	Tháp 10	TW10-08	10	B2-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1398	TPV010010009	TW10-10-09	Tháp 10	TW10-09	10	B3-1	
1399	TPV010011001	TW10-11-01	Tháp 10	TW10-01	11	A1-1	
1400	TPV010011002	TW10-11-02	Tháp 10	TW10-02	11	C1-1	
1401	TPV010011003	TW10-11-03	Tháp 10	TW10-03	11	B4-1	
1402	TPV010011004	TW10-11-04	Tháp 10	TW10-04	11	B5-1	
1403	TPV010011005	TW10-11-05	Tháp 10	TW10-05	11	B6-1	
1404	TPV010011006	TW10-11-06	Tháp 10	TW10-06	11	A2-1	
1405	TPV010011007	TW10-11-07	Tháp 10	TW10-07	11	B1-1	
1406	TPV010011008	TW10-11-08	Tháp 10	TW10-08	11	B2-1	
1407	TPV010011009	TW10-11-09	Tháp 10	TW10-09	11	B3-1	
1408	TPV010012001	TW10-12-01	Tháp 10	TW10-01	12	A1-1	
1409	TPV010012002	TW10-12-02	Tháp 10	TW10-02	12	C1-1	
1410	TPV010012003	TW10-12-03	Tháp 10	TW10-03	12	B4-1	
1411	TPV010012004	TW10-12-04	Tháp 10	TW10-04	12	B5-1	
1412	TPV010012005	TW10-12-05	Tháp 10	TW10-05	12	B6-1	
1413	TPV010012006	TW10-12-06	Tháp 10	TW10-06	12	A2-1	
1414	TPV010012007	TW10-12-07	Tháp 10	TW10-07	12	B1-1	
1415	TPV010012008	TW10-12-08	Tháp 10	TW10-08	12	B2-1	
1416	TPV010012009	TW10-12-09	Tháp 10	TW10-09	12	B3-1	
1417	TPV01012A001	TW10-12A-01	Tháp 10	TW10-01	12A	A1-1	
1418	TPV01012A002	TW10-12A-02	Tháp 10	TW10-02	12A	C1-1	
1419	TPV01012A003	TW10-12A-03	Tháp 10	TW10-03	12A	B4-1	
1420	TPV01012A004	TW10-12A-04	Tháp 10	TW10-04	12A	B5-1	
1421	TPV01012A005	TW10-12A-05	Tháp 10	TW10-05	12A	B6-1	
1422	TPV01012A006	TW10-12A-06	Tháp 10	TW10-06	12A	A2-1	
1423	TPV01012A007	TW10-12A-07	Tháp 10	TW10-07	12A	B1-1	
1424	TPV01012A008	TW10-12A-08	Tháp 10	TW10-08	12A	B2-1	
1425	TPV01012A009	TW10-12A-09	Tháp 10	TW10-09	12A	B3-1	
1426	TPV010014001	TW10-14-01	Tháp 10	TW10-01	14	A1-1	
1427	TPV010014002	TW10-14-02	Tháp 10	TW10-02	14	C1-1	
1428	TPV010014003	TW10-14-03	Tháp 10	TW10-03	14	B4-1	
1429	TPV010014004	TW10-14-04	Tháp 10	TW10-04	14	B5-1	
1430	TPV010014005	TW10-14-05	Tháp 10	TW10-05	14	B6-1	
1431	TPV010014006	TW10-14-06	Tháp 10	TW10-06	14	A2-1	
1432	TPV010014007	TW10-14-07	Tháp 10	TW10-07	14	B1-1	
1433	TPV010014008	TW10-14-08	Tháp 10	TW10-08	14	B2-1	
1434	TPV010014009	TW10-14-09	Tháp 10	TW10-09	14	B3-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1435	TPV010015001	TW10-15-01	Tháp 10	TW10-01	15	A1-1	
1436	TPV010015002	TW10-15-02	Tháp 10	TW10-02	15	C1-1	
1437	TPV010015003	TW10-15-03	Tháp 10	TW10-03	15	B4-1	
1438	TPV010015004	TW10-15-04	Tháp 10	TW10-04	15	B5-1	
1439	TPV010015005	TW10-15-05	Tháp 10	TW10-05	15	B6-1	
1440	TPV010015006	TW10-15-06	Tháp 10	TW10-06	15	A2-1	
1441	TPV010015007	TW10-15-07	Tháp 10	TW10-07	15	B1-1	
1442	TPV010015008	TW10-15-08	Tháp 10	TW10-08	15	B2-1	
1443	TPV010015009	TW10-15-09	Tháp 10	TW10-09	15	B3-1	
1444	TPV010016001	TW10-16-01	Tháp 10	TW10-01	16	A1-1	
1445	TPV010016002	TW10-16-02	Tháp 10	TW10-02	16	C1-1	
1446	TPV010016003	TW10-16-03	Tháp 10	TW10-03	16	B4-1	
1447	TPV010016004	TW10-16-04	Tháp 10	TW10-04	16	B5-1	
1448	TPV010016005	TW10-16-05	Tháp 10	TW10-05	16	B6-1	
1449	TPV010016006	TW10-16-06	Tháp 10	TW10-06	16	A2-1	
1450	TPV010016007	TW10-16-07	Tháp 10	TW10-07	16	B1-1	
1451	TPV010016008	TW10-16-08	Tháp 10	TW10-08	16	B2-1	
1452	TPV010016009	TW10-16-09	Tháp 10	TW10-09	16	B3-1	
1453	TPV010017001	TW10-17-01	Tháp 10	TW10-01	17	A1-1	
1454	TPV010017002	TW10-17-02	Tháp 10	TW10-02	17	C1-1	
1455	TPV010017003	TW10-17-03	Tháp 10	TW10-03	17	B4-1	
1456	TPV010017004	TW10-17-04	Tháp 10	TW10-04	17	B5-1	
1457	TPV010017005	TW10-17-05	Tháp 10	TW10-05	17	B6-1	
1458	TPV010017006	TW10-17-06	Tháp 10	TW10-06	17	A2-1	
1459	TPV010017007	TW10-17-07	Tháp 10	TW10-07	17	B1-1	
1460	TPV010017008	TW10-17-08	Tháp 10	TW10-08	17	B2-1	
1461	TPV010017009	TW10-17-09	Tháp 10	TW10-09	17	B3-1	
1462	TPV010018001	TW10-18-01	Tháp 10	TW10-01	18	A1-1	
1463	TPV010018002	TW10-18-02	Tháp 10	TW10-02	18	C1-1	
1464	TPV010018003	TW10-18-03	Tháp 10	TW10-03	18	B4-1	
1465	TPV010018004	TW10-18-04	Tháp 10	TW10-04	18	B5-1	
1466	TPV010018005	TW10-18-05	Tháp 10	TW10-05	18	B6-1	
1467	TPV010018006	TW10-18-06	Tháp 10	TW10-06	18	A2-1	
1468	TPV010018007	TW10-18-07	Tháp 10	TW10-07	18	B1-1	
1469	TPV010018008	TW10-18-08	Tháp 10	TW10-08	18	B2-1	
1470	TPV010018009	TW10-18-09	Tháp 10	TW10-09	18	B3-1	
1471	TPV010019001	TW10-19-01	Tháp 10	TW10-01	19	A1-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1472	TPV010019002	TW10-19-02	Tháp 10	TW10-02	19	C1-1	
1473	TPV010019003	TW10-19-03	Tháp 10	TW10-03	19	B4-1	
1474	TPV010019004	TW10-19-04	Tháp 10	TW10-04	19	B5-1	
1475	TPV010019005	TW10-19-05	Tháp 10	TW10-05	19	B6-1	
1476	TPV010019006	TW10-19-06	Tháp 10	TW10-06	19	A2-1	
1477	TPV010019007	TW10-19-07	Tháp 10	TW10-07	19	B1-1	
1478	TPV010019008	TW10-19-08	Tháp 10	TW10-08	19	B2-1	
1479	TPV010019009	TW10-19-09	Tháp 10	TW10-09	19	B3-1	
1480	TPV010020001	TW10-20-01	Tháp 10	TW10-01	20	A1-1	
1481	TPV010020002	TW10-20-02	Tháp 10	TW10-02	20	C1-1	
1482	TPV010020003	TW10-20-03	Tháp 10	TW10-03	20	B4-1	
1483	TPV010020004	TW10-20-04	Tháp 10	TW10-04	20	B5-1	
1484	TPV010020006	TW10-20-06	Tháp 10	TW10-06	20	A2a-1	
1485	TPV010020007	TW10-20-07	Tháp 10	TW10-07	20	B1-1	
1486	TPV010020008	TW10-20-08	Tháp 10	TW10-08	20	B2-1	
1487	TPV010020009	TW10-20-09	Tháp 10	TW10-09	20	B3-1	
1488	TPV010021001	TW10-21-01	Tháp 10	TW10-01	21	A1-1	
1489	TPV010021002	TW10-21-02	Tháp 10	TW10-02	21	C1-1	
1490	TPV010021003	TW10-21-03	Tháp 10	TW10-03	21	B4-1	
1491	TPV010021004	TW10-21-04	Tháp 10	TW10-04	21	B5-1	
1492	TPV010021006	TW10-21-06	Tháp 10	TW10-06	21	A2a-1	
1493	TPV010021007	TW10-21-07	Tháp 10	TW10-07	21	B1-1	
1494	TPV010021008	TW10-21-08	Tháp 10	TW10-08	21	B2-1	
1495	TPV010021009	TW10-21-09	Tháp 10	TW10-09	21	B3-1	
1496	TPV010022001	TW10-22-01	Tháp 10	TW10-01	22	A1-1	
1497	TPV010022002	TW10-22-02	Tháp 10	TW10-02	22	C1-1	
1498	TPV010022003	TW10-22-03	Tháp 10	TW10-03	22	B4-1	
1499	TPV010022004	TW10-22-04	Tháp 10	TW10-04	22	B5-1	
1500	TPV010022005	TW10-22-05	Tháp 10	TW10-05	22	B6-1	
1501	TPV010022006	TW10-22-06	Tháp 10	TW10-06	22	A2-1	
1502	TPV010022007	TW10-22-07	Tháp 10	TW10-07	22	B1-1	
1503	TPV010022008	TW10-22-08	Tháp 10	TW10-08	22	B2-1	
1504	TPV010022009	TW10-22-09	Tháp 10	TW10-09	22	B3-1	
1505	TPV010023001	TW10-23-01	Tháp 10	TW10-01	23	A1-1	
1506	TPV010023002	TW10-23-02	Tháp 10	TW10-02	23	C1-1	
1507	TPV010023003	TW10-23-03	Tháp 10	TW10-03	23	B4-1	
1508	TPV010023004	TW10-23-04	Tháp 10	TW10-04	23	B5-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1509	TPV010023005	TW10-23-05	Tháp 10	TW10-05	23	B6-1	
1510	TPV010023006	TW10-23-06	Tháp 10	TW10-06	23	A2-1	
1511	TPV010023007	TW10-23-07	Tháp 10	TW10-07	23	B1-1	
1512	TPV010023008	TW10-23-08	Tháp 10	TW10-08	23	B2-1	
1513	TPV010023009	TW10-23-09	Tháp 10	TW10-09	23	B3-1	
1514	TPV010024001	TW10-24-01	Tháp 10	TW10-01	24	A1-1	
1515	TPV010024002	TW10-24-02	Tháp 10	TW10-02	24	C1-1	
1516	TPV010024003	TW10-24-03	Tháp 10	TW10-03	24	B4-1	
1517	TPV010024004	TW10-24-04	Tháp 10	TW10-04	24	B5-1	
1518	TPV010024005	TW10-24-05	Tháp 10	TW10-05	24	B6-1	
1519	TPV010024006	TW10-24-06	Tháp 10	TW10-06	24	A2-1	
1520	TPV010024007	TW10-24-07	Tháp 10	TW10-07	24	B1-1	
1521	TPV010024008	TW10-24-08	Tháp 10	TW10-08	24	B2-1	
1522	TPV010024009	TW10-24-09	Tháp 10	TW10-09	24	B3-1	
1523	TPV010025001	TW10-25-01	Tháp 10	TW10-01	25	A1-1	
1524	TPV010025002	TW10-25-02	Tháp 10	TW10-02	25	C1-1	
1525	TPV010025003	TW10-25-03	Tháp 10	TW10-03	25	B4-1	
1526	TPV010025004	TW10-25-04	Tháp 10	TW10-04	25	B5-1	
1527	TPV010025005	TW10-25-05	Tháp 10	TW10-05	25	B6-1	
1528	TPV010025006	TW10-25-06	Tháp 10	TW10-06	25	A2-1	
1529	TPV010025007	TW10-25-07	Tháp 10	TW10-07	25	B1-1	
1530	TPV010025008	TW10-25-08	Tháp 10	TW10-08	25	B2-1	
1531	TPV010025009	TW10-25-09	Tháp 10	TW10-09	25	B3-1	
1532	TPV010026001	TW10-26-01	Tháp 10	TW10-01	26	A1-1	
1533	TPV010026002	TW10-26-02	Tháp 10	TW10-02	26	C1-1	
1534	TPV010026003	TW10-26-03	Tháp 10	TW10-03	26	B4-1	
1535	TPV010026004	TW10-26-04	Tháp 10	TW10-04	26	B5-1	
1536	TPV010026005	TW10-26-05	Tháp 10	TW10-05	26	B6-1	
1537	TPV010026006	TW10-26-06	Tháp 10	TW10-06	26	A2-1	
1538	TPV010026007	TW10-26-07	Tháp 10	TW10-07	26	B1-1	
1539	TPV010026008	TW10-26-08	Tháp 10	TW10-08	26	B2-1	
1540	TPV010026009	TW10-26-09	Tháp 10	TW10-09	26	B3-1	
1541	TPV010027001	TW10-27-01	Tháp 10	TW10-01	27	A1-1	
1542	TPV010027002	TW10-27-02	Tháp 10	TW10-02	27	C1-1	
1543	TPV010027003	TW10-27-03	Tháp 10	TW10-03	27	B4-1	
1544	TPV010027004	TW10-27-04	Tháp 10	TW10-04	27	B5-1	
1545	TPV010027005	TW10-27-05	Tháp 10	TW10-05	27	B6-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1546	TPV010027006	TW10-27-06	Tháp 10	TW10-06	27	A2-1	
1547	TPV010027007	TW10-27-07	Tháp 10	TW10-07	27	B1-1	
1548	TPV010027008	TW10-27-08	Tháp 10	TW10-08	27	B2-1	
1549	TPV010027009	TW10-27-09	Tháp 10	TW10-09	27	B3-1	
1550	TPV010028001	TW10-28-01	Tháp 10	TW10-01	28	A1-1	
1551	TPV010028002	TW10-28-02	Tháp 10	TW10-02	28	C1-1	
1552	TPV010028003	TW10-28-03	Tháp 10	TW10-03	28	B4-1	
1553	TPV010028004	TW10-28-04	Tháp 10	TW10-04	28	B5-1	
1554	TPV010028005	TW10-28-05	Tháp 10	TW10-05	28	B6-1	
1555	TPV010028006	TW10-28-06	Tháp 10	TW10-06	28	A2-1	
1556	TPV010028007	TW10-28-07	Tháp 10	TW10-07	28	B1-1	
1557	TPV010028008	TW10-28-08	Tháp 10	TW10-08	28	B2-1	
1558	TPV010028009	TW10-28-09	Tháp 10	TW10-09	28	B3-1	
1559	TPV010029001	TW10-29-01	Tháp 10	TW10-01	29	A1-1	
1560	TPV010029002	TW10-29-02	Tháp 10	TW10-02	29	C1-1	
1561	TPV010029003	TW10-29-03	Tháp 10	TW10-03	29	B4-1	
1562	TPV010029004	TW10-29-04	Tháp 10	TW10-04	29	B5-1	
1563	TPV010029005	TW10-29-05	Tháp 10	TW10-05	29	B6-1	
1564	TPV010029006	TW10-29-06	Tháp 10	TW10-06	29	A2-1	
1565	TPV010029007	TW10-29-07	Tháp 10	TW10-07	29	B1-1	
1566	TPV010029008	TW10-29-08	Tháp 10	TW10-08	29	B2-1	
1567	TPV010029009	TW10-29-09	Tháp 10	TW10-09	29	B3-1	
1568	TPV010030001	TW10-30-01	Tháp 10	TW10-01	30	A1-1	
1569	TPV010030002	TW10-30-02	Tháp 10	TW10-02	30	C1-1	
1570	TPV010030003	TW10-30-03	Tháp 10	TW10-03	30	B4-1	
1571	TPV010030004	TW10-30-04	Tháp 10	TW10-04	30	B5-1	
1572	TPV010030005	TW10-30-05	Tháp 10	TW10-05	30	B6-1	
1573	TPV010030006	TW10-30-06	Tháp 10	TW10-06	30	A2-1	
1574	TPV010030007	TW10-30-07	Tháp 10	TW10-07	30	B1-1	
1575	TPV010030008	TW10-30-08	Tháp 10	TW10-08	30	B2-1	
1576	TPV010030009	TW10-30-09	Tháp 10	TW10-09	30	B3-1	
1577	TPV010031001	TW10-31-01	Tháp 10	TW10-01	31÷32	P06-1	căn hộ dạng thông tầng
1578	TPV010031002	TW10-31-02	Tháp 10	TW10-02	31÷32	P04-1	căn hộ dạng thông tầng

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1579	TPV010031003	TW10-31-03	Tháp 10	TW10-03	31÷32	P07-1	căn hộ dạng thông tầng
1580	TPV010031004	TW10-31-04	Tháp 10	TW10-04	31÷32	P05-1	căn hộ dạng thông tầng
1581	TPV010031005	TW10-31-05	Tháp 10	TW10-05	31÷32	P06-1	căn hộ dạng thông tầng
1582	TPV010031006	TW10-31-06	Tháp 10	TW10-06	31÷32	P02-1	căn hộ dạng thông tầng
1583	TPV010031007	TW10-31-07	Tháp 10	TW10-07	31÷32	P03-1	căn hộ dạng thông tầng
1584	TPV010031008	TW10-31-08	Tháp 10	TW10-08	31÷32	P01-1	căn hộ dạng thông tầng
1585	TPV011004001	TW11-4-01	Tháp 11	TW11-01	4	A1a-1	
1586	TPV011004002	TW11-4-02	Tháp 11	TW11-02	4	C1a-1	
1587	TPV011004003	TW11-4-03	Tháp 11	TW11-03	4	B4-1	
1588	TPV011004004	TW11-4-04	Tháp 11	TW11-04	4	B5-1	
1589	TPV011004005	TW11-4-05	Tháp 11	TW11-05	4	B6-1	
1590	TPV011004006	TW11-4-06	Tháp 11	TW11-06	4	A2-1	
1591	TPV011004007	TW11-4-07	Tháp 11	TW11-07	4	B1-1	
1592	TPV011004008	TW11-4-08	Tháp 11	TW11-08	4	B2-1	
1593	TPV011004009	TW11-4-09	Tháp 11	TW11-09	4	B3-1	
1594	TPV011005001	TW11-5-01	Tháp 11	TW11-01	5	A1a-1	
1595	TPV011005002	TW11-5-02	Tháp 11	TW11-02	5	C1a-1	
1596	TPV011005003	TW11-5-03	Tháp 11	TW11-03	5	B4-1	
1597	TPV011005004	TW11-5-04	Tháp 11	TW11-04	5	B5-1	
1598	TPV011005005	TW11-5-05	Tháp 11	TW11-05	5	B6-1	
1599	TPV011005006	TW11-5-06	Tháp 11	TW11-06	5	A2-1	
1600	TPV011005007	TW11-5-07	Tháp 11	TW11-07	5	B1-1	
1601	TPV011005008	TW11-5-08	Tháp 11	TW11-08	5	B2-1	
1602	TPV011005009	TW11-5-09	Tháp 11	TW11-09	5	B3-1	
1603	TPV011006001	TW11-6-01	Tháp 11	TW11-01	6	A1a-1	



Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1604	TPV011006002	TW11-6-02	Tháp 11	TW11-02	6	C1a-1	
1605	TPV011006003	TW11-6-03	Tháp 11	TW11-03	6	B4-1	
1606	TPV011006004	TW11-6-04	Tháp 11	TW11-04	6	B5-1	
1607	TPV011006005	TW11-6-05	Tháp 11	TW11-05	6	B6-1	
1608	TPV011006006	TW11-6-06	Tháp 11	TW11-06	6	A2-1	
1609	TPV011006007	TW11-6-07	Tháp 11	TW11-07	6	B1-1	
1610	TPV011006008	TW11-6-08	Tháp 11	TW11-08	6	B2-1	
1611	TPV011006009	TW11-6-09	Tháp 11	TW11-09	6	B3-1	
1612	TPV011007001	TW11-7-01	Tháp 11	TW11-01	7	A1a-1	
1613	TPV011007002	TW11-7-02	Tháp 11	TW11-02	7	C1a-1	
1614	TPV011007003	TW11-7-03	Tháp 11	TW11-03	7	B4-1	
1615	TPV011007004	TW11-7-04	Tháp 11	TW11-04	7	B5-1	
1616	TPV011007005	TW11-7-05	Tháp 11	TW11-05	7	B6-1	
1617	TPV011007006	TW11-7-06	Tháp 11	TW11-06	7	A2-1	
1618	TPV011007007	TW11-7-07	Tháp 11	TW11-07	7	B1-1	
1619	TPV011007008	TW11-7-08	Tháp 11	TW11-08	7	B2-1	
1620	TPV011007009	TW11-7-09	Tháp 11	TW11-09	7	B3-1	
1621	TPV011008001	TW11-8-01	Tháp 11	TW11-01	8	A1a-1	
1622	TPV011008002	TW11-8-02	Tháp 11	TW11-02	8	C1a-1	
1623	TPV011008003	TW11-8-03	Tháp 11	TW11-03	8	B4-1	
1624	TPV011008004	TW11-8-04	Tháp 11	TW11-04	8	B5-1	
1625	TPV011008005	TW11-8-05	Tháp 11	TW11-05	8	B6-1	
1626	TPV011008006	TW11-8-06	Tháp 11	TW11-06	8	A2-1	
1627	TPV011008007	TW11-8-07	Tháp 11	TW11-07	8	B1-1	
1628	TPV011008008	TW11-8-08	Tháp 11	TW11-08	8	B2-1	
1629	TPV011008009	TW11-8-09	Tháp 11	TW11-09	8	B3-1	
1630	TPV011009001	TW11-9-01	Tháp 11	TW11-01	9	A1a-1	
1631	TPV011009002	TW11-9-02	Tháp 11	TW11-02	9	C1a-1	
1632	TPV011009003	TW11-9-03	Tháp 11	TW11-03	9	B4-1	
1633	TPV011009004	TW11-9-04	Tháp 11	TW11-04	9	B5-1	
1634	TPV011009005	TW11-9-05	Tháp 11	TW11-05	9	B6-1	
1635	TPV011009006	TW11-9-06	Tháp 11	TW11-06	9	A2-1	
1636	TPV011009007	TW11-9-07	Tháp 11	TW11-07	9	B1-1	
1637	TPV011009008	TW11-9-08	Tháp 11	TW11-08	9	B2-1	
1638	TPV011009009	TW11-9-09	Tháp 11	TW11-09	9	B3-1	
1639	TPV011010001	TW11-10-01	Tháp 11	TW11-01	10	A1a-1	
1640	TPV011010002	TW11-10-02	Tháp 11	TW11-02	10	C1a-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1641	TPV011010003	TW11-10-03	Tháp 11	TW11-03	10	B4-1	
1642	TPV011010004	TW11-10-04	Tháp 11	TW11-04	10	B5-1	
1643	TPV011010005	TW11-10-05	Tháp 11	TW11-05	10	B6-1	
1644	TPV011010006	TW11-10-06	Tháp 11	TW11-06	10	A2-1	
1645	TPV011010007	TW11-10-07	Tháp 11	TW11-07	10	B1-1	
1646	TPV011010008	TW11-10-08	Tháp 11	TW11-08	10	B2-1	
1647	TPV011010009	TW11-10-09	Tháp 11	TW11-09	10	B3-1	
1648	TPV011011001	TW11-11-01	Tháp 11	TW11-01	11	A1a-1	
1649	TPV011011002	TW11-11-02	Tháp 11	TW11-02	11	C1a-1	
1650	TPV011011003	TW11-11-03	Tháp 11	TW11-03	11	B4-1	
1651	TPV011011004	TW11-11-04	Tháp 11	TW11-04	11	B5-1	
1652	TPV011011005	TW11-11-05	Tháp 11	TW11-05	11	B6-1	
1653	TPV011011006	TW11-11-06	Tháp 11	TW11-06	11	A2-1	
1654	TPV011011007	TW11-11-07	Tháp 11	TW11-07	11	B1-1	
1655	TPV011011008	TW11-11-08	Tháp 11	TW11-08	11	B2-1	
1656	TPV011011009	TW11-11-09	Tháp 11	TW11-09	11	B3-1	
1657	TPV011012001	TW11-12-01	Tháp 11	TW11-01	12	A1a-1	
1658	TPV011012002	TW11-12-02	Tháp 11	TW11-02	12	C1a-1	
1659	TPV011012003	TW11-12-03	Tháp 11	TW11-03	12	B4-1	
1660	TPV011012004	TW11-12-04	Tháp 11	TW11-04	12	B5-1	
1661	TPV011012005	TW11-12-05	Tháp 11	TW11-05	12	B6-1	
1662	TPV011012006	TW11-12-06	Tháp 11	TW11-06	12	A2-1	
1663	TPV011012007	TW11-12-07	Tháp 11	TW11-07	12	B1-1	
1664	TPV011012008	TW11-12-08	Tháp 11	TW11-08	12	B2-1	
1665	TPV011012009	TW11-12-09	Tháp 11	TW11-09	12	B3-1	
1666	TPV01112A001	TW11-12A-01	Tháp 11	TW11-01	12A	A1a-1	
1667	TPV01112A002	TW11-12A-02	Tháp 11	TW11-02	12A	C1a-1	
1668	TPV01112A003	TW11-12A-03	Tháp 11	TW11-03	12A	B4-1	
1669	TPV01112A004	TW11-12A-04	Tháp 11	TW11-04	12A	B5-1	
1670	TPV01112A005	TW11-12A-05	Tháp 11	TW11-05	12A	B6-1	
1671	TPV01112A006	TW11-12A-06	Tháp 11	TW11-06	12A	A2-1	
1672	TPV01112A007	TW11-12A-07	Tháp 11	TW11-07	12A	B1-1	
1673	TPV01112A008	TW11-12A-08	Tháp 11	TW11-08	12A	B2-1	
1674	TPV01112A009	TW11-12A-09	Tháp 11	TW11-09	12A	B3-1	
1675	TPV011014001	TW11-14-01	Tháp 11	TW11-01	14	A1a-1	
1676	TPV011014002	TW11-14-02	Tháp 11	TW11-02	14	C1a-1	
1677	TPV011014003	TW11-14-03	Tháp 11	TW11-03	14	B4-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1678	TPV011014004	TW11-14-04	Tháp 11	TW11-04	14	B5-1	
1679	TPV011014005	TW11-14-05	Tháp 11	TW11-05	14	B6-1	
1680	TPV011014006	TW11-14-06	Tháp 11	TW11-06	14	A2-1	
1681	TPV011014007	TW11-14-07	Tháp 11	TW11-07	14	B1-1	
1682	TPV011014008	TW11-14-08	Tháp 11	TW11-08	14	B2-1	
1683	TPV011014009	TW11-14-09	Tháp 11	TW11-09	14	B3-1	
1684	TPV011015001	TW11-15-01	Tháp 11	TW11-01	15	A1a-1	
1685	TPV011015002	TW11-15-02	Tháp 11	TW11-02	15	C1a-1	
1686	TPV011015003	TW11-15-03	Tháp 11	TW11-03	15	B4-1	
1687	TPV011015004	TW11-15-04	Tháp 11	TW11-04	15	B5-1	
1688	TPV011015005	TW11-15-05	Tháp 11	TW11-05	15	B6-1	
1689	TPV011015006	TW11-15-06	Tháp 11	TW11-06	15	A2-1	
1690	TPV011015007	TW11-15-07	Tháp 11	TW11-07	15	B1-1	
1691	TPV011015008	TW11-15-08	Tháp 11	TW11-08	15	B2-1	
1692	TPV011015009	TW11-15-09	Tháp 11	TW11-09	15	B3-1	
1693	TPV011016001	TW11-16-01	Tháp 11	TW11-01	16	A1a-1	
1694	TPV011016002	TW11-16-02	Tháp 11	TW11-02	16	C1a-1	
1695	TPV011016003	TW11-16-03	Tháp 11	TW11-03	16	B4-1	
1696	TPV011016004	TW11-16-04	Tháp 11	TW11-04	16	B5-1	
1697	TPV011016005	TW11-16-05	Tháp 11	TW11-05	16	B6-1	
1698	TPV011016006	TW11-16-06	Tháp 11	TW11-06	16	A2-1	
1699	TPV011016007	TW11-16-07	Tháp 11	TW11-07	16	B1-1	
1700	TPV011016008	TW11-16-08	Tháp 11	TW11-08	16	B2-1	
1701	TPV011016009	TW11-16-09	Tháp 11	TW11-09	16	B3-1	
1702	TPV011017001	TW11-17-01	Tháp 11	TW11-01	17	A1a-1	
1703	TPV011017002	TW11-17-02	Tháp 11	TW11-02	17	C1a-1	
1704	TPV011017003	TW11-17-03	Tháp 11	TW11-03	17	B4-1	
1705	TPV011017004	TW11-17-04	Tháp 11	TW11-04	17	B5-1	
1706	TPV011017005	TW11-17-05	Tháp 11	TW11-05	17	B6-1	
1707	TPV011017006	TW11-17-06	Tháp 11	TW11-06	17	A2-1	
1708	TPV011017007	TW11-17-07	Tháp 11	TW11-07	17	B1-1	
1709	TPV011017008	TW11-17-08	Tháp 11	TW11-08	17	B2-1	
1710	TPV011017009	TW11-17-09	Tháp 11	TW11-09	17	B3-1	
1711	TPV011018001	TW11-18-01	Tháp 11	TW11-01	18	A1a-1	
1712	TPV011018002	TW11-18-02	Tháp 11	TW11-02	18	C1a-1	
1713	TPV011018003	TW11-18-03	Tháp 11	TW11-03	18	B4-1	
1714	TPV011018004	TW11-18-04	Tháp 11	TW11-04	18	B5-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1715	TPV011018005	TW11-18-05	Tháp 11	TW11-05	18	B6-1	
1716	TPV011018006	TW11-18-06	Tháp 11	TW11-06	18	A2-1	
1717	TPV011018007	TW11-18-07	Tháp 11	TW11-07	18	B1-1	
1718	TPV011018008	TW11-18-08	Tháp 11	TW11-08	18	B2-1	
1719	TPV011018009	TW11-18-09	Tháp 11	TW11-09	18	B3-1	
1720	TPV011019001	TW11-19-01	Tháp 11	TW11-01	19	A1a-1	
1721	TPV011019002	TW11-19-02	Tháp 11	TW11-02	19	C1a-1	
1722	TPV011019003	TW11-19-03	Tháp 11	TW11-03	19	B4-1	
1723	TPV011019004	TW11-19-04	Tháp 11	TW11-04	19	B5-1	
1724	TPV011019005	TW11-19-05	Tháp 11	TW11-05	19	B6-1	
1725	TPV011019006	TW11-19-06	Tháp 11	TW11-06	19	A2-1	
1726	TPV011019007	TW11-19-07	Tháp 11	TW11-07	19	B1-1	
1727	TPV011019008	TW11-19-08	Tháp 11	TW11-08	19	B2-1	
1728	TPV011019009	TW11-19-09	Tháp 11	TW11-09	19	B3-1	
1729	TPV011020001	TW11-20-01	Tháp 11	TW11-01	20	A1a-1	
1730	TPV011020002	TW11-20-02	Tháp 11	TW11-02	20	C1a-1	
1731	TPV011020003	TW11-20-03	Tháp 11	TW11-03	20	B4-1	
1732	TPV011020004	TW11-20-04	Tháp 11	TW11-04	20	B5-1	
1733	TPV011020006	TW11-20-06	Tháp 11	TW11-06	20	A2a-1	
1734	TPV011020007	TW11-20-07	Tháp 11	TW11-07	20	B1-1	
1735	TPV011020008	TW11-20-08	Tháp 11	TW11-08	20	B2-1	
1736	TPV011020009	TW11-20-09	Tháp 11	TW11-09	20	B3-1	
1737	TPV011021001	TW11-21-01	Tháp 11	TW11-01	21	A1a-1	
1738	TPV011021002	TW11-21-02	Tháp 11	TW11-02	21	C1a-1	
1739	TPV011021003	TW11-21-03	Tháp 11	TW11-03	21	B4-1	
1740	TPV011021004	TW11-21-04	Tháp 11	TW11-04	21	B5-1	
1741	TPV011021006	TW11-21-06	Tháp 11	TW11-06	21	A2a-1	
1742	TPV011021007	TW11-21-07	Tháp 11	TW11-07	21	B1-1	
1743	TPV011021008	TW11-21-08	Tháp 11	TW11-08	21	B2-1	
1744	TPV011021009	TW11-21-09	Tháp 11	TW11-09	21	B3-1	
1745	TPV011022001	TW11-22-01	Tháp 11	TW11-01	22	A1a-1	
1746	TPV011022002	TW11-22-02	Tháp 11	TW11-02	22	C1a-1	
1747	TPV011022003	TW11-22-03	Tháp 11	TW11-03	22	B4-1	
1748	TPV011022004	TW11-22-04	Tháp 11	TW11-04	22	B5-1	
1749	TPV011022005	TW11-22-05	Tháp 11	TW11-05	22	B6-1	
1750	TPV011022006	TW11-22-06	Tháp 11	TW11-06	22	A2-1	
1751	TPV011022007	TW11-22-07	Tháp 11	TW11-07	22	B1-1	
















Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1752	TPV011022008	TW11-22-08	Tháp 11	TW11-08	22	B2-1	
1753	TPV011022009	TW11-22-09	Tháp 11	TW11-09	22	B3-1	
1754	TPV011023001	TW11-23-01	Tháp 11	TW11-01	23	A1a-1	
1755	TPV011023002	TW11-23-02	Tháp 11	TW11-02	23	C1a-1	
1756	TPV011023003	TW11-23-03	Tháp 11	TW11-03	23	B4-1	
1757	TPV011023004	TW11-23-04	Tháp 11	TW11-04	23	B5-1	
1758	TPV011023005	TW11-23-05	Tháp 11	TW11-05	23	B6-1	
1759	TPV011023006	TW11-23-06	Tháp 11	TW11-06	23	A2a-1	
1760	TPV011023007	TW11-23-07	Tháp 11	TW11-07	23	B1-1	
1761	TPV011023008	TW11-23-08	Tháp 11	TW11-08	23	B2-1	
1762	TPV011023009	TW11-23-09	Tháp 11	TW11-09	23	B3-1	
1763	TPV011024001	TW11-24-01	Tháp 11	TW11-01	24	A1a-1	
1764	TPV011024002	TW11-24-02	Tháp 11	TW11-02	24	C1a-1	
1765	TPV011024003	TW11-24-03	Tháp 11	TW11-03	24	B4-1	
1766	TPV011024004	TW11-24-04	Tháp 11	TW11-04	24	B5-1	
1767	TPV011024005	TW11-24-05	Tháp 11	TW11-05	24	B6-1	
1768	TPV011024006	TW11-24-06	Tháp 11	TW11-06	24	A2-1	
1769	TPV011024007	TW11-24-07	Tháp 11	TW11-07	24	B1-1	
1770	TPV011024008	TW11-24-08	Tháp 11	TW11-08	24	B2-1	
1771	TPV011024009	TW11-24-09	Tháp 11	TW11-09	24	B3-1	
1772	TPV011025001	TW11-25-01	Tháp 11	TW11-01	25	A1a-1	
1773	TPV011025002	TW11-25-02	Tháp 11	TW11-02	25	C1a-1	
1774	TPV011025003	TW11-25-03	Tháp 11	TW11-03	25	B4-1	
1775	TPV011025004	TW11-25-04	Tháp 11	TW11-04	25	B5-1	
1776	TPV011025005	TW11-25-05	Tháp 11	TW11-05	25	B6-1	
1777	TPV011025006	TW11-25-06	Tháp 11	TW11-06	25	A2-1	
1778	TPV011025007	TW11-25-07	Tháp 11	TW11-07	25	B1-1	
1779	TPV011025008	TW11-25-08	Tháp 11	TW11-08	25	B2-1	
1780	TPV011025009	TW11-25-09	Tháp 11	TW11-09	25	B3-1	
1781	TPV011026001	TW11-26-01	Tháp 11	TW11-01	26	A1a-1	
1782	TPV011026002	TW11-26-02	Tháp 11	TW11-02	26	C1a-1	
1783	TPV011026003	TW11-26-03	Tháp 11	TW11-03	26	B4-1	
1784	TPV011026004	TW11-26-04	Tháp 11	TW11-04	26	B5-1	
1785	TPV011026005	TW11-26-05	Tháp 11	TW11-05	26	B6-1	
1786	TPV011026006	TW11-26-06	Tháp 11	TW11-06	26	A2-1	
1787	TPV011026007	TW11-26-07	Tháp 11	TW11-07	26	B1-1	
1788	TPV011026008	TW11-26-08	Tháp 11	TW11-08	26	B2-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1789	TPV011026009	TW11-26-09	Tháp 11	TW11-09	26	B3-1	
1790	TPV011027001	TW11-27-01	Tháp 11	TW11-01	27	A1a-1	
1791	TPV011027002	TW11-27-02	Tháp 11	TW11-02	27	C1a-1	
1792	TPV011027003	TW11-27-03	Tháp 11	TW11-03	27	B4-1	
1793	TPV011027004	TW11-27-04	Tháp 11	TW11-04	27	B5-1	
1794	TPV011027005	TW11-27-05	Tháp 11	TW11-05	27	B6-1	
1795	TPV011027006	TW11-27-06	Tháp 11	TW11-06	27	A2-1	
1796	TPV011027007	TW11-27-07	Tháp 11	TW11-07	27	B1-1	
1797	TPV011027008	TW11-27-08	Tháp 11	TW11-08	27	B2-1	
1798	TPV011027009	TW11-27-09	Tháp 11	TW11-09	27	B3-1	
1799	TPV011028001	TW11-28-01	Tháp 11	TW11-01	28	A1a-1	
1800	TPV011028002	TW11-28-02	Tháp 11	TW11-02	28	C1a-1	
1801	TPV011028003	TW11-28-03	Tháp 11	TW11-03	28	B4-1	
1802	TPV011028004	TW11-28-04	Tháp 11	TW11-04	28	B5-1	
1803	TPV011028005	TW11-28-05	Tháp 11	TW11-05	28	B6-1	
1804	TPV011028006	TW11-28-06	Tháp 11	TW11-06	28	A2-1	
1805	TPV011028007	TW11-28-07	Tháp 11	TW11-07	28	B1-1	
1806	TPV011028008	TW11-28-08	Tháp 11	TW11-08	28	B2-1	
1807	TPV011028009	TW11-28-09	Tháp 11	TW11-09	28	B3-1	
1808	TPV011029001	TW11-29-01	Tháp 11	TW11-01	29	A1a-1	
1809	TPV011029002	TW11-29-02	Tháp 11	TW11-02	29	C1a-1	
1810	TPV011029003	TW11-29-03	Tháp 11	TW11-03	29	B4-1	
1811	TPV011029004	TW11-29-04	Tháp 11	TW11-04	29	B5-1	
1812	TPV011029005	TW11-29-05	Tháp 11	TW11-05	29	B6-1	
1813	TPV011029006	TW11-29-06	Tháp 11	TW11-06	29	A2-1	
1814	TPV011029007	TW11-29-07	Tháp 11	TW11-07	29	B1-1	
1815	TPV011029008	TW11-29-08	Tháp 11	TW11-08	29	B2-1	
1816	TPV011029009	TW11-29-09	Tháp 11	TW11-09	29	B3-1	
1817	TPV011030001	TW11-30-01	Tháp 11	TW11-01	30	A1a-1	
1818	TPV011030002	TW11-30-02	Tháp 11	TW11-02	30	C1a-1	
1819	TPV011030003	TW11-30-03	Tháp 11	TW11-03	30	B4-1	
1820	TPV011030004	TW11-30-04	Tháp 11	TW11-04	30	B5-1	
1821	TPV011030005	TW11-30-05	Tháp 11	TW11-05	30	B6-1	
1822	TPV011030006	TW11-30-06	Tháp 11	TW11-06	30	A2-1	
1823	TPV011030007	TW11-30-07	Tháp 11	TW11-07	30	B1-1	
1824	TPV011030008	TW11-30-08	Tháp 11	TW11-08	30	B2-1	
1825	TPV011030009	TW11-30-09	Tháp 11	TW11-09	30	B3-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1826	TPV011031001	TW11-31-01	Tháp 11	TW11-01	31÷32	P06a-1	căn hộ dạng thông tầng
1827	TPV011031002	TW11-31-02	Tháp 11	TW11-02	31÷32	P04a-1	căn hộ dạng thông tầng
1828	TPV011031003	TW11-31-03	Tháp 11	TW11-03	31÷32	P07-1	căn hộ dạng thông tầng
1829	TPV011031004	TW11-31-04	Tháp 11	TW11-04	31÷32	P05-1	căn hộ dạng thông tầng
1830	TPV011031005	TW11-31-05	Tháp 11	TW11-05	31÷32	P06-1	căn hộ dạng thông tầng
1831	TPV011031006	TW11-31-06	Tháp 11	TW11-06	31÷32	P02-1	căn hộ dạng thông tầng
1832	TPV011031007	TW11-31-07	Tháp 11	TW11-07	31÷32	P03-1	căn hộ dạng thông tầng
1833	TPV011031008	TW11-31-08	Tháp 11	TW11-08	31÷32	P01-1	căn hộ dạng thông tầng
1834	TPV012001001	TW12-1-01	Tháp 12	TW12-01	1+2	D10	căn hộ dạng thông tầng
1835	TPV012001002	TW12-1-02	Tháp 12	TW12-02	1+2	D09	căn hộ dạng thông tầng
1836	TPV012003001	TW12-3-01	Tháp 12	TW12-01	3	A1-1	
1837	TPV012003002	TW12-3-02	Tháp 12	TW12-02	3	C1-1	
1838	TPV012003003	TW12-3-03	Tháp 12	TW12-03	3	B4-1	
1839	TPV012003004	TW12-3-04	Tháp 12	TW12-04	3	B5-1	
1840	TPV012003005	TW12-3-05	Tháp 12	TW12-05	3	B6-1	
1841	TPV012003006	TW12-3-06	Tháp 12	TW12-06	3	A2-1	
1842	TPV012003007	TW12-3-07	Tháp 12	TW12-07	3	B1-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1843	TPV012003008	TW12-3-08	Tháp 12	TW12-08	3	B2-1	
1844	TPV012003009	TW12-3-09	Tháp 12	TW12-09	3	B3-1	
1845	TPV012004001	TW12-4-01	Tháp 12	TW12-01	4	A1-1	
1846	TPV012004002	TW12-4-02	Tháp 12	TW12-02	4	C1-1	
1847	TPV012004003	TW12-4-03	Tháp 12	TW12-03	4	B4-1	
1848	TPV012004004	TW12-4-04	Tháp 12	TW12-04	4	B5-1	
1849	TPV012004005	TW12-4-05	Tháp 12	TW12-05	4	B6-1	
1850	TPV012004006	TW12-4-06	Tháp 12	TW12-06	4	A2-1	
1851	TPV012004007	TW12-4-07	Tháp 12	TW12-07	4	B1-1	
1852	TPV012004008	TW12-4-08	Tháp 12	TW12-08	4	B2-1	
1853	TPV012004009	TW12-4-09	Tháp 12	TW12-09	4	B3-1	
1854	TPV012005001	TW12-5-01	Tháp 12	TW12-01	5	A1-1	
1855	TPV012005002	TW12-5-02	Tháp 12	TW12-02	5	C1-1	
1856	TPV012005003	TW12-5-03	Tháp 12	TW12-03	5	B4-1	
1857	TPV012005004	TW12-5-04	Tháp 12	TW12-04	5	B5-1	
1858	TPV012005005	TW12-5-05	Tháp 12	TW12-05	5	B6-1	
1859	TPV012005006	TW12-5-06	Tháp 12	TW12-06	5	A2-1	
1860	TPV012005007	TW12-5-07	Tháp 12	TW12-07	5	B1-1	
1861	TPV012005008	TW12-5-08	Tháp 12	TW12-08	5	B2-1	
1862	TPV012005009	TW12-5-09	Tháp 12	TW12-09	5	B3-1	
1863	TPV012006001	TW12-6-01	Tháp 12	TW12-01	6	A1-1	
1864	TPV012006002	TW12-6-02	Tháp 12	TW12-02	6	C1-1	
1865	TPV012006003	TW12-6-03	Tháp 12	TW12-03	6	B4-1	
1866	TPV012006004	TW12-6-04	Tháp 12	TW12-04	6	B5-1	
1867	TPV012006005	TW12-6-05	Tháp 12	TW12-05	6	B6-1	
1868	TPV012006006	TW12-6-06	Tháp 12	TW12-06	6	A2-1	
1869	TPV012006007	TW12-6-07	Tháp 12	TW12-07	6	B1-1	
1870	TPV012006008	TW12-6-08	Tháp 12	TW12-08	6	B2-1	
1871	TPV012006009	TW12-6-09	Tháp 12	TW12-09	6	B3-1	
1872	TPV012007001	TW12-7-01	Tháp 12	TW12-01	7	A1-1	
1873	TPV012007002	TW12-7-02	Tháp 12	TW12-02	7	C1-1	
1874	TPV012007003	TW12-7-03	Tháp 12	TW12-03	7	B4-1	
1875	TPV012007004	TW12-7-04	Tháp 12	TW12-04	7	B5-1	
1876	TPV012007005	TW12-7-05	Tháp 12	TW12-05	7	B6-1	
1877	TPV012007006	TW12-7-06	Tháp 12	TW12-06	7	A2-1	
1878	TPV012007007	TW12-7-07	Tháp 12	TW12-07	7	B1-1	
1879	TPV012007008	TW12-7-08	Tháp 12	TW12-08	7	B2-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1880	TPV012007009	TW12-7-09	Tháp 12	TW12-09	7	B3-1	
1881	TPV012008001	TW12-8-01	Tháp 12	TW12-01	8	A1-1	
1882	TPV012008002	TW12-8-02	Tháp 12	TW12-02	8	C1-1	
1883	TPV012008003	TW12-8-03	Tháp 12	TW12-03	8	B4-1	
1884	TPV012008004	TW12-8-04	Tháp 12	TW12-04	8	B5-1	
1885	TPV012008005	TW12-8-05	Tháp 12	TW12-05	8	B6-1	
1886	TPV012008006	TW12-8-06	Tháp 12	TW12-06	8	A2-1	
1887	TPV012008007	TW12-8-07	Tháp 12	TW12-07	8	B1-1	
1888	TPV012008008	TW12-8-08	Tháp 12	TW12-08	8	B2-1	
1889	TPV012008009	TW12-8-09	Tháp 12	TW12-09	8	B3-1	
1890	TPV012009001	TW12-9-01	Tháp 12	TW12-01	9	A1-1	
1891	TPV012009002	TW12-9-02	Tháp 12	TW12-02	9	C1-1	
1892	TPV012009003	TW12-9-03	Tháp 12	TW12-03	9	B4-1	
1893	TPV012009004	TW12-9-04	Tháp 12	TW12-04	9	B5-1	
1894	TPV012009005	TW12-9-05	Tháp 12	TW12-05	9	B6-1	
1895	TPV012009006	TW12-9-06	Tháp 12	TW12-06	9	A2-1	
1896	TPV012009007	TW12-9-07	Tháp 12	TW12-07	9	B1-1	
1897	TPV012009008	TW12-9-08	Tháp 12	TW12-08	9	B2-1	
1898	TPV012009009	TW12-9-09	Tháp 12	TW12-09	9	B3-1	
1899	TPV012010001	TW12-10-01	Tháp 12	TW12-01	10	A1-1	
1900	TPV012010002	TW12-10-02	Tháp 12	TW12-02	10	C1-1	
1901	TPV012010003	TW12-10-03	Tháp 12	TW12-03	10	B4-1	
1902	TPV012010004	TW12-10-04	Tháp 12	TW12-04	10	B5-1	
1903	TPV012010005	TW12-10-05	Tháp 12	TW12-05	10	B6-1	
1904	TPV012010006	TW12-10-06	Tháp 12	TW12-06	10	A2-1	
1905	TPV012010007	TW12-10-07	Tháp 12	TW12-07	10	B1-1	
1906	TPV012010008	TW12-10-08	Tháp 12	TW12-08	10	B2-1	
1907	TPV012010009	TW12-10-09	Tháp 12	TW12-09	10	B3-1	
1908	TPV012011001	TW12-11-01	Tháp 12	TW12-01	11	A1-1	
1909	TPV012011002	TW12-11-02	Tháp 12	TW12-02	11	C1-1	
1910	TPV012011003	TW12-11-03	Tháp 12	TW12-03	11	B4-1	
1911	TPV012011004	TW12-11-04	Tháp 12	TW12-04	11	B5-1	
1912	TPV012011005	TW12-11-05	Tháp 12	TW12-05	11	B6-1	
1913	TPV012011006	TW12-11-06	Tháp 12	TW12-06	11	A2-1	
1914	TPV012011007	TW12-11-07	Tháp 12	TW12-07	11	B1-1	
1915	TPV012011008	TW12-11-08	Tháp 12	TW12-08	11	B2-1	
1916	TPV012011009	TW12-11-09	Tháp 12	TW12-09	11	B3-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1917	TPV012012001	TW12-12-01	Tháp 12	TW12-01	12	A1-1	
1918	TPV012012002	TW12-12-02	Tháp 12	TW12-02	12	C1-1	
1919	TPV012012003	TW12-12-03	Tháp 12	TW12-03	12	B4-1	
1920	TPV012012004	TW12-12-04	Tháp 12	TW12-04	12	B5-1	
1921	TPV012012005	TW12-12-05	Tháp 12	TW12-05	12	B6-1	
1922	TPV012012006	TW12-12-06	Tháp 12	TW12-06	12	A2-1	
1923	TPV012012007	TW12-12-07	Tháp 12	TW12-07	12	B1-1	
1924	TPV012012008	TW12-12-08	Tháp 12	TW12-08	12	B2-1	
1925	TPV012012009	TW12-12-09	Tháp 12	TW12-09	12	B3-1	
1926	TPV01212A001	TW12-12A-01	Tháp 12	TW12-01	12A	A1-1	
1927	TPV01212A002	TW12-12A-02	Tháp 12	TW12-02	12A	C1-1	
1928	TPV01212A003	TW12-12A-03	Tháp 12	TW12-03	12A	B4-1	
1929	TPV01212A004	TW12-12A-04	Tháp 12	TW12-04	12A	B5-1	
1930	TPV01212A005	TW12-12A-05	Tháp 12	TW12-05	12A	B6-1	
1931	TPV01212A006	TW12-12A-06	Tháp 12	TW12-06	12A	A2-1	
1932	TPV01212A007	TW12-12A-07	Tháp 12	TW12-07	12A	B1-1	
1933	TPV01212A008	TW12-12A-08	Tháp 12	TW12-08	12A	B2-1	
1934	TPV01212A009	TW12-12A-09	Tháp 12	TW12-09	12A	B3-1	
1935	TPV012014001	TW12-14-01	Tháp 12	TW12-01	14	A1-1	
1936	TPV012014002	TW12-14-02	Tháp 12	TW12-02	14	C1-1	
1937	TPV012014003	TW12-14-03	Tháp 12	TW12-03	14	B4-1	
1938	TPV012014004	TW12-14-04	Tháp 12	TW12-04	14	B5-1	
1939	TPV012014005	TW12-14-05	Tháp 12	TW12-05	14	B6-1	
1940	TPV012014006	TW12-14-06	Tháp 12	TW12-06	14	A2-1	
1941	TPV012014007	TW12-14-07	Tháp 12	TW12-07	14	B1-1	
1942	TPV012014008	TW12-14-08	Tháp 12	TW12-08	14	B2-1	
1943	TPV012014009	TW12-14-09	Tháp 12	TW12-09	14	B3-1	
1944	TPV012015001	TW12-15-01	Tháp 12	TW12-01	15	A1-1	
1945	TPV012015002	TW12-15-02	Tháp 12	TW12-02	15	C1-1	
1946	TPV012015003	TW12-15-03	Tháp 12	TW12-03	15	B4-1	
1947	TPV012015004	TW12-15-04	Tháp 12	TW12-04	15	B5-1	
1948	TPV012015005	TW12-15-05	Tháp 12	TW12-05	15	B6-1	
1949	TPV012015006	TW12-15-06	Tháp 12	TW12-06	15	A2-1	
1950	TPV012015007	TW12-15-07	Tháp 12	TW12-07	15	B1-1	
1951	TPV012015008	TW12-15-08	Tháp 12	TW12-08	15	B2-1	
1952	TPV012015009	TW12-15-09	Tháp 12	TW12-09	15	B3-1	
1953	TPV012016001	TW12-16-01	Tháp 12	TW12-01	16	A1-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1954	TPV012016002	TW12-16-02	Tháp 12	TW12-02	16	C1-1	
1955	TPV012016003	TW12-16-03	Tháp 12	TW12-03	16	B4-1	
1956	TPV012016004	TW12-16-04	Tháp 12	TW12-04	16	B5-1	
1957	TPV012016005	TW12-16-05	Tháp 12	TW12-05	16	B6-1	
1958	TPV012016006	TW12-16-06	Tháp 12	TW12-06	16	A2-1	
1959	TPV012016007	TW12-16-07	Tháp 12	TW12-07	16	B1-1	
1960	TPV012016008	TW12-16-08	Tháp 12	TW12-08	16	B2-1	
1961	TPV012016009	TW12-16-09	Tháp 12	TW12-09	16	B3-1	
1962	TPV012017001	TW12-17-01	Tháp 12	TW12-01	17	A1-1	
1963	TPV012017002	TW12-17-02	Tháp 12	TW12-02	17	C1-1	
1964	TPV012017003	TW12-17-03	Tháp 12	TW12-03	17	B4-1	
1965	TPV012017004	TW12-17-04	Tháp 12	TW12-04	17	B5-1	
1966	TPV012017005	TW12-17-05	Tháp 12	TW12-05	17	B6-1	
1967	TPV012017006	TW12-17-06	Tháp 12	TW12-06	17	A2-1	
1968	TPV012017007	TW12-17-07	Tháp 12	TW12-07	17	B1-1	
1969	TPV012017008	TW12-17-08	Tháp 12	TW12-08	17	B2-1	
1970	TPV012017009	TW12-17-09	Tháp 12	TW12-09	17	B3-1	
1971	TPV012018001	TW12-18-01	Tháp 12	TW12-01	18	A1-1	
1972	TPV012018002	TW12-18-02	Tháp 12	TW12-02	18	C1-1	
1973	TPV012018003	TW12-18-03	Tháp 12	TW12-03	18	B4-1	
1974	TPV012018004	TW12-18-04	Tháp 12	TW12-04	18	B5-1	
1975	TPV012018005	TW12-18-05	Tháp 12	TW12-05	18	B6-1	
1976	TPV012018006	TW12-18-06	Tháp 12	TW12-06	18	A2-1	
1977	TPV012018007	TW12-18-07	Tháp 12	TW12-07	18	B1-1	
1978	TPV012018008	TW12-18-08	Tháp 12	TW12-08	18	B2-1	
1979	TPV012018009	TW12-18-09	Tháp 12	TW12-09	18	B3-1	
1980	TPV012019001	TW12-19-01	Tháp 12	TW12-01	19	A1-1	
1981	TPV012019002	TW12-19-02	Tháp 12	TW12-02	19	C1-1	
1982	TPV012019003	TW12-19-03	Tháp 12	TW12-03	19	B4-1	
1983	TPV012019004	TW12-19-04	Tháp 12	TW12-04	19	B5-1	
1984	TPV012019005	TW12-19-05	Tháp 12	TW12-05	19	B6-1	
1985	TPV012019006	TW12-19-06	Tháp 12	TW12-06	19	A2-1	
1986	TPV012019007	TW12-19-07	Tháp 12	TW12-07	19	B1-1	
1987	TPV012019008	TW12-19-08	Tháp 12	TW12-08	19	B2-1	
1988	TPV012019009	TW12-19-09	Tháp 12	TW12-09	19	B3-1	
1989	TPV012020001	TW12-20-01	Tháp 12	TW12-01	20	A1-1	
1990	TPV012020002	TW12-20-02	Tháp 12	TW12-02	20	C1-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1991	TPV012020003	TW12-20-03	Tháp 12	TW12-03	20	B4-1	
1992	TPV012020004	TW12-20-04	Tháp 12	TW12-04	20	B5-1	
1993	TPV012020006	TW12-20-06	Tháp 12	TW12-06	20	A2a-1	
1994	TPV012020007	TW12-20-07	Tháp 12	TW12-07	20	B1-1	
1995	TPV012020008	TW12-20-08	Tháp 12	TW12-08	20	B2-1	
1996	TPV012020009	TW12-20-09	Tháp 12	TW12-09	20	B3-1	
1997	TPV012021001	TW12-21-01	Tháp 12	TW12-01	21	A1-1	
1998	TPV012021002	TW12-21-02	Tháp 12	TW12-02	21	C1-1	
1999	TPV012021003	TW12-21-03	Tháp 12	TW12-03	21	B4-1	
2000	TPV012021004	TW12-21-04	Tháp 12	TW12-04	21	B5-1	
2001	TPV012021006	TW12-21-06	Tháp 12	TW12-06	21	A2a-1	
2002	TPV012021007	TW12-21-07	Tháp 12	TW12-07	21	B1-1	
2003	TPV012021008	TW12-21-08	Tháp 12	TW12-08	21	B2-1	
2004	TPV012021009	TW12-21-09	Tháp 12	TW12-09	21	B3-1	
2005	TPV012022001	TW12-22-01	Tháp 12	TW12-01	22	A1-1	
2006	TPV012022002	TW12-22-02	Tháp 12	TW12-02	22	C1-1	
2007	TPV012022003	TW12-22-03	Tháp 12	TW12-03	22	B4-1	
2008	TPV012022004	TW12-22-04	Tháp 12	TW12-04	22	B5-1	
2009	TPV012022005	TW12-22-05	Tháp 12	TW12-05	22	B6-1	
2010	TPV012022006	TW12-22-06	Tháp 12	TW12-06	22	A2-1	
2011	TPV012022007	TW12-22-07	Tháp 12	TW12-07	22	B1-1	
2012	TPV012022008	TW12-22-08	Tháp 12	TW12-08	22	B2-1	
2013	TPV012022009	TW12-22-09	Tháp 12	TW12-09	22	B3-1	
2014	TPV012023001	TW12-23-01	Tháp 12	TW12-01	23	A1-1	
2015	TPV012023002	TW12-23-02	Tháp 12	TW12-02	23	C1-1	
2016	TPV012023003	TW12-23-03	Tháp 12	TW12-03	23	B4-1	
2017	TPV012023004	TW12-23-04	Tháp 12	TW12-04	23	B5-1	
2018	TPV012023005	TW12-23-05	Tháp 12	TW12-05	23	B6-1	
2019	TPV012023006	TW12-23-06	Tháp 12	TW12-06	23	A2-1	
2020	TPV012023007	TW12-23-07	Tháp 12	TW12-07	23	B1-1	
2021	TPV012023008	TW12-23-08	Tháp 12	TW12-08	23	B2-1	
2022	TPV012023009	TW12-23-09	Tháp 12	TW12-09	23	B3-1	
2023	TPV012024001	TW12-24-01	Tháp 12	TW12-01	24	A1-1	
2024	TPV012024002	TW12-24-02	Tháp 12	TW12-02	24	C1-1	
2025	TPV012024003	TW12-24-03	Tháp 12	TW12-03	24	B4-1	
2026	TPV012024004	TW12-24-04	Tháp 12	TW12-04	24	B5-1	
2027	TPV012024005	TW12-24-05	Tháp 12	TW12-05	24	B6-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2028	TPV012024006	TW12-24-06	Tháp 12	TW12-06	24	A2-1	
2029	TPV012024007	TW12-24-07	Tháp 12	TW12-07	24	B1-1	
2030	TPV012024008	TW12-24-08	Tháp 12	TW12-08	24	B2-1	
2031	TPV012024009	TW12-24-09	Tháp 12	TW12-09	24	B3-1	
2032	TPV012025001	TW12-25-01	Tháp 12	TW12-01	25	A1-1	
2033	TPV012025002	TW12-25-02	Tháp 12	TW12-02	25	C1-1	
2034	TPV012025003	TW12-25-03	Tháp 12	TW12-03	25	B4-1	
2035	TPV012025004	TW12-25-04	Tháp 12	TW12-04	25	B5-1	
2036	TPV012025005	TW12-25-05	Tháp 12	TW12-05	25	B6-1	
2037	TPV012025006	TW12-25-06	Tháp 12	TW12-06	25	A2-1	
2038	TPV012025007	TW12-25-07	Tháp 12	TW12-07	25	B1-1	
2039	TPV012025008	TW12-25-08	Tháp 12	TW12-08	25	B2-1	
2040	TPV012025009	TW12-25-09	Tháp 12	TW12-09	25	B3-1	
2041	TPV012026001	TW12-26-01	Tháp 12	TW12-01	26	A1-1	
2042	TPV012026002	TW12-26-02	Tháp 12	TW12-02	26	C1-1	
2043	TPV012026003	TW12-26-03	Tháp 12	TW12-03	26	B4-1	
2044	TPV012026004	TW12-26-04	Tháp 12	TW12-04	26	B5-1	
2045	TPV012026005	TW12-26-05	Tháp 12	TW12-05	26	B6-1	
2046	TPV012026006	TW12-26-06	Tháp 12	TW12-06	26	A2-1	
2047	TPV012026007	TW12-26-07	Tháp 12	TW12-07	26	B1-1	
2048	TPV012026008	TW12-26-08	Tháp 12	TW12-08	26	B2-1	
2049	TPV012026009	TW12-26-09	Tháp 12	TW12-09	26	B3-1	
2050	TPV012027001	TW12-27-01	Tháp 12	TW12-01	27	A1-1	
2051	TPV012027002	TW12-27-02	Tháp 12	TW12-02	27	C1-1	
2052	TPV012027003	TW12-27-03	Tháp 12	TW12-03	27	B4-1	
2053	TPV012027004	TW12-27-04	Tháp 12	TW12-04	27	B5-1	
2054	TPV012027005	TW12-27-05	Tháp 12	TW12-05	27	B6-1	
2055	TPV012027006	TW12-27-06	Tháp 12	TW12-06	27	A2-1	
2056	TPV012027007	TW12-27-07	Tháp 12	TW12-07	27	B1-1	
2057	TPV012027008	TW12-27-08	Tháp 12	TW12-08	27	B2-1	
2058	TPV012027009	TW12-27-09	Tháp 12	TW12-09	27	B3-1	
2059	TPV012028001	TW12-28-01	Tháp 12	TW12-01	28	A1-1	
2060	TPV012028002	TW12-28-02	Tháp 12	TW12-02	28	C1-1	
2061	TPV012028003	TW12-28-03	Tháp 12	TW12-03	28	B4-1	
2062	TPV012028004	TW12-28-04	Tháp 12	TW12-04	28	B5-1	
2063	TPV012028005	TW12-28-05	Tháp 12	TW12-05	28	B6-1	
2064	TPV012028006	TW12-28-06	Tháp 12	TW12-06	28	A2-1	

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2065	TPV012028007	TW12-28-07	Tháp 12	TW12-07	28	B1-1	
2066	TPV012028008	TW12-28-08	Tháp 12	TW12-08	28	B2-1	
2067	TPV012028009	TW12-28-09	Tháp 12	TW12-09	28	B3-1	
2068	TPV012029001	TW12-29-01	Tháp 12	TW12-01	29	A1-1	
2069	TPV012029002	TW12-29-02	Tháp 12	TW12-02	29	C1-1	
2070	TPV012029003	TW12-29-03	Tháp 12	TW12-03	29	B4-1	
2071	TPV012029004	TW12-29-04	Tháp 12	TW12-04	29	B5-1	
2072	TPV012029005	TW12-29-05	Tháp 12	TW12-05	29	B6-1	
2073	TPV012029006	TW12-29-06	Tháp 12	TW12-06	29	A2-1	
2074	TPV012029007	TW12-29-07	Tháp 12	TW12-07	29	B1-1	
2075	TPV012029008	TW12-29-08	Tháp 12	TW12-08	29	B2-1	
2076	TPV012029009	TW12-29-09	Tháp 12	TW12-09	29	B3-1	
2077	TPV012030001	TW12-30-01	Tháp 12	TW12-01	30	A1-1	
2078	TPV012030002	TW12-30-02	Tháp 12	TW12-02	30	C1-1	
2079	TPV012030003	TW12-30-03	Tháp 12	TW12-03	30	B4-1	
2080	TPV012030004	TW12-30-04	Tháp 12	TW12-04	30	B5-1	
2081	TPV012030005	TW12-30-05	Tháp 12	TW12-05	30	B6-1	
2082	TPV012030006	TW12-30-06	Tháp 12	TW12-06	30	A2-1	
2083	TPV012030007	TW12-30-07	Tháp 12	TW12-07	30	B1-1	
2084	TPV012030008	TW12-30-08	Tháp 12	TW12-08	30	B2-1	
2085	TPV012030009	TW12-30-09	Tháp 12	TW12-09	30	B3-1	
2086	TPV012031001	TW12-31-01	Tháp 12	TW12-01	31÷32	P06-1	căn hộ dạng thông tầng
2087	TPV012031002	TW12-31-02	Tháp 12	TW12-02	31÷32	P04-1	căn hộ dạng thông tầng
2088	TPV012031003	TW12-31-03	Tháp 12	TW12-03	31÷32	P07-1	căn hộ dạng thông tầng
2089	TPV012031004	TW12-31-04	Tháp 12	TW12-04	31÷32	P05-1	căn hộ dạng thông tầng
2090	TPV012031005	TW12-31-05	Tháp 12	TW12-05	31÷32	P06-1	căn hộ dạng thông tầng

Stt	Thông tin căn hộ (theo Văn bản số 153/TTr-DXG ngày 24/7/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh)						
	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn	Tháp	Ký hiệu	Tầng	Loại căn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2091	TPV012031006	TW12-31-06	Tháp 12	TW12-06	31÷32	P02-1	căn hộ dạng thông tầng
2092	TPV012031007	TW12-31-07	Tháp 12	TW12-07	31÷32	P03-1	căn hộ dạng thông tầng
2093	TPV012031008	TW12-31-08	Tháp 12	TW12-08	31÷32	P01-1	căn hộ dạng thông tầng

Ghi chú:

- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đất Xanh chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và phải cung cấp thông tin đầy đủ về vị trí, ký hiệu/mã căn hộ, diện tích ... cho khách hàng mua nhà ở trong quá trình ký hợp đồng mua bán nhà ở, đảm bảo thông tin căn hộ tương ứng phù hợp với nội dung đã được thẩm định tại Công văn số 610/HĐXD-QLTK ngày 12/11/2020 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng và tại Giấy phép xây dựng số 37/GPXD ngày 12/9/2024 của Sở Xây dựng